

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

ĐÀO THỊ HỒNG VÂN

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC
ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH
NHIỆM HỮU HẠN NGỌC SƠN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

**Người hướng dẫn khoa học
TS. NGUYỄN MẠNH THIỀU**

HÀ NỘI - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

ĐÀO THỊ HỒNG VÂN

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC
ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH
NHIỆM HỮU HẠN NGỌC SƠN**

Chuyên ngành: kế toán

Mã số: 60.34.03.01

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

**Người hướng dẫn khoa học
TS. NGUYỄN MẠNH THIỀU**

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu độc lập của riêng tôi. Số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Đào Thị Hồng Vân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	6
1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	6
1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu	6
1.1.2. Khái niệm và phân loại chi phí	11
1.1.3. Nội dung và phương pháp xác định kết quả kinh doanh	14
1.2. CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHỐI ĐẾN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	15
1.2.1. Nguyên tắc cơ sở dồn tích	15
1.2.2. Nguyên tắc phù hợp	17
1.2.3. Nguyên tắc nhất quán	18
1.2.4. Nguyên tắc thận trọng	18
1.3. KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH DƯỚI GÓC ĐỘ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH	19
1.3.1. Kế toán doanh thu dưới góc độ kế toán tài chính	19
1.3.2. Kế toán chi phí dưới góc độ kế toán tài chính	23
1.3.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán tài chính	29
1.4. KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH DƯỚI GÓC ĐỘ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ	30
1.4.1. Kế toán quản trị doanh thu	31
1.4.2. Kế toán quản trị chi phí	33
1.4.3. Kế toán quản trị kết quả kinh doanh	35
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	37
Chương 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN	38
2.1 TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN	38
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Ngọc Sơn	38
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn	39
2.1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty TNHH Ngọc Sơn	41

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Ngọc Sơn.....	42
2.2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN DƯỚI GÓC ĐỘ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH.....	47
2.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu tại công ty TNHH Ngọc Sơn dưới góc độ kế toán tài chính.	47
2.2.2. Thực trạng kế toán chi phí tại công ty TNHH Ngọc Sơn dưới góc độ kế toán tài chính	52
2.2.3. Thực trạng kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn dưới góc độ kế toán tài chính.	56
2.3. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN DƯỚI GÓC ĐỘ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ.....	60
2.3.1. Kế toán quản trị doanh thu.	60
2.3.2. Kế toán quản trị chi phí.	61
2.3.3. Kế toán quản trị kết quả kinh doanh.....	61
2.4. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN.	62
2.4.1. Đánh giá chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn dưới góc độ kế toán tài chính.	62
2.4.2. Đánh giá chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn dưới góc độ kế toán quản trị.	66
2.4.3. Nguyên nhân của những tồn tại trên.....	68
Chương 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN	70
3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN TRONG TƯƠNG LAI.	70
3.2. YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN.	70
3.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN.	72
3.3.1. Giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn dưới góc độ kế toán tài chính.	72
3.3.2. Giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn dưới góc độ kế toán quản trị.	76

3.4. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN.....	82
3.4.1. Về phía nhà nước và các cơ quan chức năng.....	82
3.4.2. Về phía công ty.....	82
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	84
KẾT LUẬN.....	85

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	NGUYÊN NGHĨA
1	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
2	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
3	TSCĐ	Tài sản cố định
4	DN	Doanh nghiệp
5	GTGT	Giá trị gia tăng
6	KQHĐKD	Kết quả hoạt động kinh doanh
7	HĐKD	Hoạt động kinh doanh
8	SXKD	Sản xuất kinh doanh
9	PXK	Phiếu xuất kho
10	KH	Khách hàng
11	VLXD	Vật liệu xây dựng
12	GVHB	Giá vốn hàng bán
13	CPTC	Chi phí tài chính
14	CPBH	Chi phí bán hàng
15	CPQLDN	Chi phí quản lý doanh nghiệp

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1. Quy trình kinh doanh.....	41
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Ngọc Sơn.....	41
Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH Ngọc Sơn.....	43
Sơ đồ 2.4: Trình tự xử lý dữ liệu bằng phần mềm kế toán.....	47
Sơ đồ: 3.1: Tổ chức bộ máy kế toán mẫu cho công ty TNHH Ngọc Sơn.....	72

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1:	Cơ cấu nhân sự công ty TNHH Ngọc Sơn.....	39
Bảng 2.2:	Danh mục hàng hóa công ty TNHH Ngọc Sơn.....	44
Biểu số 2.1:	Phiếu kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu.....	57
Biểu số 2.2:	Phiếu kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu tài chính.....	57
Biểu số 2.3:	Phiếu kết chuyển chi phí GVHB, CPTC, CPBH, CPQLDN.....	58
Biểu số 2.4:	Phiếu kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	58
Biểu số 2.5:	Phiếu kết chuyển lợi nhuận sau thuế.....	59
Bảng 3.1:	Báo cáo phân tích doanh thu theo mặt hàng công ty TNHH Ngọc Sơn.	77
Bảng 3.2:	Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí.....	79

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.

Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới vô cùng mạnh mẽ. Một “thế giới phẳng” sẽ mang đến cho các doanh nghiệp: quyền tự chủ cao; thị trường rộng, nguồn lực (về: vốn, lao động...) dồi dào; khoa học kỹ thuật tiên tiến... tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Tuy vậy các doanh nghiệp cũng phải đối mặt với sự cạnh tranh vô cùng gay gắt: đối thủ của họ không chỉ là các doanh nghiệp trong nước như trước kia mà còn có các doanh nghiệp nước ngoài với tiềm lực tài chính lớn, giàu kinh nghiệm, chiến lược kinh doanh táo bạo và tầm nhìn rộng. Vì vậy nếu muốn tồn tại và phát triển thì các doanh nghiệp trong nước phải lựa chọn cho mình hướng đi thích hợp phải có tầm nhìn chiến lược từ tổ chức sản xuất kinh doanh đến tiếp cận thị trường và đặc biệt phải có các công cụ quản lý hiệu quả đặc biệt là hạch toán kế toán.

Hạch toán kế toán là một trong những công cụ quản lý sắc bén không thể thiếu trong hoạt động kinh tế - tài chính. Các phần hành của kế toán được xây dựng tương thích với các phần hành của hoạt động kinh doanh để phản ánh đầy đủ, kịp thời các thông tin của tất cả các giai đoạn trong quá trình kinh doanh. Nếu như tất cả các giai đoạn của hoạt động kinh doanh cuối cùng đều được quy về việc tạo ra doanh thu, tính toán chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì tất cả các phần hành kế toán cuối cùng cũng được tập kết lại ở quy trình kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Như vậy có thể thấy rằng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là nội dung quan trọng trong hoạt động kế toán của doanh nghiệp, có tính quyết định đến vai trò của kế toán trong hệ thống công cụ quản lý kinh tế tài chính. Bên cạnh đó hoạt động kinh tế tài chính luôn biến động và phát triển không ngừng; Các quốc gia khác nhau, trình độ, tập quán sản xuất kinh doanh khác nhau khiến cho quá trình xây dựng và vận dụng hệ thống kế toán có nhiều khác biệt so với thông lệ và chuẩn mực kế toán quốc tế. Vì vậy việc hoàn thiện kế toán nói chung và hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là vấn đề luôn được đặt ra.

Công ty TNHH Ngọc Sơn là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại chuyên cung cấp vật liệu xây dựng (sắt, thép, gạch, đá, xi măng...) và thiết bị nội thất cho các công trình xây dựng của các nhà thầu lớn, uy tín; cho các cửa hàng bán lẻ và phục vụ nhu cầu xây dựng dân dụng của dân cư trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình và các Tỉnh lân cận. Trong thời gian tìm hiểu thực tế tại công ty, em nhận thấy kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn còn nhiều tồn tại, hạn chế và chưa có công trình nghiên cứu nào nhằm khắc phục những tồn tại và hạn chế này.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở các doanh nghiệp nói chung và ở công ty TNHH Ngọc Sơn nói riêng. Bằng kiến thức lý luận được trang bị ở nhà trường và qua thời gian tìm hiểu thực tế tại công ty, dưới sự giúp đỡ của TS Nguyễn Mạnh Thiệu và các cán bộ tại phòng kế toán công ty TNHH Ngọc Sơn, em đã chọn đề tài:

“Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn”

2. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là vấn đề thu hút được nhiều sự quan tâm và là sự lựa chọn nghiên cứu của nhiều tác giả. Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này:

Đề tài: *“Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Xăng Dầu Nghệ An”* của tác giả Trần Thị Thanh Tâm, năm 2016

Đề tài: *“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Dược Phẩm Bắc Ninh”* của tác giả Lê Thị Dương, năm 2016

Đề tài: *“Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Dược Phẩm Hà nội”* của tác giả Nguyễn Phú Mạnh, năm 2016

Đề tài: *“Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Thương Mại Cầu Giấy”* của tác giả Vũ Thị Huyền, năm 2016

Thành công mà các đề tài nghiên cứu đã đạt được:

Các đề tài đã hệ thống hóa được cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, có cập nhật thông tư TT200/2014 /TT-BTC một cách có hệ thống làm nền tảng cho việc nghiên cứu khảo sát thực tế tại đơn vị nghiên cứu

Khái quát được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị nghiên cứu từ đó đưa ra được các nhận xét, đánh giá thực trạng về ưu điểm, nhược điểm và nguyên nhân tồn tại một cách khá chân thực làm cơ sở cho các kiến nghị và giải pháp

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng tại đơn vị các tác giả đã trình bày được yêu cầu, nguyên tắc và các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả. Và các điều kiện để thực hiện các giải pháp đã nêu.

Tuy nhiên các đề tài nghiên cứu trên vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định:

Đề tài: *“Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Xăng Dầu Nghệ An”* của tác giả Trần Thị Thanh Tâm, năm 2016

Một số nội dung của kế toán quản trị chưa được làm rõ; Nội dung và kết cấu các tài khoản doanh thu, chi phí chưa đúng, kết cấu phần thực trạng chưa thống nhất

với kết cấu của phần lí luận và khảo sát. Chưa tách riêng kế toán quản trị và kế toán tài chính.

Đề tài: “*Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Dược Phẩm Bắc Ninh*” của tác giả Lê Thị Dương, năm 2016

Chưa nêu được những bất cập về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Dược Phẩm Bắc Ninh ở phần tính cấp thiết của đề tài để làm căn cứ chọn đề tài. Phần tình hình nghiên cứu của đề tài, tác giả đề cập còn sơ sài nên chưa thể khẳng định chính xác khoảng trống cần nghiên cứu trong luận văn cao học của tác giả. Phần kiến nghị nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo yêu cầu kế toán quản trị trình bày còn khá khiêm tốn.

Đề tài: “*Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Dược Phẩm Hà Nội*” của tác giả Nguyễn Phú Mạnh, năm 2016

Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí và tập hợp chi phí chưa chính xác về tiêu thức phân loại; Các tài liệu trích dẫn về kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp chưa chính xác; Số liệu xác định kết quả lãi trước thuế TNDN còn mâu thuẫn giữa các sổ. Việc nhận xét đánh giá thực trạng còn mang tính quy chụp thiếu căn cứ.

Đề tài: “*Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Thương Mại Cầu Giấy*” của tác giả Vũ Thị Huyền, năm 2016

Chưa làm rõ được đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả trong các doanh nghiệp thương mại khác với các loại hình doanh nghiệp khác, chưa có tính logic và thứ tự khi trích dẫn lý luận từ luật, thông tư, chuẩn mực... Lý luận kế toán quản trị không đầy đủ, thực trạng kế toán quản trị tác giả không trình bày. Thực trạng phải ánh mang tính liệt kê rời rạc, mắc nhiều sai sót liên quan tới những thay đổi của TT 200/2014/TT-BTC. Các giải pháp nêu ra còn đơn điệu mang tính lý thuyết cao, không đề cập tới thuế thu nhập doanh nghiệp.

Mặc dù đề tài kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được khá nhiều tác giả quan tâm và khai thác, tuy nhiên việc áp dụng tại Công ty TNHH Ngọc Sơn vẫn chưa được đề cập. Trên cơ sở kế thừa kết quả mà các luận văn nêu trên đã đạt được đồng thời bằng việc nghiên cứu tìm hiểu nghiêm túc của bản thân em đã thực hiện đề tài: “***Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn***” để góp phần phân tích thực trạng, từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn từ đó nâng cao chất lượng thông tin cung cấp phục vụ yêu cầu quản trị và ra quyết định kinh tế chính xác nhằm tối đa hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.

3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài.

Làm rõ và khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Nghiên cứu thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn

Trên cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp và khảo sát thực tế về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn đưa ra các đánh giá về ưu nhược điểm và đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu: đề tài nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nói chung, nghiên cứu thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn nói riêng

Phạm vi nghiên cứu: đề tài không nghiên cứu toàn bộ công tác kế toán mà chỉ đi sâu nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn. Không nghiên cứu các khoản chi phí nói chung mà chỉ nghiên cứu các khoản chi phí được trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh, về doanh thu trọng tâm nghiên cứu là doanh thu bán hàng. Trọng tâm nghiên cứu kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở góc độ kế toán tài chính với số liệu thực tế năm 2016, đồng thời cũng đề cập đến một số vấn đề cơ bản thuộc về kế toán quản trị.

5. Phương pháp nghiên cứu.

Đề tài sử dụng kết hợp phương pháp suy diễn và phương pháp quy nạp để nghiên cứu và trình bày kết quả nghiên cứu. Để có luận cứ cho việc suy diễn và quy nạp, đề tài vận dụng kết hợp các phương pháp về nghiên cứu lý thuyết, khảo sát thực tế, phỏng vấn, tham khảo ý kiến chuyên gia, thống kê số liệu, phân tích, so sánh để thu thập tài liệu và xử lý tài liệu, thể hiện:

Thu thập tài liệu thứ cấp: đề tài thực hiện nghiên cứu vấn đề lý luận thông qua việc tham khảo các giáo trình, sách tham khảo, bài báo, tạp chí, các luận văn, luận án... viết về đề tài kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Thu thập tài liệu thứ cấp về thực trạng bằng phương pháp quan sát, nghiên cứu chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh của công ty TNHH Ngọc Sơn năm 2016 và các thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, các tài liệu khác.

Thu thập tài liệu sơ cấp: phỏng vấn, xin ý kiến trực tiếp của cán bộ kế toán và các nhân viên khác tại công ty TNHH Ngọc Sơn. Đồng thời đề tài cũng được tìm hiểu, nghiên cứu thông qua việc xin ý kiến của giảng viên hướng dẫn và các chuyên gia về lĩnh vực kế toán.

Tổng hợp xử lý tài liệu thu thập được làm luận chứng cho kết quả nghiên cứu: đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phân tích định tính và so sánh giữa thực trạng và cơ sở lý luận để suy diễn, quy nạp và trình bày kết quả nghiên cứu.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.

Về mặt lý luận: luận văn góp phần hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH Ngọc Sơn nói riêng.

Về mặt thực tiễn: trên cơ sở lý luận và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn đề tài đã đánh giá và phân tích các nguyên nhân trong quá trình vận dụng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Từ đó đề xuất giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn.

7. Kết cấu của luận văn.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, bảng biểu, danh mục tài liệu tham khảo luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn

Chương 1: LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu.

1.1.1.1. Khái niệm doanh thu.

Theo chuẩn mực kế toán quốc tế về doanh thu (IAS 18 - Revenue):

“Doanh thu là luồng thu gộp các lợi ích kinh tế trong kỳ, phát sinh trong quá trình hoạt động thông thường làm tăng vốn chủ sở hữu chứ không phải phần đóng góp của những người tham gia góp vốn cổ phần. Doanh thu loại trừ các khoản thu hộ bên thứ ba”

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam về doanh thu và thu nhập khác (VAS 14):

“Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu”

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

Theo giáo trình kế toán tài chính - Học Viện Tài Chính:

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Như vậy có thể hiểu bản chất của doanh thu là: tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.1.2. Phân loại doanh thu.

Tùy theo từng loại hình sản xuất kinh doanh, doanh thu bao gồm:

❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Bán hàng là: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa mua vào

Cung cấp dịch vụ là: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán

➤ *Doanh thu bán hàng:*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh nghiệp phải xác định thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua trong từng trường hợp cụ thể. Trong hầu hết các trường hợp, thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro trùng với thời điểm chuyển giao lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hợp pháp hoặc quyền kiểm soát hàng hóa cho người mua.

Trường hợp doanh nghiệp vẫn còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận. Doanh nghiệp còn phải chịu rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa dưới nhiều hình thức khác nhau, như:

Doanh nghiệp còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo cho tài sản được hoạt động bình thường mà việc này không nằm trong các điều khoản bảo hành thông thường;

Khi việc thanh toán tiền bán hàng còn chưa chắc chắn vì phụ thuộc vào người mua hàng hóa đó;

Khi hàng hóa được giao còn chờ lắp đặt và việc lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành;

Khi người mua có quyền huỷ bỏ việc mua hàng vì một lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

Nếu doanh nghiệp chỉ còn phải chịu một phần nhỏ rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa thì việc bán hàng được xác định và doanh thu được ghi nhận. Ví dụ doanh nghiệp còn nắm giữ giấy tờ về quyền sở hữu hàng hóa chỉ để đảm bảo sẽ nhận được đủ các khoản thanh toán.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận chỉ khi đảm bảo là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Trường hợp lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng còn phụ thuộc yếu tố không chắc chắn thì chỉ ghi nhận doanh thu khi yếu tố không chắc chắn này đã xử lý xong (ví dụ, khi doanh nghiệp không chắc chắn là Chính phủ nước sở tại có chấp nhận chuyển tiền bán hàng ở nước ngoài về hay không). Nếu doanh thu đã được ghi nhận trong trường hợp chưa thu được

tiền thì khi xác định khoản tiền nợ phải thu này là không thu được thì phải hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ mà không được ghi giảm doanh thu. Khi xác định khoản phải thu là không chắc chắn thu được (Nợ phải thu khó đòi) thì phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi mà không ghi giảm doanh thu. Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được thì được bù đắp bằng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Doanh thu và chi phí liên quan tới cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí, bao gồm cả chi phí phát sinh sau ngày giao hàng (như chi phí bảo hành và chi phí khác), thường được xác định chắc chắn khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn. Các khoản tiền nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu mà được ghi nhận là một khoản nợ phải trả tại thời điểm nhận tiền trước của khách hàng. Khoản nợ phải trả về số tiền nhận trước của khách hàng chỉ được ghi nhận là doanh thu khi đồng thời thỏa mãn năm (5) điều kiện.

➤ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đảm bảo là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Khi không thể thu hồi được khoản doanh thu đã ghi nhận thì phải hạch toán vào chi phí mà không được ghi giảm doanh thu. Khi không chắc chắn thu hồi được một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu (Nợ phải thu khó đòi) thì phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi mà không ghi giảm doanh thu. Khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được thì được bù đắp bằng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Doanh nghiệp có thể ước tính doanh thu cung cấp dịch vụ khi thỏa thuận được với bên đối tác giao dịch những điều kiện sau:

Trách nhiệm và quyền của mỗi bên trong việc cung cấp hoặc nhận dịch vụ;

Giá thanh toán;

Thời hạn và phương thức thanh toán.

Để ước tính doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp phải có hệ thống kế hoạch tài chính và kế toán phù hợp. Khi cần thiết, doanh nghiệp có quyền xem xét và sửa đổi cách ước tính doanh thu trong quá trình cung cấp dịch vụ.

Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo một trong ba phương pháp sau, tùy thuộc vào bản chất của dịch vụ:

Đánh giá phần công việc đã hoàn thành;

So sánh tỷ lệ (%) giữa khối lượng công việc đã hoàn thành với tổng khối lượng công việc phải hoàn thành;

Tỷ lệ (%) chi phí đã phát sinh so với tổng chi phí ước tính để hoàn thành toàn bộ giao dịch cung cấp dịch vụ.

Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện bằng nhiều hoạt động khác nhau mà không tách biệt được, và được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán nhất định thì doanh thu từng kỳ được ghi nhận theo phương pháp bình quân. Khi có một hoạt động cơ bản so với các hoạt động khác thì việc ghi nhận doanh thu được thực hiện theo hoạt động cơ bản đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Trong giai đoạn đầu của một giao dịch về cung cấp dịch vụ, khi chưa xác định được kết quả một cách chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận bằng chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi được. Nếu chi phí liên quan đến dịch vụ đó chắc chắn không thu hồi được thì không ghi nhận doanh thu, và chi phí đã phát sinh được hạch toán vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Khi có bằng chứng tin cậy về các chi phí đã phát sinh sẽ thu hồi được thì doanh thu được ghi nhận theo quy định.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định bằng Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ đi (-) các khoản giảm trừ doanh thu (bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại:

Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi suất thực tế là tỷ lệ lãi dùng để quy đổi các khoản tiền nhận được trong tương lai trong suốt thời gian cho bên khác sử dụng tài sản về giá trị ghi nhận ban đầu tại thời điểm chuyển giao tài sản cho bên sử dụng. Doanh thu tiền lãi bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị của nó khi đáo hạn.

Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư đã được dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư đó, thì khi thu được tiền lãi từ khoản đầu tư, doanh nghiệp phải phân bổ vào cả các kỳ trước khi nó được mua. Chỉ có phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của doanh nghiệp. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Tiền bản quyền được tính dồn tích căn cứ vào các điều khoản của hợp đồng (ví dụ như tiền bản quyền của một cuốn sách được tính dồn tích trên cơ sở số lượng sách xuất bản từng lần và theo từng lần xuất bản) hoặc tính trên cơ sở hợp đồng từng lần.

Doanh thu được ghi nhận khi đảm bảo là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

Tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền và cổ tức theo IAS 18 và VAS 14 đều phải thỏa mãn 2 điều kiện:

Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó, và

Doanh thu được xác định một cách đáng tin cậy.

Tuy vậy theo IAS 18 thì Doanh thu được ghi nhận như sau:

Tiền lãi - được ghi nhận bằng phương pháp lãi trên cơ sở thời gian có tính đến tỷ lệ sinh lời thực tế của tài sản;

Tiền bản quyền - được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo bản chất của hợp đồng liên quan;

Cổ tức - được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức; và

Các khoản ưu đãi/thưởng cho khách hàng lâu năm được hạch toán là một phần riêng biệt của giao dịch bán hàng mà doanh nghiệp nhận được khoản ưu đãi/thưởng đó, và do đó, một phần giá trị hợp lý của các khoản thu được phân bổ cho khoản ưu đãi/thưởng đó và được phân bổ dần trong suốt thời gian của khoản ưu đãi/thưởng đó.

Việc ghi nhận doanh thu theo VAS 14 tương tự như IAS 18 tuy nhiên tiền lãi chỉ được ghi nhận trên cơ sở thời gian.

(Nguồn: Deloitte Việt Nam)

❖ *Thu nhập khác*

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;

Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;

Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;

Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;

Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;

Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;

Các khoản thu khác.

Khoản thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ là tổng số tiền đã thu và sẽ thu được của người mua từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Các chi phí về thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi nhận là chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí của kỳ trước là khoản nợ phải thu khó đòi, xác định là không thu hồi được, đã được xử lý xóa sổ và tính vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong các kỳ trước nay thu hồi được.

Khoản nợ phải trả nay mất chủ là khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ hoặc chủ nợ không còn tồn tại.

1.1.2. Khái niệm và phân loại chi phí.

1.1.2.1. Khái niệm chi phí.

Theo chuẩn mực kế toán quốc tế - chuẩn mực chung cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

Chi phí được hiểu là: giảm lợi ích kinh tế dưới dạng tiền chi ra hoặc giảm giá trị tài sản hoặc phát sinh nợ dẫn tới giảm vốn chủ sở hữu (không phải các khoản giảm do phân chia cho các chủ sở hữu)

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam - chuẩn mực chung (VAS 01).

Chi phí là: tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Theo giáo trình kế toán tài chính – Học Viện Tài Chính:

Chi phí được xác định là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu

Có nhiều quan điểm khác nhau về chi phí, việc nghiên cứu và nhận thức về chi phí còn phụ thuộc vào góc độ nhìn nhận của từng loại kế toán khác nhau.

Trên góc độ kế toán tài chính:

Chi phí được nhìn nhận như những khoản phí tổn phát sinh gắn liền với hoạt động của doanh nghiệp để đạt được một sản phẩm, lao vụ, dịch vụ nhất định. Chi phí được xác định bằng tiền của những hao phí về lao động sống, lao động vật hóa... trên cơ sở chứng từ tài liệu bằng chứng chắc chắn.

Trên góc độ kế toán quản trị:

Chi phí có thể là phí tổn thực tế gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày khi tổ chức thực hiện, kiểm tra, ra quyết định

Chi phí cũng có thể là phí tổn ước tính để thực hiện dự án, những phí tổn mất đi khi lựa chọn phương án, bỏ qua cơ hội kinh doanh.

1.1.2.1. Phân loại chi phí.

❖ Phân loại chi phí theo hoạt động và công dụng kinh tế:

Căn cứ vào mục đích của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp, căn cứ vào công dụng kinh tế của chi phí thì chi phí sản xuất kinh doanh được chia thành:

➤ Chi phí hoạt động kinh doanh thông thường: chi phí hoạt động chính và phụ bao gồm chi phí tạo ra doanh thu bán hàng của hoạt động sản xuất kinh doanh. Căn cứ vào chức năng công dụng của chi phí, các khoản chi phí này được chia thành: chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí tài chính

✚ Chi phí sản xuất kinh doanh gồm: chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất:

▪ Chi phí sản xuất: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp; Chi phí nhân công trực tiếp; Chi phí sản xuất chung.

▪ Chi phí ngoài sản xuất: chi phí bán hàng; Chi phí quản lý doanh nghiệp.

✚ Chi phí tài chính: chi phí tài chính là những chi phí và các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động về vốn như: chi phí liên doanh, chi phí đầu tư tài chính, chi phí liên quan cho vay vốn, lỗ liên doanh...

➤ Chi phí khác: chi phí khác là các chi phí và các khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được như: chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, tiền phạt do vi phạm hợp đồng...

❖ **Phân loại chi phí theo nội dung tính chất kinh tế của chi phí.**

Căn cứ vào nội dung tính chất kinh tế của chi phí, chi phí được phân thành 05 loại như sau:

➤ Chi phí nguyên liệu và vật liệu: chi phí nguyên vật liệu bao gồm giá mua, chi phí mua của nguyên vật liệu dùng vào sản xuất kinh doanh

➤ Chi phí nhân công: là các khoản chi phí về tiền lương phải trả cho người lao động, các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo tiền lương của người lao động.

➤ Chi phí khấu hao máy móc thiết bị: bao gồm khấu hao của tất cả TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp

➤ Chi phí dịch vụ mua ngoài: là số tiền phải trả cho các dịch vụ mua ngoài phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

➤ Chi phí khác bằng tiền: là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài các yếu tố chi phí nói trên

❖ **Phân loại chi phí theo chức năng quản lý**

Phân loại chi phí theo chức năng quản lý thì chi phí được trình bày theo kết quả kinh doanh bao gồm:

➤ Giá vốn hàng bán: là giá trị của hàng hóa, thành phẩm, lao vụ, dịch vụ, bất động sản đầu tư trong kỳ

➤ Chi phí bán hàng: là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ như tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp cho nhân viên bán hàng...

➤ Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí về quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động chung của doanh nghiệp như: tiền lương của ban giám đốc, nhân viên quản lý, dịch vụ mua ngoài phục vụ bộ phận quản lý

➤ Chi phí tài chính: là những chi phí và các khoản lỗ liên quan đến hoạt động về vốn: chi phí liên doanh, chi phí đầu tư tài chính, chi phí liên quan cho vay vốn, lỗ liên doanh...

➤ Chi phí khác: là các chi phí và các khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, các khoản phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế...

➤ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: là thuế tính trên phần thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp

❖ **Phân loại chi phí theo mối quan hệ với mức độ hoạt động**

➤ Chi phí biến đổi: là chi phí mà tổng của nó sẽ thay đổi tỷ lệ thuận với sự thay đổi của mức độ hoạt động nhưng chi phí biến đổi trên một đơn vị sản phẩm luôn luôn ổn định. Các hoạt động có thể được biểu hiện nhiều cách khác nhau như các đơn vị sản phẩm được sản xuất, sản phẩm bán, số lượng giờ làm.

➤ Chi phí cố định: là chi phí không thay đổi khi mức độ hoạt động thay đổi nhưng chi phí cố định trên một đơn vị sản phẩm sẽ thay đổi tỷ lệ nghịch với sự thay đổi của mức độ hoạt động

❖ **Phân loại chi phí theo tính liên quan đến quyết định kinh doanh**

➤ Chi phí cơ hội: là phần lợi nhuận tiềm năng bị từ bỏ khi lựa chọn phương án này thay vì phương án khác

➤ Chi phí chênh lệch: là những khoản chi phí có ở phương án này nhưng không có hoặc chỉ có một phần ở phương án khác

➤ Chi phí chìm: là chi phí đã phát sinh trong quá khứ và không bị ảnh hưởng bởi phương án hoạt động trong hiện tại cũng như tương lai.

1.1.3. Nội dung và phương pháp xác định kết quả kinh doanh.

Nội dung kết quả hoạt động kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là kết quả của hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là: kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là: kết quả đạt được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập thuần khác và chi phí khác.

Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận gộp} & & \text{Doanh} & & \text{Chi} & & \\ \text{thuần từ hoạt} & & \text{về bán hàng và} & & \text{thu hoạt} & & \text{phí} & & \\ \text{động kinh} & = & \text{cung cấp dịch} & + & \text{động tài} & - & \text{tài} & - & \\ \text{doanh} & & \text{vụ} & & \text{chính} & & \text{chính} & & \\ & & & & & & & & \text{Chi phí bán hàng} \\ & & & & & & & & \text{và Chi phí quản} \\ & & & & & & & & \text{lý doanh nghiệp} \end{matrix}$$

Trong đó:

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng} & = & \text{Doanh thu thuần về bán} & - & \text{Giá vốn hàng} \\ \text{và cung cấp dịch vụ} & & \text{hàng và cung cấp dịch vụ} & & \text{bán} \\ \text{Doanh thu thuần về bán} & = & \text{Doanh thu về bán hàng và} & - & \text{Các khoản giảm} \\ \text{hàng và cung cấp dịch vụ} & & \text{cung cấp dịch vụ} & & \text{trừ doanh thu} \end{matrix}$$

Kết quả hoạt động khác

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} & = & \text{Thu nhập khác} & - & \text{Chi phí khác} \\ \text{Tổng lợi nhuận kế toán} & & & & \end{matrix}$$

$$\begin{matrix} \text{Tổng lợi nhuận kế} & = & \text{Lợi nhuận thuần từ} & + & \text{Lợi nhuận từ hoạt động} \\ \text{toán trước thuế} & & \text{hoạt động kinh doanh} & & \text{khác} \end{matrix}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận kế toán sau thuế} &= \text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Thuế thu nhập doanh nghiệp} \\ \text{Thuế thu nhập doanh nghiệp} &= \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành} \end{aligned}$$

1.2. CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHỐI ĐẾN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

Kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chịu ảnh hưởng bởi các nguyên tắc kế toán cơ bản, quy định trong chuẩn mực chung (VAS 01), trong đó ảnh hưởng rõ nhất là: nguyên tắc cơ sở dồn tích, nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán, nguyên tắc thận trọng...

1.2.1. Nguyên tắc cơ sở dồn tích

Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính của doanh nghiệp liên quan đến tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí phải được ghi sổ kế toán vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền. Báo cáo tài chính lập trên cơ sở dồn tích phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp trong quá khứ, hiện tại và tương lai

Nguyên tắc cơ sở dồn tích đối với kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh yêu cầu:

Nghiệp vụ kinh tế tài chính của doanh nghiệp phát sinh liên quan tới doanh thu khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn về ghi nhận doanh thu bao gồm:

Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thì phải được ghi sổ kế toán ngay không phân biệt doanh nghiệp đã thu được tiền hay chưa thu được tiền liên quan tới khoản doanh thu đó

Nghiệp vụ kinh tế tài chính của doanh nghiệp phát sinh liên quan tới chi phí phải được ghi sổ kế toán vào thời điểm phát sinh không phân biệt khoản chi phí đó đã được thanh toán hay chưa được thanh toán

Việc thực hiện nguyên tắc cơ sở dồn tích đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới doanh thu và chi phí có ưu điểm là: không có sự trùng hợp giữa lượng tiền thu vào và doanh thu trong kỳ và tồn tại chênh lệch giữa chi phí ghi nhận và lượng tiền chi ra trong một kỳ, kế toán theo cơ sở dồn tích cho phép theo dõi các giao dịch kéo dài qua các kỳ khác nhau, như nợ phải thu, nợ phải trả, khấu hao, dự phòng... Kế toán theo cơ sở dồn tích mang lại cơ hội cho nhà

quản trị thực hiện hành động điều chỉnh lợi nhuận nhằm đạt được một mục tiêu nào đó, vì chế độ kế toán cũng đưa ra nhiều lựa chọn cho mỗi loại giao dịch (đối tượng) có liên quan đến ghi nhận doanh thu và chi phí

Các phương án có thể vận dụng để “xác lập” lợi nhuận “hành vi” của nhà quản trị DN

Lựa chọn phương pháp kế toán: lựa chọn phương pháp kế toán có ảnh hưởng đến thời điểm ghi nhận doanh thu và chi phí (và kết quả là ảnh hưởng đến thời điểm ghi nhận lợi nhuận). Lựa chọn một (hoặc một số) phương pháp kế toán cho phép ghi nhận doanh thu sớm hơn và chuyển dịch ghi nhận chi phí về sau sẽ làm tăng lợi nhuận báo cáo trong kỳ và ngược lại. Trong chế độ kế toán DN tồn tại một số phương pháp có thể được vận dụng để ghi nhận doanh thu, chi phí:

Ghi nhận doanh thu: DN có thể vận dụng phương pháp phần trăm hoàn thành để ghi nhận doanh thu và chi phí trong hoạt động cung cấp dịch vụ và hợp đồng xây dựng. Phương pháp này cho phép DN ghi nhận mức doanh thu lớn hơn hoặc nhỏ hơn thực tế theo tỷ lệ ước tính tiến độ thực hiện hợp đồng; phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho (bình quân, nhập trước - xuất trước, nhập sau - xuất trước, đích danh) ảnh hưởng đến ghi nhận giá vốn hàng bán trong kỳ, và từ đó, ảnh hưởng đến lợi nhuận báo cáo trong kỳ; lựa chọn phương pháp khấu hao tài sản cố định. Mỗi một phương pháp khấu hao (đường thẳng, tỷ lệ sử dụng, số dư giảm dần có điều chỉnh) có chi phí khấu hao khác nhau. Cần lưu ý, phạm vi của lựa chọn này khá hạn chế.

Vận dụng các phương pháp kế toán: chế độ kế toán cũng cho phép DN được phép vận dụng các phương pháp kế toán thông qua lựa chọn thời điểm ghi nhận chi phí. Nhà quản trị quyết định chuyển dịch về sau (hoặc ghi nhận sớm hơn) một số loại chi phí sẽ làm giảm (hoặc tăng) chi phí của niên độ hiện hành. Các loại chi phí có thể chuyển dịch thời điểm ghi nhận bao gồm: chi phí bảo hiểm hỏa hoạn, giá trị công cụ, dụng cụ phân bổ nhiều kỳ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí quảng cáo, chi phí bảo hành sản phẩm. Những loại chi phí này có thể được ghi nhận vào niên độ phát sinh hoặc phân biệt cho một số kỳ (dựa vào nguyên tắc phù hợp).

Lựa chọn thời điểm vận dụng các phương pháp kế toán và ước tính các khoản chi phí, doanh thu: Nhà quản trị DN có thể lựa chọn thời điểm và cách thức ghi nhận các sự kiện có liên quan đến chỉ tiêu lợi nhuận trong lý. Chẳng hạn, thời điểm và mức dự phòng cần lập của hàng tồn kho, của chứng khoán và phải thu khó đòi; thời điểm các khoản dự phòng này được hoàn nhập hay xóa sổ và mức hoàn nhập. DN cũng có thể ước tính (trích trước) một số chi phí như chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí bảo hành công trình xây lắp, ước tính tỷ lệ hoàn thành hợp đồng xây lắp và cung cấp dịch vụ để ghi nhận doanh thu và chi phí, ước tính tỷ lệ lãi suất ngầm ẩn của hợp đồng thuê tài sản để vốn hóa tiền thuê trong một hợp đồng tài chính. Ước tính thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ cũng có thể được thực hiện để điều chỉnh chi phí khấu hao (mặc dù phạm vi không lớn).

Lựa chọn thời điểm đầu tư hay thanh lý tài sản cố định: Lựa chọn thời điểm mua hay thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cũng có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán. Nhà quản trị DN có thể quyết định khi nào và mức độ các chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa, nâng cấp cải tạo tài sản cố định được chi ra. Nhà quản trị cũng có thể quyết định thời điểm thanh lý, nhượng bán tài sản cố định để đẩy nhanh hoặc làm chậm lại việc ghi nhận lợi nhuận hay thua lỗ hoạt động khác. Đẩy nhanh hay làm chậm việc gửi hàng cho khách hàng vào thời điểm gần cuối niên độ cũng có thể ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận báo cáo trong kỳ.

Các phương án trên có thể được vận dụng tổng hợp để điều chỉnh lợi nhuận của một hoặc một vài kỳ kế toán. Mức biến động lợi nhuận phụ thuộc vào giới hạn cho phép (hay mức linh hoạt) của các phương pháp kế toán. Mặt khác, hướng điều chỉnh (tăng, giảm) lợi nhuận không thể không có giới hạn vì việc điều chỉnh doanh thu và giảm chi phí trong một (hoặc một số) kỳ này sẽ làm giảm doanh thu và tăng chi phí trong một vài kỳ kế tiếp sau đó (từ đó, số trung bình của toàn bộ số lợi nhuận điều chỉnh trong một khoản thời gian hữu hạn, thường là vài ba năm, phải bằng 0)

Tuy vậy việc ghi nhận doanh thu và chi phí không dựa vào dòng tiền tương ứng thu vào hay chi ra mà dựa vào thời điểm giao dịch phát sinh, số liệu trên BCTC thể hiện một phần ý kiến chủ quan của nhà kế toán. Chẳng hạn, việc phân bổ nhiều loại chi phí hay ghi nhận doanh thu theo tiến độ thực hiện trong hoạt động xây lắp thể hiện những hành động (vô hình), mang tính chủ quan của nhà kế toán.

1.2.2. Nguyên tắc phù hợp.

Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Nguyên tắc phù hợp đối với kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh yêu cầu:

Thứ nhất: khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

Chi phí tương ứng với doanh thu bao gồm:

Chi phí của kỳ tạo ra doanh thu: đó là các chi phí đã phát sinh thực tế trong kỳ và liên quan tới việc tạo ra doanh thu của kỳ đó

Chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó

Như vậy chi phí được ghi nhận trong kỳ là toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập của kỳ đó không phụ thuộc vào khoản chi phí đó được chi ra trong kỳ nào

Thứ 2: khoản doanh thu được ghi nhận và khoản chi phí tạo ra doanh thu đó phải được ghi nhận trong cùng một kỳ kế toán. Ví dụ doanh thu bán hàng và giá vốn của lô hàng bán phải được ghi nhận trong cùng một kỳ kế toán nếu các điều kiện ghi nhận doanh thu được thoả mãn

Quy định hạch toán phù hợp giữa doanh thu và chi phí nhằm xác định và đánh giá đúng kết quả kinh doanh của từng kỳ kế toán giúp các nhà quản trị có những quyết định kinh doanh đúng đắn và có hiệu quả.

1.2.3. Nguyên tắc nhất quán.

Các chính sách và phương pháp kế toán doanh nghiệp đã chọn phải được áp dụng thống nhất ít nhất trong một kỳ kế toán năm. Trường hợp có thay đổi chính sách và phương pháp kế toán đã chọn thì phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

Nguyên tắc nhất quán đối với kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh yêu cầu: Việc áp dụng các chính sách và phương pháp kế toán liên quan tới doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp phải thống nhất giữa các kỳ kế toán năm. Trường hợp có thay đổi chính sách và phương pháp kế toán đã chọn thì phải giải trình lý do (thông báo với cơ quan thuế) và công bố đầy đủ ảnh hưởng của sự thay đổi đó về giá trị trong các báo cáo tài chính.

Nguyên tắc nhất quán đối với doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh bảo đảm cho các thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mang tính ổn định và có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán với nhau và giữa kế hoạch, dự toán với thực hiện. Là cơ sở đáng tin cậy cho các nhà quản trị ra quyết định kinh tế.

1.2.4. Nguyên tắc thận trọng.

Thận trọng là việc xem xét, cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán trong các điều kiện không chắc chắn. Nguyên tắc thận trọng đòi hỏi:

- Phải lập các khoản dự phòng nhưng không lập quá lớn;
- Không đánh giá cao hơn giá trị của các tài sản và các khoản thu nhập;
- Không đánh giá thấp hơn giá trị của các khoản nợ phải trả và chi phí;
- Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế, còn chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí.

Nguyên tắc thận trọng đối với kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh yêu cầu:

Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

Doanh thu phải được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn là hình thức hoặc tên gọi của giao dịch và phải được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa, dịch vụ

Đối với các giao dịch làm phát sinh nghĩa vụ của người bán ở thời điểm hiện tại và trong tương lai, doanh thu phải được phân bổ theo giá trị hợp lý của từng nghĩa vụ và được ghi nhận khi nghĩa vụ đã được thực hiện:

Chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất của giao dịch để phản ánh một cách trung thực, hợp lý.

1.3. KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH DƯỚI GÓC ĐỘ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH.

1.3.1. Kế toán doanh thu dưới góc độ kế toán tài chính

Nguyên tắc kế toán các khoản doanh thu

Điều 78 thông tư 200/2014/TT-BTC quy định:

Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền

Doanh thu và chi phí tạo ra khoản doanh thu đó phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào chất bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Một hợp đồng kinh tế có thể bao gồm nhiều giao dịch. Kế toán phải nhận biết các giao dịch để áp dụng các điều kiện ghi nhận doanh thu phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán “Doanh thu”.

Doanh thu phải được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn là hình thức hoặc tên gọi của giao dịch và phải được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa, dịch vụ.

Đối với các giao dịch làm phát sinh nghĩa vụ của người bán ở thời điểm hiện tại và trong tương lai, doanh thu phải được phân bổ theo giá trị hợp lý của từng nghĩa vụ và được ghi nhận khi nghĩa vụ đã được thực hiện

Doanh thu, lãi hoặc lỗ chỉ được coi là chưa thực hiện nếu doanh nghiệp còn có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ trong tương lai (trừ nghĩa vụ bảo hành thông thường) và chưa chắc chắn thu được lợi ích kinh tế; Việc phân loại các khoản

lãi, lỗ là thực hiện hoặc chưa thực hiện không phụ thuộc vào việc đã phát sinh dòng tiền hay chưa

Các khoản lãi, lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản, nợ phải trả không được coi là chưa thực hiện do tại thời điểm đánh giá lại, đơn vị đã có quyền đối với tài sản và đã có nghĩa vụ nợ hiện tại đối với các khoản nợ phải trả, ví dụ: Các khoản lãi, lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác, đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ... đều được coi là đã thực hiện.

Doanh thu không bao gồm các khoản thu hộ bên thứ ba. Trường hợp các khoản thuế gián thu phải nộp mà không tách riêng ngay được tại thời điểm phát sinh giao dịch thì để thuận lợi cho công tác kế toán, có thể ghi nhận doanh thu trên sổ kế toán bao gồm cả số thuế gián thu nhưng định kỳ kế toán phải ghi giảm doanh thu đối với số thuế gián thu phải nộp. Tuy nhiên, khi lập Báo cáo tài chính kế toán bắt buộc phải xác định và loại bỏ toàn bộ số thuế gián thu phải nộp ra khỏi các chỉ tiêu phản ánh doanh thu gộp

Thời điểm, căn cứ để ghi nhận doanh thu kế toán và doanh thu tính thuế có thể khác nhau tùy vào từng tình huống cụ thể. Doanh thu tính thuế chỉ được sử dụng để xác định số thuế phải nộp theo luật định; Doanh thu ghi nhận trên sổ kế toán để lập Báo cáo tài chính phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán và tùy theo từng trường hợp không nhất thiết phải bằng số đã ghi trên hóa đơn bán hàng

Khi luân chuyển sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong nội bộ doanh nghiệp, tùy theo đặc điểm hoạt động, phân cấp quản lý của từng đơn vị, doanh nghiệp có thể quyết định việc ghi nhận doanh thu tại các đơn vị nếu có sự gia tăng trong giá trị sản phẩm, hàng hóa giữa các khâu mà không phụ thuộc vào chứng từ kèm theo (xuất hóa đơn hay chứng từ nội bộ). Khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp, tất cả các khoản doanh thu giữa các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp đều phải được loại trừ

Doanh thu được ghi nhận chỉ bao gồm doanh thu của kỳ báo cáo. Các tài khoản phản ánh doanh thu không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển doanh thu để xác định kết quả kinh doanh

1.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; Các khoản giảm trừ doanh thu.

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại:

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế

Hàng bán bị trả lại là giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách

❖ **Chứng từ sử dụng**

Hóa đơn GTGT

Hóa đơn bán hàng

Bảng thanh toán hàng đại lý ký gửi

Thẻ quây hàng

Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...)

Tờ khai thuế

Chứng từ kế toán liên quan khác: phiếu nhập kho hàng trả lại...

❖ **Tài khoản sử dụng**

➤ Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản cấp 2:

Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá

Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá

Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Tài khoản 5118 - Doanh thu khác

➤ Tài khoản 521: Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản cấp 2:

Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại

Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại

Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán

❖ **Trình tự kế toán**

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ liên quan (Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận hàng hóa...) kế toán hạch toán vào tài khoản 511 và các tài khoản liên quan như 3331 thuế GTGT đầu ra, tài khoản 131 phải thu của khách hàng, tài khoản 111 tiền mặt, tài khoản 112 tiền gửi ngân hàng...

Khi phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu, căn cứ vào chứng từ liên quan kế toán hạch toán vào các tài khoản phù hợp: tài khoản 5211 chiết khấu thương mại, 5212 giảm giá hàng bán, 5213 hàng bán bị trả lại.

Cuối kỳ thực hiện các bút toán kết chuyển: kết chuyển tổng số phát sinh của tài khoản 5211, tài khoản 5212, tài khoản 5213 sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ. Sau đó kết chuyển doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh

Sơ đồ trình tự kế toán: **Phụ lục 1.1: sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu.**

❖ **Trình bày báo cáo tài chính**

Trên báo cáo kết quả kinh doanh mẫu B02-DN:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được trình bày tại chỉ tiêu 1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 01); Chỉ tiêu 3 – Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 10).

Các khoản giảm trừ doanh thu được trình bày ở chỉ tiêu 2 – Các khoản giảm trừ doanh thu (mã số 02)

Trên bản thuyết minh báo cáo tài chính mẫu B09-DN:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được phản ánh ở tiểu mục 1, thuộc mục VII – thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo KQHĐKD.

Các khoản giảm trừ doanh thu được trình bày tại tiểu mục 2, thuộc mục VII – thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo KQHĐKD.

1.3.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

❖ Chứng từ sử dụng

Phiếu thu

Giấy báo có

Hóa đơn GTGT

Hợp đồng kinh tế

....

❖ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

❖ Trình tự kế toán

Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng về lãi được hưởng, thông báo về lợi nhuận cổ tức được chia, các chứng từ về mua bán ngoại tệ, chiết khấu thanh toán được hưởng... kế toán hạch toán vào tài khoản 515 và các tài khoản liên quan: 111, 112, 138...

Cuối kỳ kế toán kết chuyển doanh thu của hoạt động tài chính sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh. Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ trình tự kế toán **Phụ lục 1.2: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

❖ Trình bày báo cáo tài chính

Trên báo cáo kết quả kinh doanh mẫu B02-DN:

Doanh thu hoạt động tài chính được trình bày tại chỉ tiêu 6 – doanh thu hoạt động tài chính (mã số 21).

Trên bản thuyết minh báo cáo tài chính mẫu B09-DN:

Doanh thu hoạt động tài chính được phản ánh ở tiểu mục 4, thuộc mục VII – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo KQHĐKD.

1.3.1.3. Kế toán thu nhập khác.

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền được phạt

do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp...

❖ **Chứng từ sử dụng**

Phiếu thu

Giấy báo có

Hóa đơn GTGT

Hợp đồng, biên bản thanh lý tài sản

....

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

❖ **Trình tự kế toán**

Căn cứ vào các chứng từ như giấy báo có của ngân hàng, phiếu thu tiền, biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ... kế toán hạch toán vào tài khoản 711 và các tài khoản liên quan

Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh

Sơ đồ trình tự kế toán **phụ lục 1.3: sơ đồ kế toán thu nhập khác.**

❖ **Trình bày báo cáo tài chính**

Trên báo cáo kết quả kinh doanh mẫu B02-DN:

Thu nhập khác được trình bày tại chỉ tiêu 11 – thu nhập khác (mã số 31).

Trên bản thuyết minh báo cáo tài chính mẫu B09-DN:

Thu nhập khác được phản ánh ở tiểu mục 6, thuộc mục VII – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo KQHĐKD.

1.3.2. Kế toán chi phí dưới góc độ kế toán tài chính

Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí

Chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Mỗi doanh nghiệp chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp kế toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ. Doanh nghiệp khi đã lựa chọn phương pháp kế toán thì phải áp dụng nhất quán trong một năm tài chính. Trường hợp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, cuối kỳ kế toán phải kiểm kê để xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ.

Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố, tiền lương, nguyên vật liệu, chi phí mua ngoài, khấu hao TSCĐ...

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Các tài khoản phản ánh chi phí không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển tất cả các khoản chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

1.3.2. 1. Kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là: trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

Phương pháp tính theo giá đích danh: phương pháp này được xây dựng trên cơ sở giả định hàng tồn kho nhập theo giá nào thì xuất theo giá đó. Phương pháp này áp dụng áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Phương pháp bình quân gia quyền: Giá trị hàng tồn kho xuất được xác định trên cơ sở lấy số lượng hàng tồn kho xuất nhân với giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân có thể là cuối kỳ trước, sau mỗi lần nhập hoặc cả kỳ hiện tại.

$$\text{Giá thực tế hàng xuất} = \text{Số lượng hàng xuất} \times \text{Giá đơn vị bình quân}$$

Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá thực tế hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ}}$$

Giá bình quân cuối kỳ trước

$$\text{Giá bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Giá thực tế hàng tồn kho cuối kỳ trước (hoặc đầu kỳ này)}}{\text{Số lượng hàng thực tế tồn kho cuối kỳ trước (hoặc đầu kỳ này)}}$$

Giá bình quân sau mỗi lần xuất nhập

$$\text{Giá bình quân sau mỗi lần xuất nhập} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO): phương pháp này được xây dựng trên cơ sở giả định HTK được mua trước (sản xuất trước) thì được tính trước, và HTK còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ.

❖ Chứng từ sử dụng

Phiếu xuất kho

Hóa đơn GTGT

Bảng kê bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

...

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 632: giá vốn hàng bán

❖ **Trình tự kế toán**

Khi hạch toán giá vốn hàng bán doanh nghiệp có thể áp dụng một trong hai phương pháp: kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ.

Sơ đồ trình tự kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên **phụ lục 1.4: kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

Sơ đồ trình tự kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ **phụ lục 1.5: kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

❖ **Trình bày báo cáo tài chính**

Trên báo cáo kết quả kinh doanh mẫu B02-DN:

Giá vốn hàng bán được trình bày ở chỉ tiêu 4- giá vốn hàng bán (mã số 11).

Trên bản thuyết minh báo cáo tài chính mẫu B09-DN:

Giá vốn hàng bán được phản ánh ở tiểu mục 3, thuộc mục VII – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo KQHĐKD.

1.3.2.2. Kế toán chi phí tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, chi phí chiết khấu thanh toán cho khách hàng...

❖ **Chứng từ sử dụng**

Thông báo lãi vay của ngân hàng

Giấy báo nợ

Bảng đánh giá chênh lệch tỷ giá

Thông báo chi phí giao dịch chứng khoán

....

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

❖ **Trình tự kế toán**

Sơ đồ trình tự kế toán **phụ lục 1.6: kế toán chi phí tài chính**

❖ **Trình bày báo cáo tài chính**

Trên báo cáo kết quả kinh doanh mẫu B02-DN:

Chi phí tài chính được trình bày tại chỉ tiêu 7 – chi phí tài chính (mã số 22).

Trên bản thuyết minh báo cáo tài chính mẫu B09-DN:

Chi phí tài chính được phản ánh ở tiểu mục 5, thuộc mục VII – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo KQHĐKD.

1.3.2.3. Kế toán chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng là: các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

❖ **Chứng từ sử dụng**

Bảng tính và phân bổ tiền lương các khoản trích theo lương

Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ dùng cho bán hàng

Phiếu chi

Giấy báo nợ

Phiếu xuất kho

Hóa đơn GTGT

...

❖ **Tài khoản sử dụng**

TK 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản cấp 2:

Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên

Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì

Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng

Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ

Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành

Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác

❖ **Trình tự kế toán**

Sơ đồ trình tự kế toán **phụ lục 1.7: kế toán chi phí bán hàng**

❖ **Trình bày báo cáo tài chính**

Trên báo cáo kết quả kinh doanh mẫu B02-DN:

Chi phí bán hàng được trình bày tại chỉ tiêu 8 – Chi phí bán hàng (mã số 25).

Trên bản thuyết minh báo cáo tài chính mẫu B09-DN:

Chi phí bán hàng được phản ánh ở tiểu mục 8, thuộc mục VII – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo KQHĐKD. Và chi phí bán hàng sẽ được tách ra theo từng yếu tố và ghi ở từng chỉ tiêu phù hợp tại tiểu mục 9 – chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, thuộc mục VII – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo KQHĐKD.

1.3.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là: các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu

văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

❖ **Chứng từ sử dụng**

Bảng tính và phân bổ tiền lương các khoản trích theo lương

Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ dùng cho bán hàng

Phiếu chi

Giấy báo nợ

Phiếu xuất kho

Hóa đơn GTGT

...

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản cấp 2:

Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý

Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý

Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng

Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ

Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí

Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng

Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

Tài khoản 6428 - Chi phí bằng tiền khác

❖ **Trình tự kế toán**

Sơ đồ trình tự kế toán **phụ lục 1.8: kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.**

❖ **Trình bày báo cáo tài chính**

Trên báo cáo kết quả kinh doanh mẫu B02-DN:

Chi phí quản lý doanh nghiệp được trình bày tại chỉ tiêu 9 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (mã số 26).

Trên bản thuyết minh báo cáo tài chính mẫu B09-DN:

Chi phí quản lý doanh nghiệp được phản ánh ở tiểu mục 8, thuộc mục VII – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo KQHĐKD. Và chi phí bán hàng sẽ được tách ra theo từng yếu tố và ghi ở từng chỉ tiêu phù hợp tại tiểu mục 9 – chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, thuộc mục VII – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo KQHĐKD.

1.3.2.5. Kế toán chi phí khác.

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công

ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính; các khoản chi phí khác.

❖ **Chứng từ sử dụng**

Biên bản thanh lý TSCĐ, quyết định thanh lý TSCĐ

Phiếu thu, phiếu chi

Biên bản xử phạt

Hóa đơn GTGT

...

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 811 - Chi phí khác

❖ **Trình tự kế toán**

Sơ đồ trình tự kế toán **phụ lục 1.9: kế toán chi phí khác**

❖ **Trình bày báo cáo tài chính**

Trên báo cáo kết quả kinh doanh mẫu B02-DN:

Chi phí khác được trình bày tại chỉ tiêu 12 – thu nhập khác (mã số 32).

Trên bản thuyết minh báo cáo tài chính mẫu B09-DN:

Chi phí khác được phản ánh ở tiêu mục 7, thuộc mục VII – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo KQHĐKD.

1.3.2.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;

Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc:

Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm;

Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

❖ **Chứng từ sử dụng**

Tờ khai thuế TNDN

Tờ khai quyết toán thuế

Phiếu chi, giấy báo nợ...

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản cấp 2:

Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;

Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

❖ **Trình tự kế toán**

Sơ đồ trình tự kế toán **phụ lục 1.10: kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

❖ **Trình bày báo cáo tài chính**

Trên báo cáo kết quả kinh doanh mẫu B02-DN:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày tại chỉ tiêu 15 – chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (mã số 51). Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được trình bày tại chỉ tiêu 16 – chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (mã số 52).

Trên bản thuyết minh báo cáo tài chính mẫu B09-DN:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được phản ánh ở tiểu mục 10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được phản ánh ở tiểu mục 11, thuộc mục VII – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo KQHĐKD.

1.3.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán tài chính.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động kinh doanh (kết quả hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ và kết quả hoạt động tài chính) và kết quả hoạt động khác:

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

❖ **Chứng từ sử dụng**

Phiếu kết chuyển doanh thu thuần

Phiếu kết chuyển chi phí

Bảng xác định kết quả kinh doanh

....

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

❖ **Trình tự kế toán**

Sơ đồ trình tự kế toán **phụ lục 1.11: kế toán xác định kết quả kinh doanh.**

❖ **Trình bày báo cáo tài chính**

Trên báo cáo kết quả kinh doanh mẫu B02-DN:

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh được trình bày tại chỉ tiêu 10 – Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (mã số 30). Lợi nhuận khác được trình bày tại chỉ tiêu 13 – Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (mã số 40). Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày tại chỉ tiêu 14 – Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (mã số 50). Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trình bày tại chỉ tiêu 17 – Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (mã số 60). Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được trình bày tại chỉ tiêu 16 – chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (mã số 52).

1.4. KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH DƯỚI GÓC ĐỘ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ.

Kế toán quản trị là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán (*Luật kế toán số 88/2015/QH13*).

Quản trị hiện đại có ba khái niệm hay được nhắc đến, cũng là tên gọi của ba mô hình tổ chức áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc một công ty đó là: trung tâm chi phí (Cost centre), trung tâm doanh thu và trung tâm lợi nhuận (profit centre).

Trung tâm chi phí (Cost centre) là một đơn vị trực thuộc công ty và chỉ chịu trách nhiệm về chi phí. Một ví dụ điển hình: bộ phận kỹ thuật trong nhà máy, bộ phận hành chính, IT hay kế toán trong bất cứ công ty nào.

Trung tâm chi phí thường có hai loại:

Trung tâm chi phí định mức: người quản lý chịu trách nhiệm về chi phí tiêu hao, hiệu quả sản xuất, họ không chịu trách nhiệm khi mức chi phí tiêu hao cao hơn định mức do giảm sản lượng sản xuất mà không họ quyết định – Phân xưởng sản xuất. Đánh giá trung tâm chi phí định mức bằng cách so sánh chi phí thực tế - chi phí định mức (phân tích biến động chi phí).

Trung tâm chi phí linh hoạt: người quản lý chịu trách nhiệm về chi phí tiêu hao với hiệu quả công việc – phòng ban chuyên môn. Trung tâm này được đánh giá thông qua so sánh lợi nhuận thực tế - lợi nhuận dự tới (phân tích biến động lợi nhuận).

Trung tâm doanh thu là: trung tâm trách nhiệm mà đầu ra có thể lượng hóa bằng tiền còn đầu vào thì không lượng hóa được bằng tiền, ví dụ bộ phận bán hàng chỉ chịu trách nhiệm về doanh thu mà không chịu trách nhiệm về giá thành sản phẩm. Xuất phát từ mục tiêu của nhà quản trị, hệ thống chỉ tiêu được xây dựng để đánh giá trách nhiệm của trung tâm này là so sánh doanh thu thực hiện với doanh thu dự toán của bộ phận, trên cơ sở đó phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu như giá bán, khối lượng tiêu thụ và cơ cấu tiêu thụ.

Trung tâm lợi nhuận (profit centre) là: một đơn vị trực thuộc công ty và chịu trách nhiệm cả về doanh thu và chi phí. Thông thường một đơn vị thuộc công ty được xem là trung tâm lợi nhuận khi nó kiểm soát doanh thu, chi phí và lợi

nhuận cuối cùng mà nó tạo ra. Hệ thống chỉ tiêu để đánh giá trung tâm lợi nhuận về mặt lý thuyết có các chỉ tiêu sau: chênh lệch lợi nhuận thực tế và kế hoạch, tỷ lệ lợi nhuận gộp, lợi nhuận bộ phận và tỷ lệ lợi nhuận bộ phận.

1.4.1. Kế toán quản trị doanh thu.

Lập dự toán doanh thu.

Bước đầu tiên trong lập dự toán là lập dự toán doanh thu (dự toán tiêu thụ). Đây là bản kế hoạch chi tiết chỉ ra doanh thu dự tính cho kỳ dự toán, dự toán doanh thu chính xác là điểm mấu chốt cho cả quy trình lập dự toán. Nếu dự toán doanh thu không chính xác thì toàn bộ các dự toán khác sẽ sai lệch. Dự toán tiêu thụ được lập trên báo cáo tiêu thụ. Dự toán tiêu thụ bao gồm những thông tin về chủng loại, số lượng bán, giá bán và cơ cấu sản phẩm tiêu thụ.

Dự toán doanh thu = Dự toán sản phẩm tiêu thụ x Đơn giá bán theo dự toán

Ngoài ra dự toán tiêu thụ còn dự báo cả mức bán hàng thu bằng tiền và bán hàng tín dụng, cũng như các phương thức tiêu thụ. Khi lập dự toán tiêu thụ, các nhà quản lý cần xem xét ảnh hưởng của chi phí marketing đến hoạt động tiêu thụ tại doanh nghiệp. Trong doanh nghiệp bộ phận kinh doanh hoặc marketing có trách nhiệm trực tiếp cho việc lập dự toán tiêu thụ. Sau khi xác lập mục tiêu chung của dự toán tiêu thụ, dự toán còn có trách nhiệm chi tiết hóa nhiệm vụ cho từng thời kỳ, từng bộ phận. Việc xem xét khối lượng tiêu thụ theo thời kỳ còn dựa vào chu kỳ sống của sản phẩm. Nếu sản phẩm của doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi tính thời vụ thì khi xây dựng dự toán phải tính đầy đủ mức ảnh hưởng này, và có phương pháp tính đến thời vụ trong các phương pháp dự báo. Một trong những phương tiện giúp đỡ cho các dự báo này là việc phân tích dữ liệu quá khứ theo luồng được thành lập dựa trên nhiều thời kỳ khác nhau. Trên cơ sở mục tiêu theo từng thời kỳ của doanh nghiệp, dự toán tiêu thụ phải được lập cụ thể theo từng vùng, từng bộ phận, từng sản phẩm. Như vậy nó không những giúp đỡ nhà quản trị trong việc tổ chức thực hiện mà còn cho phép đánh giá kết quả và thành tích của các vùng khi so sánh kết quả thực hiện và mục tiêu đặt ra. Khi lập dự toán tiêu thụ cũng cần quan tâm đến chính sách bán hàng của doanh nghiệp để ước tính các dòng tiền thu vào liên quan đến bán hàng trong các thời kỳ khác nhau.

Thu thập thông tin thực hiện doanh thu

Hạch toán ban đầu: vận dụng chứng từ phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp. Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, các chứng từ kế toán đề là mẫu hướng dẫn, do đó cần kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị trong việc bổ sung chi tiết các chỉ tiêu phù hợp với việc phân loại và quản trị doanh thu. Một số loại chứng từ như: hóa đơn bán hàng, phiếu xuất kho, thẻ quầy hàng, bảng thanh toán hàng bán đại lý...

Vận dụng tài khoản: căn cứ theo hệ thống tài khoản do Bộ Tài Chính quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC hoặc được Bộ Tài Chính chấp thuận để chi tiết

hóa tài khoản theo các cấp (cấp 2, 3, 4...) phù hợp với kế hoạch, dự toán đã lập và yêu cầu cung cấp thông tin kế toán quản trị của doanh nghiệp.

Theo chế độ kế toán hiện hành tài khoản 511 được chi tiết thành:

Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá

Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá

Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Tài khoản 5118 - Doanh thu khác

Từng TK cấp 2 trên lại được mở chi tiết hơn cho từng loại hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ. Ví dụ: TK 5112 có thể mở thành:

Tài khoản 51121 – Doanh thu bán thành phẩm A

Tài khoản 51122 – Doanh thu bán thành phẩm B

...

Mục đích của việc bán hàng, tiêu thụ là thu được tiền để bù đắp các chi phí liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm hay cung cấp, thực hiện lao vụ, dịch vụ và các chi phí liên quan trong quá trình bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Do vậy cùng với việc thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ là quá trình thu hồi kịp thời số tiền mà khách hàng phải trả về những sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ doanh nghiệp đã cung cấp. Việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc khách hàng thanh toán kịp thời có ảnh hưởng lớn đến quá trình thu hồi vốn để tiếp tục sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy đối với những khách hàng còn nợ doanh nghiệp, cũng cần phải tổ chức kế toán chi tiết riêng theo từng khách hàng trên các tài khoản, sổ kế toán liên quan.

Toàn bộ số tiền còn phải thu của khách hàng, cũng như tình hình thanh toán của khách hàng được phản ánh tổng hợp trên TK 1331 “phải thu của khách hàng”. Bên cạnh đó các doanh nghiệp còn phải mở chi tiết TK 131 thành các tài khoản cấp 2 riêng cho từng khách hàng. Ví dụ:

Tài khoản 1311 – Thanh toán với khách hàng X

Tài khoản 1312 – Thanh toán với khách hàng Y

...

Tổ chức công tác vận dụng sổ sách: ngoài việc mở các tài khoản chi tiết để theo dõi chi tiết từng loại doanh thu, cũng như khoản thanh toán với từng khách hàng, cần phải mở các sổ kế toán chi tiết tương ứng để theo dõi phù hợp với yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Sổ chi tiết doanh thu bán hàng của từng loại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cần phải đảm bảo các nội dung sau:

Ngày tháng ghi sổ

Số hiệu và ngày lập của chứng từ

Tóm tắt nội dung của chứng từ (nghiệp vụ kinh tế phát sinh)

Tài khoản đối ứng

Số lượng, đơn giá, thành tiền của sản phẩm tiêu thụ

Các khoản giảm trừ doanh thu'

Trong nhiều trường hợp doanh nghiệp có thể kết hợp sổ chi tiết doanh thu bán hàng với sổ chi tiết xác định kết quả kinh doanh. Sổ thanh toán với khách hàng được mở riêng cho từng khách hàng để theo dõi tình hình thanh toán giữa khách hàng với doanh nghiệp. Trường hợp phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì phải theo dõi riêng cả nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam. Cũng có thể mở theo dõi thanh toán với khách hàng bằng tiền Việt Nam riêng và bằng ngoại tệ riêng.

Báo cáo phân tích ra quyết định doanh thu

Báo cáo phân tích doanh thu được lập trên cơ sở:

- So sánh số liệu doanh thu thực tế thực hiện với số liệu doanh thu dự toán/kế hoạch và so sánh số liệu doanh thu thực tế thực hiện kỳ này với số liệu số liệu doanh thu thực tế thực hiện cùng kỳ năm trước theo chiều ngang và theo chiều dọc, cả về số tuyệt đối, số tương đối
- Sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố tới kết quả thực hiện các chỉ tiêu doanh thu
- Sử dụng các chỉ tiêu phân tích tài chính, kế toán quản trị làm rõ bản chất của sự biến động doanh thu trong kỳ, chỉ ra các nguyên nhân và bản chất của sự biến động

Các thông tin trên báo cáo phân tích doanh thu cung cấp thông tin cho các cấp quản trị DN, giúp họ có thêm thông tin để quản lý điều hành DN cũng như đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp với điều kiện hiện tại của DN.

1.4. 2. Kế toán quản trị chi phí.

Lập dự toán chi phí

Dự toán giá vốn hàng bán: giá vốn hàng bán thực chất là tổng giá thành của khối lượng sản phẩm tiêu thụ trong kỳ tính theo phương pháp giá toàn bộ. Như vậy trên cơ sở số lượng sản phẩm sản xuất theo dự toán, giá thành dự toán để sản xuất sản phẩm, số lượng sản phẩm dự trữ dự toán vào cuối kỳ, dự toán giá vốn hàng bán được xây dựng như sau:

Dự toán giá vốn hàng bán	=	Giá vốn sản phẩm mua trong kỳ theo dự toán	+	Giá vốn sản phẩm tồn đầu kỳ dự toán	-	Giá vốn sản phẩm tồn cuối kỳ thực tế
--------------------------------	---	--	---	---	---	--

Nếu đơn vị không có tồn kho sản phẩm hoặc chi phí tồn kho tương tự nhau thì giá vốn hàng bán có thể tính bằng tích của sản lượng tiêu thụ nhân với giá mua đơn vị sản phẩm, khi lập dự toán giá vốn hàng bán phải chú ý các phương pháp đánh giá hàng tồn kho mà doanh nghiệp sử dụng để tính toán chính xác.

Dự toán chi phí bán hàng: chi phí bán hàng có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động tiêu thụ của doanh nghiệp và ngược lại, nên khi lập dự toán chi phí bán hàng phải tính đến mối liên hệ với dự toán tiêu thụ của doanh nghiệp. Dự toán chi phí bán hàng phản ánh các chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm dự

tính của kỳ sau. Dự toán này nhằm mục đích tính trước và tập hợp các phương tiện chủ yếu trong quá trình bán hàng. Khi xây dựng dự toán cho các chi phí này cần tính đến nội dung kinh tế của chi phí cũng như yếu tố biến đổi và yếu tố cố định trong thành phần chi phí.

$$\begin{array}{l}
 \text{Dự toán chi phí bán hàng} \\
 \text{Dự toán định phí bán hàng} \\
 \text{Dự toán biến phí bán hàng}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Dự toán định phí bán hàng} \\
 \text{Định phí bán hàng thực tế kỳ trước} \\
 \text{Dự toán biến phí đơn vị bán hàng}
 \end{array}
 \begin{array}{l}
 + \\
 \times \\
 \times
 \end{array}
 \begin{array}{l}
 \text{Dự toán biến phí bán hàng} \\
 \text{Tỷ lệ (\%) tăng (giảm) theo dự kiến} \\
 \text{Sản lượng tiêu thụ theo dự kiến}
 \end{array}$$

Dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp: thường phụ thuộc vào cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp. Chi phí này liên quan tới toàn bộ doanh nghiệp, mà không liên quan tới từng bộ phận, đơn vị hoạt động nào. Tương tự như dự toán chi phí bán hàng, việc lập dự toán biến phí quản lý doanh nghiệp thường dựa vào biến phí quản lý đơn vị nhân với sản lượng tiêu thụ dự kiến.

Dự toán chi phí tài chính và doanh thu hoạt động tài chính: Chi phí tài chính liên quan tới kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nội dung của chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay ngân hàng, các chi phí và lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư tài chính, các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá... Doanh thu tài chính là những khoản thu nhập phát sinh từ các khoản đầu tư tài chính (lãi đầu tư chứng khoán, lãi tiền gửi ngân hàng), các khoản lãi về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và các khoản thu nhập tài chính khác. Theo chế độ kế toán hiện nay chi phí tài chính và doanh thu tài chính phải được tính toán đầy đủ trong kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Để dự toán chi phí tài chính trong phần này ta cần quan tâm tới lãi vay – bộ phận lớn nhất trong chi phí tài chính mà doanh nghiệp phải trả. Cơ sở để lập dự toán chi phí lãi vay là số tiền cần vay dài hạn và ngắn hạn trong mỗi kỳ lập dự toán cũng như lãi suất vay phải trả cho từng khoản vay.

Thu thập thông tin thực hiện chi phí.

Tổ chức hạch toán ban đầu: sử dụng các chứng từ ban đầu, chứng từ thống kê trong điều hành sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp (lệnh sản xuất, bảng kê khối lượng, quyết định điều động lao động...) để kế toán quản trị khối lượng sản phẩm (công việc), thời gian lao động, lập kế hoạch, bảng phân bổ chi phí...

Vận dụng tài khoản kế toán: việc chọn lựa và mã hóa tài khoản về chi phí là vấn đề các công ty cần thực hiện trong điều kiện áp dụng kế toán quản trị. Hệ thống tài khoản phải được mã hóa một cách rõ ràng, cụ thể, cung cấp đầy đủ và toàn diện các thông tin về chi phí trong môi trường kinh doanh luôn biến động.

Để tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, doanh nghiệp cần nghiên cứu kết cấu chi phí kinh doanh trong tổng chi phí theo tỷ lệ từng khoản mục chi phí. Trước tiên khi quản lý chi phí cần phải phân loại chi

phí sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý, do mỗi cách phân loại sẽ cung cấp những thông tin dưới nhiều góc độ khác nhau như:

Phân loại theo mục đích, công dụng của chi phí

Phân loại theo nội dung, tính chất kinh tế

Phân loại theo mối quan hệ của chi phí với kết quả hoạt động trong kỳ

...

Muốn vậy kế toán quản trị chi phí phải tổ chức hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản, hệ thống sổ kế toán và các báo cáo kế toán phục vụ cho việc tổng hợp chi phí theo từng cách phân loại phục vụ cho việc ra quyết định.

Ngoài ra để phục vụ cho việc xác định kết quả kinh doanh cho từng ngành hàng, nhóm hàng, mặt hàng ngoài việc tổ chức kế toán chi tiết doanh thu, doanh nghiệp còn tổ chức kế toán chi tiết chi phí (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp...) theo từng ngành hàng, nhóm hàng và mặt hàng.

Báo cáo phân tích ra quyết định chi phí.

Báo cáo quản trị chi phí được lập trên cơ sở:

- So sánh số liệu chi phí thực tế phát sinh với số liệu chi phí dự toán/kế hoạch và so sánh số liệu chi phí thực tế phát sinh kỳ này với số liệu số liệu chi phí thực tế phát sinh cùng kỳ năm trước theo chiều ngang và theo chiều dọc, cả về số tuyệt đối, số tương đối

- Sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố tới kết quả thực hiện các chỉ tiêu chi phí trong kỳ.

- Sử dụng các chỉ tiêu phân tích tài chính, kế toán quản trị làm rõ bản chất của sự biến động chi phí trong kỳ, chỉ ra các nguyên nhân và bản chất của sự biến động.

Các thông tin trên báo cáo phân tích chi phí cung cấp thông tin cho các cấp quản trị DN, giúp họ có thêm thông tin để quản lý điều hành DN cũng như đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp với điều kiện hiện tại của DN

1.4.3. Kế toán quản trị kết quả kinh doanh.

Lập dự toán kết quả kinh doanh.

Trên cơ sở số liệu dự toán về doanh thu và chi phí, kế toán quản trị lập dự toán kết quả kinh doanh. Dự toán kết quả kinh doanh là: ước tính lợi nhuận của doanh nghiệp theo từng hoạt động và của toàn bộ doanh nghiệp.

Dự toán kết quả kinh doanh cho phép nhà quản trị có cái nhìn vắn tắt kết quả hoạt động sau khi thực hiện các hoạt động trong doanh nghiệp

Thu thập thông tin kết quả kinh doanh thực hiện trong kỳ.

Căn cứ vào số liệu doanh thu thực hiện và chi phí thực hiện trong kỳ, kế toán quản trị xác định kết quả kinh doanh thực hiện trong kỳ bằng cách lấy chênh lệch giữa doanh thu thực hiện và chi phí thực hiện trong kỳ.

Báo cáo phân tích ra quyết định kết quả kinh doanh.

Báo cáo quản trị về kết quả kinh doanh được lập trên cơ sở:

- So sánh số liệu kết quả kinh doanh thực tế phát sinh với số liệu kết quả kinh doanh dự toán/kế hoạch và so sánh số liệu kết quả kinh doanh thực tế phát sinh kỳ này với số liệu số liệu kết quả kinh doanh thực tế phát sinh cùng kỳ năm trước theo chiều ngang và theo chiều dọc, cả về số tuyệt đối, số tương đối
 - Sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố tới kết quả thực hiện các chỉ tiêu kết quả kinh doanh trong kỳ.
 - Sử dụng các chỉ tiêu phân tích tài chính, kế toán quản trị làm rõ bản chất của sự biến động kết quả kinh doanh trong kỳ, chỉ ra các nguyên nhân và bản chất của sự biến động.
- Các thông tin trên báo cáo phân tích kết quả kinh doanh cung cấp thông tin cho các cấp quản trị DN, giúp họ có thêm thông tin để quản lý điều hành DN cũng như đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp với điều kiện hiện tại của DN

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1, tác giả đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp dưới 02 góc độ: kế toán tài chính và kế toán quản trị. Dưới góc độ kế toán tài chính, tác giả đã khái quát được bản chất, khái niệm và phân loại doanh thu, chi phí. Từ đó đưa ra những nguyên tắc kế toán, tài khoản, chứng từ và phương pháp kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Dưới góc độ kế toán quản trị các vấn đề như xác định trung tâm doanh thu, chi phí, lập dự toán, thu thập thông tin thực hiện doanh thu, chi phí và báo cáo phân tích doanh thu, chi phí đã được hệ thống cụ thể.

Cơ sở lý luận trong chương này là nền tảng cho việc vận dụng hạch toán tại Công Ty TNHH Ngọc Sơn (được trình bày cụ thể trong chương 2 – Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn).

Chương 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN

2.1 TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Ngọc Sơn.

- Tên công ty: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ngọc Sơn
- Tên giao dịch: NGOC SON COMPANY LIMITED
- Địa chỉ: Số 297 – Đường Trần Hưng Đạo – Phường Đông Thành – Thành phố Ninh Bình – Tỉnh Ninh Bình
- Điện thoại: 0303.890.081- Fax: 0303.890.804
- Mã số thuế: 2700275532
- Email: tnhhngocson@gmail.com
- Giám đốc công ty: Nguyễn Ngọc Sơn
- Lĩnh vực kinh doanh chính theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 2700275532 do sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Ninh Bình cấp: kinh doanh, phân phối vật liệu xây dựng và thiết bị nội thất.

Công ty TNHH Ngọc Sơn tiền thân là cửa hàng vật liệu xây dựng Ngọc Sơn, do Ông Nguyễn Ngọc Sơn làm chủ. Cửa hàng vật liệu xây dựng Ngọc Sơn được thành lập và đi vào hoạt động từ 06/06/2000, đến ngày 17/10/2002 cửa hàng vật liệu xây dựng Ngọc Sơn chuyển đổi thành Công Ty TNHH Ngọc Sơn theo giấy phép kinh doanh số 2700275532 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Ninh Bình với số vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng). Công ty hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực thương mại, chuyên cung cấp vật liệu xây dựng (sắt, thép, gạch, đá, xi măng...) và thiết bị nội thất phục vụ nhu cầu xây dựng dân dụng của dân cư, các công trình xây dựng của các nhà thầu lớn, uy tín và một số cửa hàng bán lẻ vật liệu xây dựng trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình và các tỉnh lân cận.

Giai đoạn từ 2002 – 2005

Thời điểm chuyển đổi từ cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng Ngọc Sơn lên công ty TNHH Ngọc Sơn, tại thời điểm này công ty sở hữu 01 kho chứa hàng với diện tích 200m² cạnh trụ sở chính của công ty (Số 299-301 – Đường Trần Hưng Đạo – Phường Đông Thành – Thành phố Ninh Bình – Tỉnh Ninh Bình) và 03 xe ô tô chở hàng. lực lượng lao động gồm 12 người.

Sau khi chuyển đổi Công Ty TNHH Ngọc Sơn gặp điều kiện kinh doanh thuận lợi do đây là thời kỳ nền kinh tế của Tỉnh Ninh Bình bước vào giai đoạn tăng trưởng nhanh cơ cấu kinh tế của Tỉnh chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản. Cuối năm 2005 tỷ trọng công nghiệp - xây dựng của Tỉnh chiếm 35,7 %, nhu cầu xây dựng cơ sở vật chất của Tỉnh Ninh Bình tăng cao đã tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng nói chung và Công Ty TNHH Ngọc Sơn nói riêng phát triển nhanh chóng.

Đến cuối năm 2005 công ty đã mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh bằng việc mở thêm showroom giới thiệu sản phẩm, địa chỉ Số 303 – Đường Trần Hưng Đạo – Phường Đông Thành – Thành phố Ninh Bình – Tỉnh Ninh Bình, với diện tích 100 m² để trưng bày và giới thiệu các loại sản phẩm về gạch, thiết bị nội thất...

Giai đoạn 2006 – 2010

Đây là giai đoạn kinh doanh gặp nhiều khó khăn của công ty TNHH Ngọc Sơn, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 – 2009, làm cho nhu cầu đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng giảm mạnh, với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng lãnh đạo công ty đã đưa công ty vượt qua khó khăn và giữ vững quy mô kinh doanh.

Giai đoạn 2011 - nay

Là giai đoạn kinh doanh tương đối thuận lợi do sự phục hồi của nền kinh tế, Hoạt động kinh doanh của công ty không ngừng lớn mạnh, sức cạnh tranh được nâng cao so với các doanh nghiệp trên địa bàn. Năm 2015 công ty đã đầu tư mới 02 xe ô tô trở hàng để đáp ứng kịp thời nhu cầu của hoạt động kinh doanh và nâng cao tính cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Hiện nay vốn điều lệ của công ty là 8.000.000.000 đồng; Tổng nhân sự toàn công ty là 30 người, cụ thể như sau:

Bảng 2.1: Cơ cấu nhân sự công ty TNHH Ngọc Sơn.

PHÒNG BAN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG
Phòng Giám Đốc	Giám Đốc	1
Phòng Hành Chính	Trưởng Phòng	1
	Nhân Viên	1
Phòng Kế Toán	Kế Toán Trưởng	1
	Kế Toán Viên	5
Phòng Kỹ Thuật	Trưởng Phòng	1
	Nhân Viên	2
Phòng Kinh Doanh	Trưởng Phòng	1
Showroom	Nhân Viên	5
	Bốc Vác & Lái Xe	12
TỔNG		30

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn.

❖ Chức năng, nhiệm vụ.

Kinh doanh, phân phối vật liệu xây dựng và thiết bị nội thất đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình và các tỉnh lân cận.

Không ngừng củng cố thương hiệu, nâng cao uy tín, sức cạnh tranh và mở rộng thị trường, quy mô kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho công ty

Chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách pháp luật, chế độ kế toán và các quy định của nhà nước

❖ **Đặc điểm kinh doanh.**

➤ **Mặt hàng kinh doanh.**

Mặt hàng kinh doanh chủ yếu của công ty hiện nay gồm 02 nhóm: nhóm vật liệu xây dựng và nhóm thiết bị nội thất:

Vật liệu xây dựng chủ yếu bao gồm:

Xi măng các loại: Xi măng Tam Điệp (Xi măng bao PC 40; Xi măng bao PCB 40); Xi măng Duyên Hà (Xi măng bao PC 30; Xi măng bao PC 40)

Vôi, ve các màu...

Sắt, thép: Thép Kyoei (Thép cuộn phi 6; Thép cuộn phi 8; Thép cuộn phi 10); Thép Việt - Hàn VPS; Việt Nhật (Thép D6, D8 tròn; Thép D8 vằn; Thép D10 SD295; Thép D12SD295B; Thép D14 - D 22, SD295B...).

Tole: Tole 1,07m, sóng vuông dày 0,42mm (mạ kẽm); Tole 1,07m, sóng vuông dày 0,45mm (mạ kẽm); Tole 1,07m, sóng vuông dày 0,42mm (mạ màu); Tole 1,07m, sóng vuông dày 0,45mm (mạ màu)...

...

Thiết bị nội thất chủ yếu bao gồm:

Gạch men các loại: Gạch men lát Viglacera (Gạch men lát Viglacera; Gạch sàn kích thước 30x30; Gạch sàn kích thước 25x25...); Gạch Prime (Gạch 25x25; Gạch 25x40; Gạch 25x40...).

Thiết bị vệ sinh: Bê-tông (Bê-tông BL5 (Nano - PK 2N nắp rời êm); Bê-tông c109,V40 (Nano - PK 2N nắp rời êm); Bê-tông V39 (Nano - PK 2 N nắp êm...); Chậu rửa; Sen vòi; Bình nước nóng; Bồn đước nước INOX Tân Á...

...

➤ **Đặc điểm lĩnh vực kinh doanh**

Công ty TNHH Ngọc Sơn hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng và thiết bị nội thất. Đây là lĩnh vực kinh doanh với các đặc điểm nổi bật : là ngành kinh doanh cần nhiều vốn đầu tư; Có mức độ nhạy cảm tương đối cao với chu kỳ kinh doanh của nền kinh tế do ngành vật liệu xây dựng là đầu vào của các ngành khác. Có mối quan hệ mật thiết với ngành xây dựng và lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Khi nhu cầu đầu tư xây dựng tăng lên, thị trường bất động sản phát triển mạnh sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực vật liệu xây dựng tăng doanh số và nâng cao lợi nhuận.

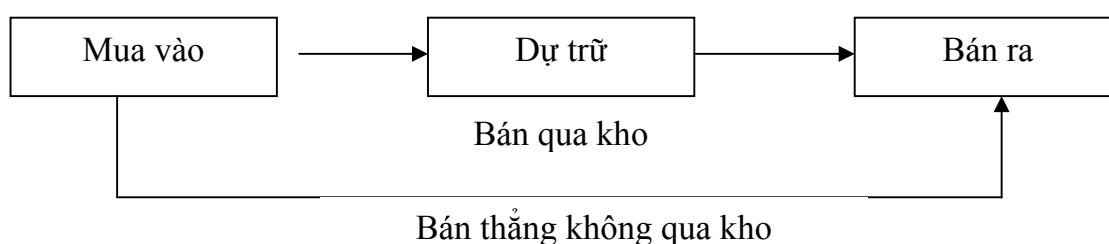
Vì vậy công tác thu thập và xử lý thông tin của kế toán phải đảm bảo đầy đủ và kịp thời, để giúp lãnh đạo quyết định mua vào phù hợp với nhu cầu bán ra, tăng tốc độ luân chuyển hàng tồn kho, giảm tình trạng đọng vốn giảm chi phí bảo quản nhưng phải đảm bảo duy trì khối lượng hàng kinh doanh nhằm nắm bắt kịp thời cơ hội kinh doanh tăng doanh thu góp phần tạo lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Hàng hóa của công ty được nhập từ các nhà sản xuất, các công ty phân phối độc quyền do nhà sản xuất chỉ định vì vậy chất lượng và giá cả của hàng hóa được bảo đảm

Thị trường tiêu thụ chủ yếu của công ty là địa bàn tỉnh Ninh Bình và các tỉnh lân cận như Hà Nam, Nam Định, Hòa Bình, Thanh Hóa...

Khách hàng của công ty chủ yếu là dân cư, các nhà thầu uy tín để phục vụ nhu cầu xây dựng và các cửa hàng vật liệu xây dựng nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và các tỉnh lân cận.

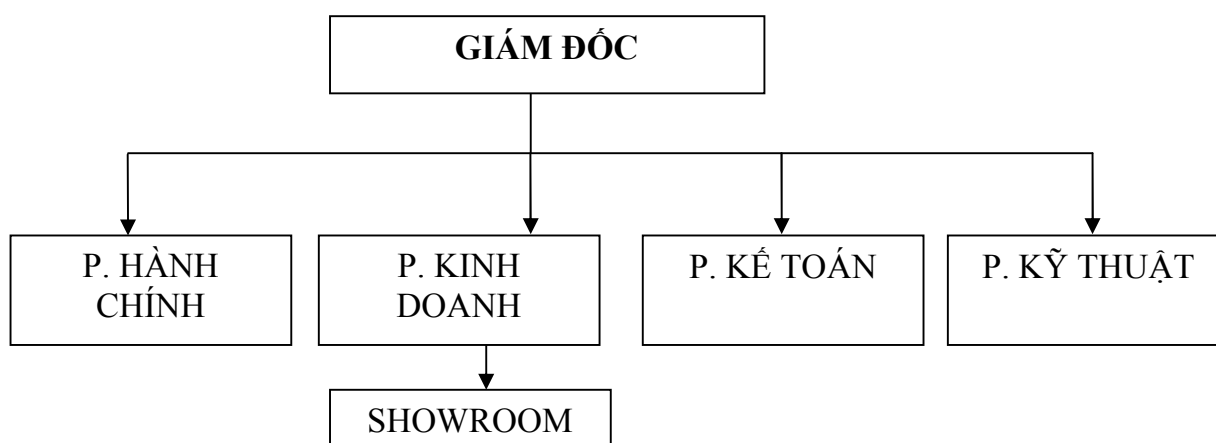
➤ **Quy trình kinh doanh**



Sơ đồ 2.1. Quy trình kinh doanh

2.1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty TNHH Ngọc Sơn

Bộ máy quản lý của công ty TNHH Ngọc Sơn được tổ chức gọn nhẹ và khoa học phù hợp với quy mô, đặc điểm lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty.



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Ngọc Sơn

(Nguồn: công ty TNHH Ngọc Sơn)

Giám đốc: Là người giữ vai trò quan trọng nhất công ty, là đại diện pháp nhân hợp pháp của công ty và cũng là người quản lý, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước Nhà nước và công ty về mọi mặt hoạt động kinh doanh..

Phòng kinh doanh: Có nhiệm vụ tiếp thị và giao dịch với khách hàng, dưới sự giám sát trực tiếp của giám đốc thực hiện các hợp đồng mua bán theo quy định của công ty. Phối hợp chặt chẽ với phòng kỹ thuật và bộ phận kết toán để nhập hàng và cung cấp hàng tốt nhất tới khách hàng.

Phòng kế toán: Có chức năng tham mưu cho Giám đốc về công tác kế toán tài chính theo quy định của Nhà nước. Phòng kế toán còn có nhiệm vụ ghi chép, phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời về tình hình biến động của tài sản, hàng hóa, tiền lương, tiền vốn, công nợ của công ty. Bên cạnh đó, phòng kế toán còn phải phản ánh đầy đủ chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nghiên cứu các đề xuất, các phương án kinh doanh dựa vào kết quả kinh doanh của các kỳ. Đồng thời qua đó, phòng kế toán đưa ra các giải pháp kinh doanh có hiệu quả, lập và gửi báo cáo tài chính cho cơ quan chức năng, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước.

Phòng kỹ thuật: Có chức năng thực hiện công việc tư vấn, thiết kế các sản phẩm do công ty cung cấp. Hỗ trợ phòng kinh doanh về mặt kỹ thuật cho khách hàng, về mọi thắc mắc mà khách hàng yêu cầu.

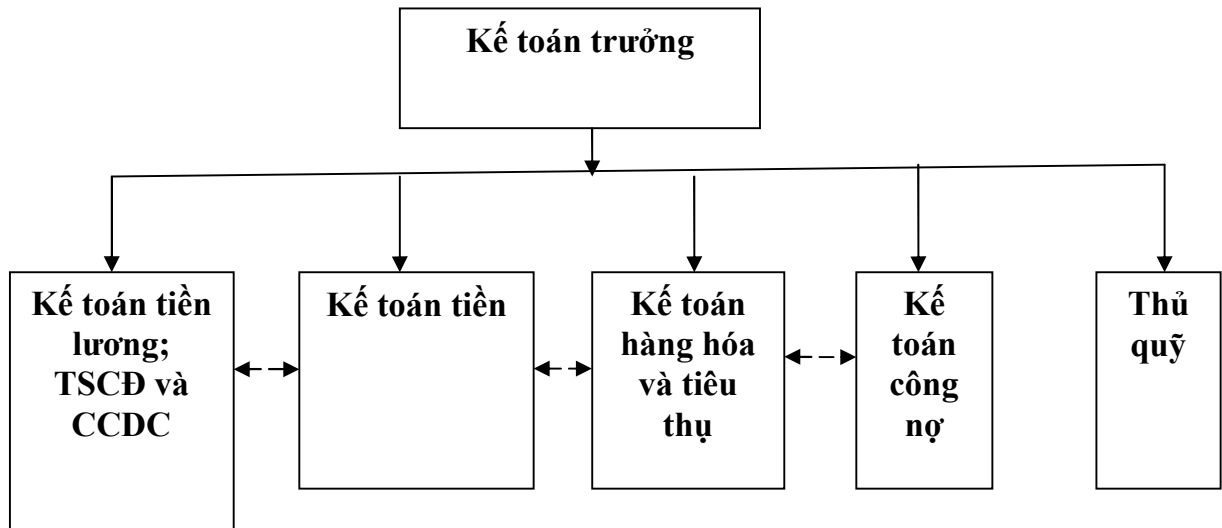
Phòng hành chính: thực hiện nhiệm vụ tổ chức, sắp xếp lao động, theo dõi lưu trữ hồ sơ, tài liệu của công ty, giải quyết các chế độ, chính sách của người lao động.

Showroom: là cửa hàng trưng bày, giới thiệu sản phẩm chủ yếu là các loại gạch men, thiết bị nhà tắm, nhà vệ sinh... Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của phòng kinh doanh.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Ngọc Sơn.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Ngọc Sơn.

Công ty TNHH Ngọc Sơn tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, hầu hết mọi công việc kế toán được thực hiện ở phòng kế toán dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng, mỗi kế toán viên được phân công công việc cụ thể phù hợp với trình độ chuyên môn của từng người. Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty được mô tả trong sơ đồ sau:



→ Quan hệ chỉ đạo trực tiếp

←- -> Quan hệ tác nghiệp giữa các kế toán viên

(Nguồn: công ty TNHH Ngọc Sơn)

Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH Ngọc Sơn

Kế toán trưởng: là người chỉ đạo mọi công việc của phòng kế toán. Chịu trách nhiệm trước giám đốc và tư vấn cho giám đốc về công tác kế toán và tình hình tài chính của công ty, kiêm nhiệm thêm công việc của kế toán tổng hợp (tập hợp số liệu để ghi sổ kế toán tổng hợp, cuối kỳ kế toán tháng, năm tính ra kết quả hoạt động kinh doanh và lập báo cáo tài chính và báo cáo quản trị của công ty).. Tham mưu đề bạt với Giám đốc và lãnh đạo về tình hình tài chính của công ty.

Kế toán tiền lương, TSCĐ và công cụ dụng cụ: Có nhiệm vụ theo dõi tình hình biến động về số lượng và chất lượng lao động, tình hình sử dụng thời gian lao động và kết quả lao động. Tính toán phản ánh kịp thời, đầy đủ tình hình thanh toán các khoản tiền lương, tiền thưởng, các khoản nợ phải trả cho người lao động, lập báo cáo về lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội thuộc trách nhiệm. Đồng thời phản ánh tình hình biến động và sử dụng TSCĐ và công cụ dụng cụ.

Kế toán tiền: theo dõi và phản ánh tình hình biến động về tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Kế toán hàng hoá và tiêu thụ: Có nhiệm vụ theo dõi hạch toán giá thành của hàng hoá, theo dõi tình hình xuất kho và tiêu thụ hàng hoá cả về số lượng lẫn giá trị. Ngoài ra kế toán còn căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng, chứng từ thanh toán, chứng từ chấp nhận thanh toán và các chứng từ liên quan khác để hạch toán doanh thu hàng hoá tiêu thụ

Kế toán công nợ: Theo dõi hạch toán chi tiết khoản thanh toán với khách hàng, các khoản vay ngân hàng...

Thủ quỹ: Thu tiền của khách hàng và thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp, thanh toán lương cho nhân viên khi có quyết định của cấp trên.

2.1.4.2. Chế độ kế toán, hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH Ngọc Sơn.

Chế độ kế toán: áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT – BTC, ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

Niên độ kế toán: theo năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam đồng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ thuế.

Kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên; Hàng tồn kho được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Tính giá vật tư, hàng hóa, thành phẩm xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền (theo đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ).

Phương pháp tính khấu hao: tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thông tư số 45/2013/TT – BTC, ngày 25 tháng 4 năm 2013, đã được sửa đổi và bổ sung theo thông tư số 28/2017/TT-BTC, ngày 12/04/2017 của Bộ Tài Chính.

Phần mềm kế toán sử dụng: hiện nay công ty đang sử dụng phần mềm kế toán SAS INNOVA, được cập nhật đầy đủ liên tục và tích hợp với phiên bản HTKK mới nhất.

Dữ liệu được kế toán nhập vào phần mềm, chương trình tự động chuyển dữ liệu tích hợp phần mềm HTKK, tích hợp báo cáo thuế GTGT (mã vạch hai chiều); Tích hợp báo cáo thuế TNDN (mã vạch hai chiều); Tích hợp báo cáo tài chính (mã vạch hai chiều).

2.1.4.3. Đặc điểm kế toán công ty TNHH Ngọc Sơn trong điều kiện sử dụng kế toán máy.

Danh mục khách hàng và danh mục nhà cung cấp:

Là danh mục những đơn vị, cá nhân mua, bán với với công ty, chứa đựng các đối tượng liên quan đến tài khoản công nợ. Danh mục này được mã hóa bằng các chữ viết tắt của các đơn vị.

Danh mục khách hàng và nhà cung cấp được xây dựng ngay khi cài đặt phần mềm kế toán. Trong quá trình sử dụng, kế toán có thể bổ sung các khách hàng và nhà cung cấp khác.

Danh mục hàng hóa:

Danh mục hàng hóa được xây dựng ngay từ đầu khi mới đưa phần mềm vào sử dụng:

Bảng 2.2. Danh mục hàng hóa công ty TNHH Ngọc Sơn

Tên hàng hóa	Mã hóa	Tên hàng hóa	Mã hóa
Xi măng các loại		Gạch men các loại	

Xi măng Tam Điệp		Gạch mem lát Viglacera	
Xi măng bao PC 40	XMTĐPC40	Gạch sàn kích thước 30x30	GMVS30X30
Xi măng bao PCB 40	XMTĐPCB40	Gạch sàn kích thước 25x25	GMVS25X25
Xi măng Duyên Hà		Gạch ốp tường 30 x 45	GMVO30X45
Xi măng bao PC 30	XMDHPC30	Gạch ốp tường 30 x 60	GMVO30X60
Xi măng bao PC 40	XMDHPC40	Gạch Prime	
.....		Gạch 25x25	GMP25X25
Thép các loại		Gạch 25x40	GMP25X40
Thép Kyoiei		Gạch 40x40	GMP40X40
Thép cuộn phi 6	THEPKyoieiTCΦ6	Gạch 50x50	GMP50X50
Thép cuộn phi 8	THEPKyoieiKTCΦ8	Gạch 60x60	GMP60X60
Thép cuộn phi 10	THEPKyoieiKTCΦ10	Gạch 80x80	GMP80X80
Thép gân phi 12- phi 32	THEPKyoieiKTGΦ12-32
Thép gân phi 10	THEPKyoieiKTGΦ10	Thiết bị vệ sinh	
Thép Việt - Hàn VPS; Việt Nhật		Bê	
Thép D6, D8 tròn	THEPVPSTTΦ6; VPSTTΦ8	Bê BL5 (Nano - PK 2N nắp rời êm)	BBL5
Thép D8 vằn	THEPVPSTVΦ8	Bê c109,V40 (Nano - PK 2N nắp rời êm)	BC109, BV40
Thép D10 SD295	THEPVPSTΦ10SD 295	Bê V39 (Nano - PK 2 N nắp êm)	BV39
Thép D12SD295B	THEPVPSTΦ12SD 295B
Thép D14SD295B	THEPVPSTΦ14SD 295B	Chậu rửa	C
.....		
Tole		Sen vòi	
Tole 1,07m, sóng vuông dày 0,42mm (mạ kẽm)	TOLE0,42 K	Sen vòi cao cấp ROSSI	SVROSSI
Tole 1,07m, sóng vuông dày 0,45mm (mạ kẽm)	TOLE0,45 K	R601S; Sen	SVR601S

Tole 1,07m, sóng vuông dày 0,42mm (mạ màu)	TOLE0,42 M	R601V; Vòi 2 chân	SV601V
Tole 1,07m, sóng vuông dày 0,45mm (mạ màu)	TOLE0,45 M
....		Bình nước nóng	
	
		Bồn đựng nước INOX Tân Á	
	

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Ngọc Sơn)

Danh mục tài khoản kế toán:

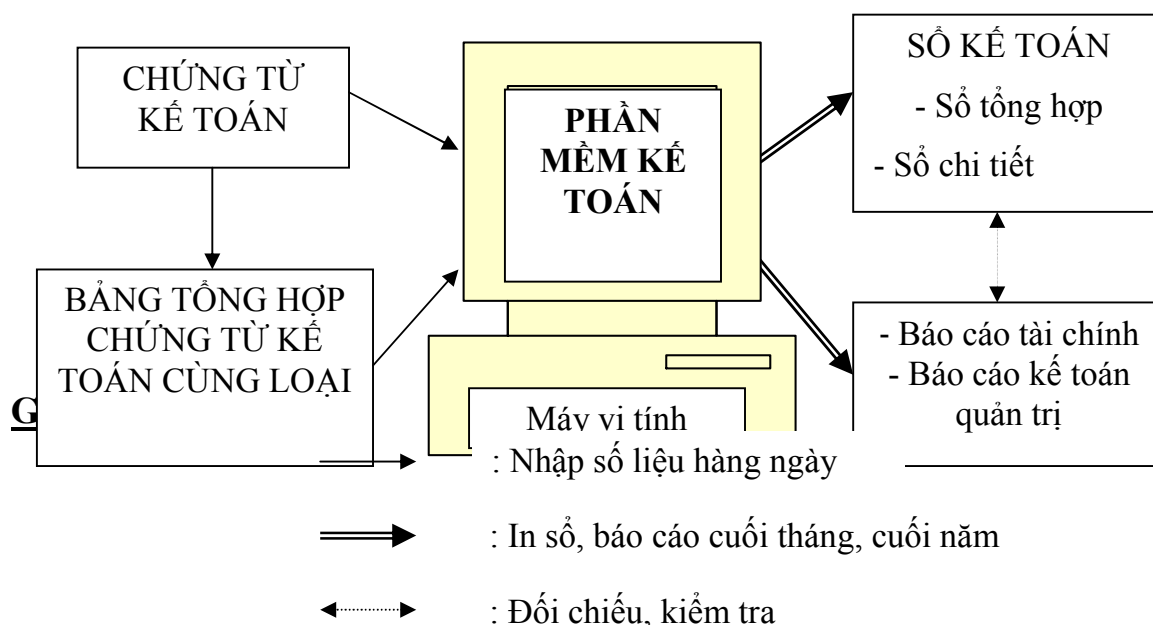
Hiện nay công ty sử dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo TT200/2014/TT-BTC của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính. Căn cứ vào yêu cầu chi tiết phục vụ công việc quản trị, công ty còn xây dựng danh mục tài khoản chi tiết cần sử dụng trên cơ sở hệ thống tài khoản chuẩn di Bộ Tài Chính ban hàng

Danh mục tài khoản được xây dựng ngay khi cài đặt phần mềm kế toán và do lập trình viên của công ty cung cấp phần mềm thực hiện, Trong quá trình sử dụng phần mềm kế toán có thể mở thêm các tài khoản chi tiết để phục vụ công việc kế toán

Trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm thực hiện như sau:

Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ cùng loại đã được kiểm tra, làm căn cứ ghi sổ kế toán, xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán Phần mềm kế toán tự động xử lý dữ liệu theo các nguyên tắc kế toán.

Cuối kỳ kế toán sau khi kiểm tra đối chiếu, nếu dữ liệu kế toán đã chính xác thì kế toán thực hiện thao tác khóa sổ kế toán và lập báo cáo tài chính. Việc kiểm tra đối chiếu giữa số liệu kế toán chi tiết với số liệu kế toán tổng hợp được thực hiện một cách tự động và đảm bảo chính xác, trung thực theo các thông tin đã được nhập vào trong kỳ. Kế toán có thể kiểm tra đối chiếu số liệu trực tiếp trên phần mềm kế toán hoặc in ra giấy để kiểm tra đối chiếu. Cuối kỳ kế toán sổ sách kế toán và hệ thống báo cáo kế toán được in ra giấy, đóng thành quyển để lưu trữ theo quy định của pháp luật về kế toán.



Sơ đồ 2.4: Trình tự xử lý dữ liệu bằng phần mềm kế toán

2.2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN DƯỚI GÓC ĐỘ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH.

2.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu tại công ty TNHH Ngọc Sơn dưới góc độ kế toán tài chính.

2.2.1.1. Thực trạng kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; Các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công Ty TNHH Ngọc Sơn chủ yếu là doanh thu từ hoạt động kinh doanh thương mại – mua, bán, phân phối vật liệu xây dựng và thiết bị nội thất cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và các tỉnh lân cận như Hà Nam, Nam Định...

❖ Thời điểm ghi nhận doanh thu của công ty TNHH Ngọc Sơn được thực hiện theo quy định của VAS 14 – chuẩn mực doanh thu và thu nhập khác.

❖ Hoạt động kinh doanh phân phối hàng hóa của công ty TNHH Ngọc Sơn được thực hiện qua hai phương thức bán hàng chủ yếu: phương thức bán buôn (gồm bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng) và bán lẻ.

➤ **Phương thức bán buôn:** chiếm tỷ trọng lớn trong quá trình tiêu thụ hàng hoá tại doanh nghiệp. Hiện nay hình thức bán buôn chủ yếu tại doanh nghiệp là bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng:

✚ Theo hình thức bán buôn qua kho: hàng hóa được xuất từ kho của doanh nghiệp để bán cho khách hàng bao gồm: bán buôn qua kho theo phương thức giao hàng trực tiếp hoặc bán buôn qua kho theo phương thức gửi hàng.

Quy trình bán buôn qua kho theo phương thức giao hàng trực tiếp

Căn cứ vào hợp đồng thương mại (hoặc đơn đặt hàng theo hợp đồng nguyên tắc) khách hàng gửi tới phòng kinh doanh, nhân viên phòng kinh doanh tiến hành lập đơn hàng bán.

Phòng kinh doanh gửi đơn hàng bán đến bộ phận kho . Đồng thời phòng kinh doanh gửi đơn hàng bán đến phòng kế toán

Bộ phận kho căn cứ vào đơn bán hàng của phòng kinh doanh lập P XK. Bộ phận kho gửi P XK đến bộ phận kế toán để kiểm soát

Kế toán tiêu thụ căn cứ vào P XK và đơn hàng bán lập hóa đơn bán hàng thành 03 liên. Sau đó trình giám đốc ký duyệt

Kế toán gửi hóa đơn bán hàng và P XK lại cho thủ kho

Bộ phận kho chuyển cho KH ký vào P XK và hóa đơn bán hàng sau đó xuất kho hàng hóa giao cho KH cùng với P XK và hóa đơn GTGT (liên 2). Gửi lại phòng kế toán P XK, hóa đơn GTGT đã có đầy đủ chữ ký của thủ kho và của người nhận hàng làm căn cứ hạch toán nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa.

Quy trình bán buôn qua kho theo phương thức gửi hàng:

Tương tự như trên, tuy nhiên bộ phận kho sẽ không chuyển phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT cho khách hàng ký và giao hàng cho khách mà bộ phận kho sẽ ký vào phiếu xuất kho và yêu cầu nhân viên phòng kinh doanh ký vào phiếu xuất kho sau đó xuất hàng hóa và giao cho nhân viên kinh doanh để giao hàng cho khách, nhân viên kinh doanh phụ trách việc vận chuyển hàng hóa từ kho tới địa điểm hai bên thỏa thuận yêu cầu khách hàng ký nhận vào hóa đơn mua hàng và giao hàng cho khách) Việc vận chuyển bốc vác sẽ do công ty đảm nhận nhưng phần chi phí này nếu vận chuyển trong phạm vi dưới 20km thì vận chuyển miễn phí đến tận nơi, từ km số 21 trở đi thì đơn giá vận chuyển bốc dỡ là 3.000 đồng/tấn/km

✚ Theo hình thức bán buôn vận chuyển thẳng: Hàng hóa mua về không nhập kho mà được chuyển thẳng cho bên mua. Hình thức bán buôn vận chuyển thẳng bao gồm: bán buôn vận chuyển thẳng theo phương thức giao hàng trực tiếp (giao tay 3) và bán buôn vận chuyển thẳng theo phương thức gửi hàng. Hiện nay công ty chỉ áp dụng phương thức bán buôn vận chuyển thẳng theo phương thức gửi hàng

Quy trình bán buôn vận chuyển thẳng theo phương thức gửi hàng:

Căn cứ vào hợp đồng thương mại (hoặc đơn đặt hàng theo hợp đồng nguyên tắc) khách hàng gửi tới phòng kinh doanh, nhân viên phòng kinh doanh lập đơn hàng

bán. Khi hàng hóa trong kho không đủ phục vụ cho nhu cầu của đơn hàng bán, phòng kinh doanh gửi đơn hàng bán đến phòng kế toán đồng thời báo cáo với lãnh đạo công ty để mua hàng phục vụ nhu cầu của khách hàng.

Khi yêu cầu nhập hàng để cung ứng cho khách hàng được duyệt nhân viên kinh doanh trực tiếp đi nhận hàng và giao hàng cho khách tại địa điểm hai bên thỏa thuận và yêu cầu khách hàng ký nhận vào hóa đơn GTGT bán hàng. Sau đó giao toàn bộ chứng từ cho các bộ phận kế toán liên quan.

❖ *Phương thức bán lẻ:* Hình thức bán lẻ được áp dụng tại kho của doanh nghiệp và showroom. Công ty thực hiện bán lẻ theo phương thức thu tiền tập trung nghĩa là khách hàng nộp tiền cho người thu tiền hoặc nhận nợ và nhận hóa đơn để nhận hàng tại kho hoặc showroom của doanh nghiệp.. Trường hợp bán lẻ nhưng khách hàng yêu cầu đưa hàng đến tận nhà thì kế toán hàng hoá lập hoá đơn GTGT sau đó giao cho nhân viên bán hàng 2 liên. Sau khi đã giao hàng và thu tiền xong, nhân viên bán hàng có trách nhiệm nộp tiền hàng cho phòng kế toán kèm hoá đơn GTGT (liên 3- liên xanh).

❖ Chính sách bán hàng:

Để khuyến khích quá trình tiêu thụ hàng hóa công ty cũng có chính sách chiết khấu thương mại đối với khách hàng mua với khối lượng lớn: khách hàng mua hàng hóa với hóa đơn mua hàng từng lần từ 200 triệu – 500 triệu được hưởng chiết khấu thương mại là 0.3%; từ 500 triệu – 1 tỷ hưởng chiết khấu thương mại 0.5% và trên 1 tỷ là 0.7%.

Doanh nghiệp không áp dụng chính sách giảm giá hàng bán và không có hàng bán bị trả lại, khách hàng phải tính toán nhu cầu và lấy với số lượng hợp lý công ty không chấp nhận hàng thừa trả lại.

Chứng từ sử dụng:

Hợp đồng kinh tế (hợp đồng nguyên tắc); Đơn hàng; Phiếu xuất kho; Hóa đơn giá trị gia tăng và các chứng từ thanh toán như: phiếu thu, giấy báo có...

Tài khoản sử dụng

TK 511 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được mở chi tiết cho từng mã hàng gồm:

5111: Doanh thu bán hàng hóa

5111XMTĐPC40 : Doanh thu xi măng Tam Điệp bao PC40

5111XMTĐPCB40: Doanh thu xi măng Tam Điệp bao PCB40

5111XMDHPC30: Doanh thu xi măng Duyên Hà bao PC30

....

TK 521 các khoản giảm trừ doanh thu

TK5211 XMTĐPC40: Doanh thu xi măng Tam Điệp bao PC40

TK5211 XMTĐPCB40: Doanh thu xi măng Tam Điệp bao PCB40

TK5211 XMDHPC30: Doanh thu xi măng Duyên Hà bao PC30

.....

Sổ kế toán:

Các sổ chi tiết: Sổ chi tiết bán hàng; Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng, sổ chi tiết chiết khấu thương mại

Các sổ tổng hợp:

Sổ nhật ký chung

Sổ cái TK 511 (Kế toán căn cứ vào chứng từ hoặc bảng tổng hợp chứng từ cùng loại ghi sổ chi tiết bán hàng (cuối kỳ kế toán lập bảng tổng hợp doanh thu bán hàng). Đồng thời kế toán ghi vào sổ cái TK 511)

Sổ cái TK 521

Trích dẫn nghiệp vụ bán hàng:

Ngày 06/06/2017: Bán buôn qua kho theo phương thức gửi hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng Thành Lợi Thị Trấn Yên Thịnh, Yên Mô Ninh Bình

Phiếu xuất kho số P XK050

15.000 kg thép cuộn Kyoiei Φ 6

10.000 kg thép gân Kyoiei Φ 10

20.000kg xi măng Duyên Hà PC 30

Theo hóa đơn số 000662

Đơn giá bán thép cuộn Kyoiei Φ 6 là 13.288 đồng/kg chưa bao gồm VAT 10%

Đơn giá bán thép gân Φ 10 là 13.211 đồng/kg chưa bao gồm VAT 10%

Đơn giá bán xi măng Duyên Hà PC là 880 đồng/kg

Do khoảng cách vận chuyển dưới 20km nên không có cước vận chuyển

Do khách hàng mua với hóa đơn trị giá nằm trong khoảng 200-500 triệu nên được hưởng chiết khấu thương mại 0.3%.

Tổng giá thanh toán trên hóa đơn là 382.781.201 đồng (giá đã bao gồm 10% VAT). Tiền khách hàng chưa thanh toán

Khi nhận được yêu cầu mua hàng của cửa hàng VLXD Thành Lợi, nhân viên phòng kinh doanh ông Trương Hùng Anh trực tiếp thỏa thuận với khách hàng, kiểm tra thông tin về hàng hóa từ phía thủ kho sau đó lập đơn hàng bán gửi đơn hàng bán đến bộ phận kho và phòng kế toán.

Bộ phận kho căn cứ vào đơn bán hàng của phòng kinh doanh lập phiếu xuất kho số **P XK050**. Bộ phận kho gửi P XK đến bộ phận kế toán để kiểm soát

Kế toán tiêu thụ căn cứ vào phiếu xuất kho số **P XK050** và đơn hàng bán lập hóa đơn bán hàng thành 03 liên **hóa đơn số H Đ000662** sau đó trình kế toán trưởng kiểm soát và giám đốc ký duyệt

Kế toán gửi hóa đơn bán hàng và P XK lại cho thủ kho

Bộ phận kho yêu cầu nhân viên phòng kinh doanh ký vào phiếu xuất kho sau đó xuất hàng hóa và giao cho nhân viên kinh doanh để giao hàng cho khách, nhân viên kinh doanh phụ trách việc vận chuyển hàng hóa từ kho tới địa điểm hai bên

thỏa thuận yêu cầu khách hàng ký nhận vào hóa đơn mua hàng và giao hàng cho khách). Sau đó nhân viên kinh doanh chuyển toàn bộ chứng từ lại cho kế toán hạch toán. Tại màn hình xuất kho theo đường dẫn: Tại màn hình hóa đơn bán hàng theo đường dẫn **Bán hàng/Sơ đồ/Hóa đơn bán hàng** kế toán tiến hành nhập thông tin của hóa đơn bán hàng số **HD000662** vào các ô tương ứng. Sau khi nhập liệu phần mềm tự động hạch toán vào sổ kế toán chi tiết và tổng hợp và lên các báo cáo

Phụ lục 2.1 Hóa đơn bán hàng số HD000662

Phụ lục 2.2. Sổ chi tiết Doanh thu bán hàng thép cuộn Kyoeyi Φ 6

Phụ lục 2.3. Sổ chi tiết chiết khấu thương mại thép cuộn Kyoeyi Φ 6

Phụ lục 2.4. Sổ nhật Ký chung

Phụ lục 2.5. Sổ cái tài khoản 511

Phụ lục 2.6. Sổ cái tài khoản 521

2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi của tài khoản tiền gửi thanh toán và một số khoản tiền gửi có kỳ hạn trong thời gian có vốn nhàn rỗi, các khoản chiết khấu thanh toán được hưởng do thanh toán cho nhà cung cấp trước thời hạn quy định.

Chứng từ sử dụng:

Căn cứ vào thông báo lãi hàng tháng của ngân hàng, kế toán kiểm tra và tính toán lại sau đó tiến hành cập nhật vào phần mềm

Đối với các khoản chiết khấu thanh toán được hưởng kế toán căn cứ vào hợp đồng kinh tế, biên bản đối chiếu công nợ, bảng tính chiết khấu thanh toán các hóa đơn trả đúng và trước hạn do nhà cung cấp gửi để lên phiếu kế toán bù trừ vào công nợ.

Cuối tháng hệ thống tự động thực hiện việc lập các phiếu kết chuyển và hạch toán các bút toán kết chuyển trên hệ thống để xác định kết quả kinh doanh cuối tháng.

Tài khoản sử dụng

TK 515 doanh thu hoạt động tài chính

Sổ kế toán:

Sổ nhật ký chung

Sổ cái tài khoản 515

Công ty không theo dõi chi tiết các khoản doanh thu hoạt động tài chính.

Trích dẫn nghiệp

Ngày 29/06 Báo có của ngân hàng BC072 lãi tiền gửi ngân hàng của tài khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tiết kiệm có kì hạn là 1.275.000

Khi nhận được báo có BC072 của ngân hàng, kế toán nhập liệu vào phần mềm kế toán theo đường dẫn: **Vốn bằng tiền/sơ đồ/thu tiền mặt hoặc thu qua ngân hàng** phần mềm tự động hạch toán vào sổ kế toán chi tiết và tổng hợp tương ứng

Phụ lục 2.4. Sổ nhật ký chung

Phụ lục 2.7. Sổ cái tài khoản 515

2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác.

Thu nhập khác của công ty chủ yếu là thu nhập phát sinh từ hoạt động nhượng bán và thanh lý tài sản cố định, các khoản thu phạt về vi phạm hợp đồng

....

Chứng từ sử dụng:

Phiếu thu

Báo có của ngân hàng

.....

Tài khoản sử dụng

TK 711 Thu nhập khác

Sổ kế toán:

Sổ nhật ký chung

Sổ cái tài khoản 711

Công ty không theo dõi chi tiết các khoản thu nhập khác.

Trích dẫn nghiệp

Trong kỳ tháng 06/2017 tại công ty không phát sinh thu nhập khác.

2.2.2. Thực trạng kế toán chi phí tại công ty TNHH Ngọc Sơn dưới góc độ kế toán tài chính

2.2.2.1. Thực trạng kế toán chi phí giá vốn hàng bán.

Doanh nghiệp áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá vốn hàng bán được tính theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ

Công thức

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá thực tế hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ}}$$

Tại doanh nghiệp chi phí mua hàng của lô hàng nào được tính luôn vào trị giá mua hàng của lô hàng đó mà không được phân bổ cho hàng bán ra

Thời điểm cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu và tính ra đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ cho các loại hàng hóa như sau:

HÀNG HÓA	TỒN ĐẦU		NHẬP TRONG KỲ		ĐƠN GIÁ BQ
	SL	TRỊ GIÁ	SL	TRỊ GIÁ	
Thép cuộn phi 6	18.000	233.640.000	56.000	727.440.000	12.987,57
Thép gân phi 10	5.000	64.200.000	45.000	582.750.000	12.939,00
Xi măng duyên hà PC30	13.000	10.660.000	150.000	124.500.000	829,20
.....

Chứng từ sử dụng:

Phiếu xuất kho

.....

Tài khoản sử dụng

TK 632 giá vốn hàng bán

TK 632THEPKyoeiTCΦ6: Giá vốn thép cuộn Kyoeyi phi 6

TK 632THEPKyoeiTGΦ10 Giá vốn thép gân Kyoeyi phi 10

.....

Sổ kế toán:

Sổ chi tiết tài khoản: 632THEPKyoeiTCΦ6; 632THEPKyoeiTGΦ10....

Sổ nhật ký chung

Sổ cái tài khoản 632

Trích dẫn nghiệp

Nghiệp vụ đã trích dẫn tại mục 2.2.1.1. *Thực trạng kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; Các khoản giảm trừ doanh thu.*

Căn cứ vào phiếu xuất kho số P XK050 kế toán hạch toán vào phần mềm máy tính tại màn hình xuất kho theo đường dẫn **Vật tư hàng hóa/sơ đồ, xuất kho** phần mềm tự động hạch toán vào sổ sách liên quan.

Phụ lục 2.8: Phiếu xuất kho số P XK050

Phụ lục 2.9: Sổ chi tiết tài khoản 632THEPKyoeiTCΦ6

Phụ lục 2.4: Sổ nhật ký chung

Phụ lục 2.10. Sổ cái tài khoản 632

2.2.2. 2. Thực trạng kế toán chi phí tài chính.

Chi phí tài chính của công ty chủ yếu là các khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng do khách hàng thanh toán trước tiền hàng so với quy định, khoản chi phí lãi vay vốn của công ty...

Chính sách tín dụng của công ty: đối với khách hàng mua không thường xuyên, khách hàng lẻ công ty yêu cầu thanh toán ngay. Đối với khách hàng thường xuyên, khối lượng giao dịch lớn công ty cho chậm thanh toán trong vòng 1 tháng. Trường hợp khách hàng được phép nợ nhưng lại thanh toán tiền ngay hoặc thanh toán trước thời hạn quy định sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán 0.2% trên hóa đơn.

Chứng từ sử dụng:

Phiếu thu

Phiếu chi

.....

Tài khoản sử dụng

TK 635 chi phí tài chính

Sổ kế toán:

Sổ nhật ký chung

Sổ cái tài khoản 635

Trích dẫn nghiệp

Ngày 25/06 BC065 cửa hàng VLXD Thành Lợi thanh toán toàn bộ tiền hàng theo hóa đơn số 000662 bằng chuyển khoản. Do thanh toán trước thời hạn quy định nên được hưởng chiết khấu thanh toán 0.2% trên hóa đơn.

Căn cứ vào chứng từ thu tiền kế toán hạch toán vào phần mềm máy tính phần mềm tự động hạch toán vào sổ sách liên quan.

Phụ lục 2.4: Sổ nhật ký chung

Phụ lục 2.11: Sổ cái tài khoản 635

2.2.2. 3. Thực trạng kế toán chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu, bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản cố định chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền sử dụng cho bộ phận bán hàng.

Chứng từ sử dụng:

Bảng tính và phân bổ tiền lương, các khoản trích theo lương

Bảng tính và phân bổ khấu hao

Phiếu chi

Hóa đơn

.....

Tài khoản sử dụng

TK 641 chi phí bán hàng

6411 - Chi phí nhân viên

6412 - Chi phí vật liệu, bao bì

6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng

6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ

6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

6418 - Chi phí bằng tiền khác

Sổ kế toán:

Sổ chi tiết tài khoản 6411, 6412, 6413.....

Sổ nhật ký chung

Sổ cái tài khoản 641

Trích dẫn nghiệp vụ:

Ngày 30/6

Tính ra tiền lương phải trả trong tháng là: 139.100.000 đồng trong đó: lương nhân viên quản lý là: 49.400.000 đồng; Lương nhân viên bán hàng là 89.700.000 đồng

Các khoản phụ cấp phải trả trong tháng là: 3.700.000 trong đó phục cấp cho nhân viên quản lý là 2.600.000 đồng; Nhân viên bán hàng là 1.100.000 đồng

Tính các khoản trích theo lương theo tỷ lệ quy định hiện hành

Trích khấu hao tài sản cố định trong tháng: bộ phận bán hàng 9.013.889 đồng; Bộ phận quản lý doanh nghiệp là 5.270.833 đồng

Phụ lục 2.12. Bảng tính và phân bổ tiền lương, các khoản trích theo lương

Phụ lục 2.13. Bảng tính và phân bổ khấu hao

Phụ lục 2.14. Sổ chi tiết tài khoản 6411

Phụ lục 2.4: Sổ nhật ký chung

Phụ lục 2.15. Sổ cái tài khoản 641

2.2.2. 4. Thực trạng kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu, bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản cố định chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền sử dụng cho bộ phận quản lý.

Chứng từ sử dụng:

Bảng tính và phân bổ tiền lương, các khoản trích theo lương

Bảng tính và phân bổ khấu hao

Phiếu chi

Hóa đơn

.....

Tài khoản sử dụng

TK 642 chi phí quản lý doanh nghiệp

6421 - Chi phí nhân viên

6422 - Chi phí vật liệu, bao bì

6423 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng

6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ

6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

6428 - Chi phí bằng tiền khác

Sổ kế toán:

Sổ chi tiết tài khoản 6421, 6422, 6423.....

Sổ nhật ký chung

Sổ cái tài khoản 642

Trích dẫn nghiệp vụ:

Nghiệp vụ đã trích dẫn phần 2.2.2. 3. *Thực trạng kế toán chi phí bán hàng.*

Phụ lục 2.12. Bảng tính và phân bổ tiền lương, các khoản trích theo lương

Phụ lục 2.13. Bảng tính và phân bổ khấu hao

Phụ lục 2.16. Sổ chi tiết tài khoản 6421

Phụ lục 2.4: Sổ nhật ký chung

Phụ lục 2.17. Sổ cái tài khoản 642

2.2.2. 5. Thực trạng kế toán chi phí khác.

Chi phí khác của công ty chủ yếu là chi phí phát sinh từ hoạt động nhượng bán và thanh lý tài sản cố định, các khoản nộp phạt do vi phạm hợp đồng

Chứng từ sử dụng:

Phiếu thu

Báo có của ngân hàng

.....

Tài khoản sử dụng

TK 811 Chi phí khác

Sổ kế toán:

Sổ nhật ký chung

Sổ cái tài khoản 811

Công ty không theo dõi chi tiết các khoản chi phí khác.

Trích dẫn nghiệp

Trong kỳ tháng 06/2017 tại công ty không phát sinh chi phí khác.

2.2.2. 6. Thực trạng kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Chứng từ sử dụng:

Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp, tờ khai điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp, tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước

Tài khoản sử dụng

TK 821 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Sổ kế toán:

Sổ chi tiết TK 8211

Sổ nhật ký chung

Sổ cái tài khoản 821

Trích dẫn nghiệp

Ngày 30/06: Tính ra số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong tháng là 48.086.964 đồng

Phụ lục 2.18. Sổ chi tiết tài khoản 8211

Phụ lục 2.4: Sổ nhật ký chung

Phụ lục 2.19. Sổ cái tài khoản 821

2.2.3. Thực trạng kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn dưới góc độ kế toán tài chính.

Cuối kỳ kế toán, phần mềm kế toán tự động thực hiện các bút toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh trong kỳ:

- Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu xác định doanh thu thuần
- Kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác
- Kết chuyển các khoản chi phí: giá vốn hàng bán; Chi phí tài chính; Chi phí bán hàng; Chi phí quản lý doanh nghiệp; Chi phí khác
- Hệ thống tự động bù trừ xác định kết quả lãi/ lỗ trong kỳ
- Tính ra số thuế TNDN phải nộp (nếu có)
- Kết chuyển thuế TNDN
- Xác định lợi nhuận sau thuế TNDN

Chứng từ sử dụng:

Các phiếu kết chuyển cuối kỳ

Biểu số 2.1: Phiếu kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu

Đơn vị: Công ty TNHH Ngọc Sơn		Mẫu số:	
Đại chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành Thành phố Ninh Bình		(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)	
PHIẾU KẾ TOÁN Số 01 Ngày 30 tháng 06 năm 2017			
<i>Đvt: Đồng</i>			
Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu	511	521	10.061.460
Cộng			10.061.460
Người lập biểu <i>(Ký, họ tên)</i>		Ngày 30 tháng 06 năm 2017 Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	

Biểu số 2.2: Phiếu kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu tài chính.

Đơn vị: Công ty TNHH Ngọc Sơn		Mẫu số:	
Đại chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành Thành phố Ninh Bình		(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)	
PHIẾU KẾ TOÁN Số 02 Ngày 30 tháng 06 năm 2017			
<i>Đvt: Đồng</i>			
Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	3.869.938.540

Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	5.600.000
Cộng			3.875.538.540
Người lập biểu (Ký, họ tên)		Ngày 30 tháng 06 năm 2017 Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	

Biểu số 2.3: Phiếu kết chuyển chi phí GVHB, CPTC, CPBH, CPQLDN

Đơn vị: Công ty TNHH Ngọc Sơn		Mẫu số:	
Đại chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành		(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC	
Thành phố Ninh Bình		ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)	
PHIẾU KẾ TOÁN Số 03 Ngày 30 tháng 06 năm 2017			
<i>Dvt: Đồng</i>			
Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	3.420.000.000
Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	10.485.000
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	135.491.889
Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	69.126.833
Cộng			3.635.103.722
Người lập biểu (Ký, họ tên)		Ngày 30 tháng 06 năm 2017 Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	

Biểu số 2.4: Phiếu kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Đơn vị: Công ty TNHH Ngọc Sơn		Mẫu số:	
Đại chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành		(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC	
Thành phố Ninh Bình		ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)	
PHIẾU KẾ TOÁN Số 04 Ngày 30 tháng 06 năm 2017			

			<i>Dvt: Đồng</i>
Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	48.086.964
Cộng			48.086.964
Người lập biểu <i>(Ký, họ tên)</i>		Ngày 30 tháng 06 năm 2017 Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	

Biểu số 2.5: Phiếu kết chuyển lợi nhuận sau thuế.

Đơn vị: Công ty TNHH Ngọc Sơn		Mẫu số:	
Đại chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành		(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC	
Thành phố Ninh Bình		ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)	
PHIẾU KẾ TOÁN Số 05 Ngày 30 tháng 06 năm 2017			
			<i>Dvt: Đồng</i>
Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	192.347.854
Cộng			192.347.854
Người lập biểu <i>(Ký, họ tên)</i>		Ngày 30 tháng 06 năm 2017 Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	

Tài khoản sử dụng
TK 911 Xác định kết quả kinh doanh

Sổ kế toán:

Sổ nhật ký chung

Sổ cái tài khoản 911

Trích dẫn nghiệp

Ngày 30/06: Cuối kỳ thực hiện các bút toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh

Phụ lục 2.4: Sổ nhật ký chung

Phụ lục 2.21. Sổ cái tài khoản 911

2.3. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN DƯỚI GÓC ĐỘ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ.

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh như hiện nay, các doanh nghiệp phải thường xuyên dựa vào nhiều nguồn thông tin khác nhau để ra quyết định quản trị nhằm đạt được kết quả tốt nhất trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Kế toán quản trị cung cấp rất nhiều thông tin hữu ích cho các nhà quản trị trong việc ra quyết định trong kinh doanh. Tuy nhiên đối với các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và công ty TNHH Ngọc Sơn nói riêng chưa thực sự hiểu rõ về kế toán quản trị cũng như vai trò và tác dụng của nó trong công tác quản lý tài chính của mình. Qua thời gian tìm hiểu tại công ty TNHH Ngọc Sơn, tác giả có ghi nhận được một số thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán quản trị như sau:

2.3.1. Kế toán quản trị doanh thu.

Tại công ty chưa có sự tách biệt giữa kế toán quản trị doanh thu và kế toán tài chính doanh thu. Vai trò kế toán quản trị doanh thu chưa được chú trọng.

Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng chịu ảnh hưởng rất lớn bởi tính chất của ngành xây dựng, ngành xây dựng là ngành chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố: sự phát triển kinh tế, thị trường bất động sản, thời tiết, mùa vụ... Việc tổ chức phân tích và cung cấp thông tin về doanh thu của các công ty hoạt động trong lĩnh vực này là vô cùng quan trọng, kết quả của việc nghiên cứu về doanh thu là cơ sở cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra được những biện pháp phù hợp để khuyến khích tiêu thụ nhằm đảm bảo gia tăng doanh số bán để có thể tối đa hóa lợi nhuận của hoạt động kinh doanh. Tuy vậy kế toán quản trị doanh thu tại công ty TNHH Ngọc Sơn còn rất hạn chế:

Việc theo dõi và phản ánh doanh thu chỉ được thực hiện theo từng mặt hàng nhờ việc hạch toán chi tiết doanh thu theo kế toán tài chính.

Báo cáo quản trị doanh thu của công ty chỉ gồm: báo cáo tiêu thụ theo mặt hàng trong kỳ **Phụ lục 2.22 báo cáo doanh thu tiêu thụ theo mặt hàng**, công ty không tiến hành lập báo cáo dự toán doanh thu và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện doanh thu theo dự toán để cung cấp thông tin cho hoạt động quản lý. Bên cạnh đó việc lập báo cáo doanh thu tiêu thụ theo mặt hàng cũng chỉ mang tính chất liệt kê cung cấp thông tin về mặt con số, chưa sử dụng các chỉ tiêu để phân tích doanh thu như: tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, trị giá vốn hàng bán/doanh thu, tỷ trọng doanh thu/tổng doanh thu, phân tích nhân tố và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố... để thấy được bản chất của sự biến động tăng, giảm doanh thu, nguyên nhân tăng, giảm doanh thu của các mặt hàng.

Doanh thu từ dịch vụ vận chuyển bốc xếp doanh nghiệp vẫn đang hạch toán chung vào doanh thu bán hàng, khiến cho số liệu về doanh thu tiêu thụ sản phẩm trong kỳ chưa sát thực tế. Doanh nghiệp chỉ chú trọng vào doanh thu bán hàng mà chưa xem xét, phân tích các nguồn thu nhập khác như doanh thu tài chính, thu nhập khác...

2.3.2. Kế toán quản trị chi phí.

Chưa có sự tách biệt giữa kế toán quản trị chi phí và kế toán tài chính chi phí, vai trò của kế toán quản trị chi phí chưa được chú trọng.

Về phân loại chi phí: các phương pháp phân loại chi phí phần lớn theo cách phân loại chi phí trong kế toán tài chính.

Thực tế các báo cáo quản trị về chi phí tại công ty vẫn đơn thuần là việc tổng hợp lại các số liệu về toàn bộ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính và chi phí khác: **Phụ lục 2.23: Báo cáo chi phí toàn doanh nghiệp.** Ở đây chỉ tiêu về chi phí do bộ phận kế toán tiến hành phân loại, tổng hợp, cung cấp số liệu chứ chưa được so sánh đánh giá giữa các tháng hoặc các quý, so sánh kết quả phân loại của kỳ này với kỳ trước của công ty mình với các công ty cùng ngành cùng lĩnh vực. Công ty TNHH Ngọc Sơn không tiến hành lập dự toán chi phí và đánh giá kết quả thực hiện dự toán chi phí làm căn cứ để đưa ra kết quả kinh doanh.

2.3.3. Kế toán quản trị kết quả kinh doanh

Doanh nghiệp chỉ tiến hành xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ của tất cả các hoạt động trong toàn doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh chỉ được quan tâm dưới góc độ giá trị của các chỉ tiêu: lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận gộp, lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế...mà chưa sử dụng các chỉ tiêu như: tỷ suất doanh lợi doanh thu, tỷ trọng lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận/ vốn đầu tư... để phân tích để thấy được bản chất của kết quả kinh doanh

Xuất phát từ việc không theo dõi tốt về kế toán quản trị doanh thu và kế toán quản trị về chi phí dẫn đến kế toán quản trị kết quả kinh doanh của công ty cũng không hiệu quả. Vì vậy thông tin kế toán quản trị của công ty không đáp ứng yêu cầu về sử dụng thông tin để có thể là cơ sở cho những quyết định chính xác trong kinh doanh, phần lớn các quyết định của nhà quản lý trong công ty còn mang tính chất “cảm tính” và “kinh nghiệm” chưa bám sát vào thực tiễn.

2.4. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN.

2.4.1. Đánh giá chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn dưới góc độ kế toán tài chính.

2.4.1.1. Ưu điểm.

Qua quá trình tìm hiểu, khảo sát công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn, có thể thấy công tác kế toán của công ty đã đạt được những kết quả nhất định. Quá trình vận dụng chế độ kế toán để xây dựng hệ thống giấy tờ, chứng từ kế toán, hệ thống sổ kế toán, hệ thống báo cáo tài chính, hệ thống báo cáo quản trị, báo cáo thuế cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu thông tin kế toán tài chính phục vụ yêu cầu quản lý kinh doanh.

Về hình thức và chế độ kế toán áp dụng

Doanh nghiệp sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung, áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC phù hợp với quy mô hoạt động, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ công nhân viên trong công ty và quy định hiện hành của pháp luật về kế toán.

Về tổ chức bộ máy kế toán

Doanh nghiệp đã xây dựng bộ máy kế toán gọn nhẹ, tổ chức tương đối hoàn chỉnh với đội ngũ kế toán viên có trình độ nghiệp vụ chuyên môn, được phân công, phân nhiệm rõ ràng. Tạo điều kiện nâng cao hiệu quả của công tác kế toán trong doanh nghiệp. Bộ máy kế toán của doanh nghiệp được tổ chức phù hợp với quy mô, phù hợp với chuyên môn của kế toán viên.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh do kế toán hàng hóa và tiêu thụ đảm nhận, do có sự phân công công việc và trách nhiệm rõ ràng, giúp nâng cao tinh thần trách nhiệm của kế toán viên trong công việc từ đó nâng cao hiệu quả công tác hạch toán kế toán của công ty.

Về hệ thống chứng từ kế toán

Hệ thống chứng từ kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng và hệ thống chứng từ của doanh nghiệp nói chung được xây dựng trên cơ sở hệ thống chứng từ ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC phù hợp với yêu cầu quản lý và bảo đảm tính pháp lý. Hệ thống chứng từ kế toán của công ty khá chi tiết và đầy đủ

Quy trình luân chuyển chứng từ đơn giản, nhanh chóng. Chứng từ được phân loại, hệ thống hóa theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh và được đóng thành tập theo từng tháng của niên độ kế toán để thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

Về hệ thống tài khoản sử dụng

Hệ thống tài khoản kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng và hệ thống tài khoản kế toán của công ty nói chung được xây dựng dựa trên cơ sở hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hạch toán kế toán.

Về hệ thống sổ kế toán và báo cáo tài chính

Hệ thống sổ kế toán và quy trình ghi sổ tuân thủ theo quy định của hình thức kế toán nhật ký chung được tổ chức trong môi trường kế toán máy. Hệ thống sổ kế toán bao gồm sổ chi tiết và sổ tổng hợp được phần mềm thiết kế một cách khoa học tuân thủ quy định của chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán. Nhờ việc áp dụng kế toán máy nên việc hạch toán và đối chiếu số liệu giữa các sổ tổng hợp và sổ chi tiết được thực hiện một cách tự động, chính xác tránh được sự chồng chéo, tiết kiệm được lao động và giảm bớt rủi ro sai sót trong kế toán.

Hệ thống báo cáo tài chính được phần mềm thiết kế sẵn theo quy định của thông tư 200/2014/TT-BTC về hình thức cũng như phương pháp ghi chép, lập báo cáo. Hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán – mẫu số B01-DN; Báo cáo kết quả kinh doanh – mẫu số B02 –DN; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ mẫu số B03 – DN và bản thuyết minh báo cáo tài chính – mẫu số B09 – DN.

Về phần hành kế toán doanh thu

Tất cả các nghiệp vụ về doanh thu đều được ghi nhận trên cơ sở chứng từ kế toán hợp lý, hợp lệ và hợp pháp, thời điểm và điều kiện ghi nhận doanh thu được thực hiện đúng theo quy định của chuẩn mực kế toán số 14

Hệ thống sổ kế toán phản ánh doanh thu thống nhất, rõ ràng về biểu mẫu được lập trình trong phần mềm, đáp ứng tốt về nhu cầu thông tin kế toán tài chính phục vụ hoạt động quản lý doanh nghiệp

Quy trình hạch toán doanh thu tại doanh nghiệp tương đối chặt chẽ, giúp giảm thiểu khả năng sai sót trong quá trình theo dõi và phản ánh doanh thu.

Về phần hành kế toán chi phí

Tất cả các nghiệp vụ về chi phí đều được ghi nhận trên cơ sở chứng từ kế toán hợp lý, hợp lệ và hợp pháp. Việc ghi nhận chi phí của doanh nghiệp tuân thủ các nguyên tắc kế toán cơ bản của chuẩn mực kế toán số 01

Các chứng từ liên quan tới chi phí đều được lưu giữ cẩn thận có hệ thống, phản ánh chính xác đầy đủ kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Việc phối hợp giữa các phần hành kế toán khá chặt chẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc phản ánh chính xác, đầy đủ các chi phí phát sinh.

Về phần hành kế toán xác định kết quả kinh doanh

Toàn bộ công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh được thực hiện một cách tự động theo lập trình sẵn của phần mềm kế toán vào thời điểm cuối kỳ kế toán, giúp cho việc tính toán và xác định kết quả kinh doanh được thực hiện một cách nhanh chóng và chính xác bảo đảm cung cấp kịp thời thông tin cho việc quản lý của các nhà quản trị. Công ty thực hiện xác định kết quả kinh doanh theo từng tháng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra số liệu kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác quản trị doanh nghiệp.

2.4.1.2. Nhược điểm.

Bên cạnh những kết quả đạt được công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHHH Ngọc Sơn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục như:

Về hình thức và chế độ kế toán áp dụng

Doanh nghiệp sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung, áp dụng chế độ kế toán theo TT200/2014/TT-BTC tuy đơn giản dễ thực hiện và phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ của kế toán viên, tuy vậy tính chính xác trong công tác kiểm tra đối chiếu của hình thức ghi sổ này không cao so với các hình thức khác.

Về tổ chức bộ máy kế toán

Doanh nghiệp đã xây dựng bộ máy kế toán gọn nhẹ giúp tiết kiệm được chi phí tuy vậy khối lượng công việc nhất là vào thời điểm cuối kỳ kế toán tăng cao, và tập chung chủ yếu vào các nhân viên kế toán phụ trách phần hành kế toán tiêu thụ và kế toán trưởng, khiến cho chất lượng, hiệu quả xử lý công việc của các nhân viên kế toán bị giảm xuống, khả năng xảy ra sai sót là tương đối cao.

Thêm vào đó công ty không có nhân viên phụ trách về kế toán tổng hợp, mọi công việc thuộc trách nhiệm của kế toán tổng hợp lại do kế toán trưởng đảm nhiệm làm mất tính hiệu quả trong quá trình kiểm tra, kiểm soát của kế toán trưởng trong công tác hạch toán kế toán

Về hệ thống chứng từ kế toán

Quy trình luân chuyển chứng từ đơn giản, nhanh chóng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tuy vậy điều này lại là cơ hội cho các sai sót nảy sinh trong quá trình kế toán tại công ty.

Công tác lập, luân chuyển kiểm tra chứng từ đối với hoạt động bán lẻ của công ty còn thấp đặc biệt là đối với các khách hàng lẻ không cần lấy hóa đơn. Thông thường tới thời điểm cuối ngày kế toán mới tập hợp lại các phiếu mua hàng của các đối tượng này và xuất hóa đơn một lần phục vụ công tác quản lý và hạch toán kế toán, tuy vậy nhiều trường hợp do việc quản lý đơn hàng bán không tốt nên dễ bị nhầm lẫn và sai sót, tình trạng làm mất đơn hàng bán xảy ra phổ biến do sự bất cẩn của nhân viên kế toán và các cá nhân có liên quan. Đặc biệt trong một số trường hợp doanh nghiệp vẫn tiến hành trực lợi bằng cách dựa vào sổ hàng bán cho khách lẻ không cần hóa đơn công ty tập hợp lại và xuất hóa

đơn để bán cho các đối tượng có nhu cầu nhằm mục đích hưởng phần trăm về thuế GTGT và khoản tiền hoa hồng khác. Đây là việc làm trái với quy định của pháp luật, bóp méo tính chính xác của nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm ảnh hưởng tới thông tin kế toán cung cấp.

Về hệ thống tài khoản sử dụng

Hệ thống tài khoản kế toán của doanh nghiệp được xây dựng dựa trên hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo thông tư 200/2014/TT –BTC, trong đó hệ thống tài khoản chi tiết của doanh nghiệp được xây dựng căn cứ vào số hiệu tài khoản cấp 1 và cấp 2 cộng với ký hiệu mã hóa của hàng hóa, sản phẩm mà doanh nghiệp bán ra, mã hóa tên của khách hàng... Việc xây dựng hệ thống tài khoản chi tiết như thế tuy có lợi thế là dễ nhớ tuy vậy ký hiệu mã hóa của hàng hóa sản phẩm của công ty quá dài, hoặc khách hàng, nhà cung cấp và đối tác kinh doanh có nhiều người trùng tên nhất là khi quy mô kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng được mở rộng thì khả năng xảy ra trùng lặp là rất cao vì vậy việc xây dựng hệ thống tài khoản chi tiết như hiện nay của công ty là chưa khoa học gây nhiều khó khăn và sai sót trong quá trình hạch toán.

Một số mặt hàng có doanh thu và giá vốn thấp kế toán công ty không hạch toán riêng theo một mã hàng mà gộp tất vào một mã là KHAC (tức là các mặt hàng khác) điều này gây khó khăn cho quá trình theo dõi và phân tích thông tin kế toán tài chính.

Về hệ thống sổ kế toán và báo cáo tài chính

Hệ thống sổ kế toán được xây dựng dựa trên hệ thống tài khoản của doanh nghiệp, số hiệu sổ kế toán chính là số hiệu tài khoản vì vậy hệ thống sổ kế toán cũng gặp phải những hạn chế do hệ thống tài khoản xây dựng chưa khoa học mang lại

Bên cạnh đó việc kiểm tra kiểm soát hệ thống sổ kế toán chủ yếu do kế toán trưởng thực hiện, khối lượng công việc lớn làm giảm hiệu quả và tính chính xác của công tác kế toán

Việc tổ chức hạch toán doanh thu chi phí và kết quả kinh doanh của Công ty mới dừng lại ở mục đích lập báo cáo tài chính theo quy định của nhà nước, hệ thống báo cáo quản trị cũng bước đầu được quan tâm nhưng chưa đầy đủ và chưa được coi trọng thực sự, vì vậy hiệu quả của công tác cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu quản trị của doanh nghiệp còn nhiều yếu kém và chậm chễ, thông thường các quyết định quản lý của ban lãnh đạo chủ yếu dựa trên kinh nghiệm và phán đoán của ban lãnh đạo mà chưa có căn cứ rõ ràng,

Về phần hành kế toán doanh thu

Quá trình hạch toán doanh thu bán hàng hóa dịch vụ của công ty chưa bóc tách được doanh thu vận chuyển bốc dỡ ra khỏi doanh thu bán các loại hàng hóa của doanh nghiệp, đối với hoạt động bán hàng trong phạm vi gần do chính sách

bán hàng của công ty không tính đến chi phí vận chuyển và bốc dỡ thì không làm ảnh hưởng tới giá trị doanh thu bán hàng được hạch toán, nhưng đối với những trường hợp việc cung cấp hàng hóa có khoảng cách địa lý lớn và có tính chi phí vận chuyển bốc dỡ thì giá trị doanh thu bán hàng hóa được phản ánh bao gồm cả doanh thu vận chuyển bốc dỡ làm giảm tính chính xác về quy mô giá trị doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Đối với các mặt hàng có doanh thu thấp kế toán không theo dõi chi tiết doanh thu theo từng mặt hàng mà gộp chung vào một mã 511KHAC điều này giúp giảm nhẹ khối lượng công việc trong kế toán nhưng lại gây khó khăn trong quá trình theo dõi doanh thu của các mặt hàng, làm giảm hiệu quả của thông tin do kế toán cung cấp.

Về phần hành kế toán chi phí

Phương pháp tính giá hàng xuất kho công ty đang áp dụng là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ, việc tính toán tương đối đơn giản nhưng lại tập chung công việc vào thời điểm cuối kỳ, và phải đợi đến thời điểm cuối kỳ mới có đủ thông tin để xác định đơn giá xuất kho chính xác, điều này khiến cho việc hạch toán chi phí giá vốn hàng tồn kho chậm chễ, chưa đáp ứng được tính kịp thời trong quá trình cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu quản trị

Cũng tương tự như phần hành kế toán doanh thu đối với các sản phẩm doanh thu phát sinh thấp doanh nghiệp không hạch toán riêng giá vốn hàng bán theo từng mặt hàng mà gộp chung thành 1 mã 632KHAC điều này gây khó khăn trong quá trình theo dõi chi phí giá vốn theo mặt hàng và hoạt động phân tích thông tin phục vụ yêu cầu quản trị.

Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trong điều kiện nền kinh tế có nhiều biến động như hiện nay, giá cả của các loại hàng hóa, dịch vụ thường xuyên thay đổi thì việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là rất cần thiết. Tuy vậy công ty lại chưa chú trọng tới vấn đề này, điều này sẽ làm giảm tính chính xác của chỉ tiêu giá vốn hàng bán trong kỳ gây ảnh hưởng tới kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.4.2. Đánh giá chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn dưới góc độ kế toán quản trị.

2.4.2.1. Ưu điểm.

Hiện nay công ty TNHH Ngọc Sơn bước đầu đã có sự quan tâm tới vai trò của kế toán quản trị trong hoạt động kế toán tại đơn vị đặc biệt là vai trò của kế toán quản trị doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh: công ty đã có sự kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị, một số nội dung kế toán quản trị về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã được thực hiện: báo cáo doanh thu, báo cáo kết quả kinh doanh...

2.4.2. 2. Hạn chế.

Vai trò của kế toán quản trị doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng và kế toán quản trị doanh nghiệp nói chung chưa được ban lãnh đạo công ty quan tâm đúng mức, trình độ chuyên môn và các tiếp cận với kế toán quản trị của nhân viên kế toán còn hạn chế và còn nhiều bất cập, phần lớn chỉ dừng lại ở việc lập các báo cáo đơn thuần chưa biết đọc và đánh giá ý nghĩa của các con số trong báo cáo quản trị. Quy mô và tiềm lực tài chính của công ty không cho phép tổ chức riêng bộ phận kế toán quản trị, việc kết hợp đơn vị xem giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính khiến cho các nhân viên kế toán chỉ tập trung chủ yếu về kế toán tài chính mà không quan tâm tới kế toán quản trị trong doanh nghiệp, chưa có sự kết hợp một cách khoa học giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị, hệ thống kế toán quản trị mới chỉ được triển khai ở mức độ thấp chưa hiệu quả cụ thể:

Về phần hành kế toán doanh thu

Việc theo dõi và phản ánh doanh thu bán hàng mới chỉ tiến hành theo yêu cầu của kế toán tài chính là chủ yếu mà chưa có sự theo dõi doanh thu bán hàng theo yêu cầu của kế toán quản trị như: doanh thu theo khu vực, đối tượng mua hàng, nhân viên bán hàng ... Công tác lập và trình bày kế toán doanh thu dưới góc độ kế toán quản trị của doanh nghiệp còn rất hạn chế phần lớn mới chỉ dừng lại ở việc lập các báo cáo giản đơn chưa mang tính phân tích, chưa làm rõ bản chất và nguyên nhân biến động của doanh thu trong kỳ. Chính những hạn chế này đã làm giảm chất lượng thông tin liên quan tới doanh thu là – là một trong những cơ sở quan trọng cho các quyết định quản lý trong doanh nghiệp.

Về phần hành kế toán chi phí

Công ty TNHH Ngọc Sơn mới chỉ thực hiện phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất và phân loại theo mục đích công dụng của chi phí sử dụng trong kế toán tài chính. Đối với việc phân loại chi phí theo yêu cầu của kế toán quản trị như: chi phí theo cách ứng xử (định phí, biến phí, chi phí hỗn hợp), phân loại chi phí thành chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được, chi phí chìm, chi phí cơ hội đều không thực hiện do đó chưa đáp ứng được thông tin cần thiết cho nhà cung cấp, trước những biến động phức tạp của thị trường.

Về phần hành kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kế toán xác định kết quả kinh doanh được thực hiện chủ yếu theo kế toán tài chính mà chưa chú trọng tới kế toán xác định kết quả kinh doanh theo kế toán quản trị:

Doanh nghiệp chỉ tiến hành xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ của toàn bộ doanh nghiệp mà chưa xác định được kết quả kinh doanh theo từng nhóm hàng.

Các báo cáo kết quả kinh doanh của công ty chưa có sự phân tích, so sánh giữa các thời kỳ, giữa các hoạt động và giữa các sản phẩm tiêu thụ với nhau. Đặc biệt hệ thống chỉ tiêu phân tích kết quả kinh doanh chưa được sử dụng để phân tích hệ thống báo cáo kết quả kinh doanh vì vậy không xác định được bản chất và nguyên nhân của những biến động tăng giảm kết quả kinh doanh trong kỳ tại doanh nghiệp, làm giảm, hạn chế tính chính xác và hiệu quả của các quyết định quản lý của ban lãnh đạo công ty.

Hạn chế khác

Tại công ty chưa việc vận dụng phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận trong việc ra quyết định trong kinh doanh (phân tích mối qua hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận là công cụ quan trọng trong quản trị doanh nghiệp, căn cứ vào việc phân tích mối quan hệ này nhà quản trị có thể lựa chọn các phương án kết hợp sự thay đổi của các nhân tố một cách hợp lý nhằm gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, cơ sở để vận dụng mối quan hệ giữa chi phí khối lượng lợi nhuận là dựa trên cách phân loại chi phí thành biến phí và định phí. Tuy nhiên như trên đã trình bày doanh nghiệp không phân loại được chi phí thành biến phí và định phí nên việc phân tích mối quan hệ này chưa được công ty vận dụng đầy đủ).

2.4.3. Nguyên nhân của những tồn tại trên.

Nguyên nhân chủ quan:

Nguyên nhất trước hết là ban lãnh đạo công ty, chưa có đủ kiến thức chuyên môn và sự hiểu biết về kế toán quản trị do vậy còn xem nhẹ vai trò của kế toán quản trị đối với công tác quản lý điều hành và ra quyết định kinh doanh

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ và sự hiểu biết về kế toán quản trị của kế toán viên trong công ty còn hạn chế chưa đủ khả năng tư vấn và thuyết phục ban lãnh đạo công ty, việc triển khai và thực hiện kế toán quản trị trong công ty gặp nhiều khó khăn mang tính hình thức mà chưa thực sự hiệu quả

Nguyên nhân khách quan

Hệ thống pháp luật về kế toán quản trị chưa đồng bộ, chưa mang tính cập nhật thực tiễn, tài liệu và văn bản hướng dẫn về kế toán quản trị còn hạn chế, chưa được phổ biến sâu rộng. Các chuyên gia giỏi trong lĩnh vực kế toán quản trị còn thiếu. Vai trò của kế toán quản trị chưa thực sự được quan tâm và phát huy trong thực tiễn hoạt động kinh doanh đôi lúc còn bị đánh đồng với kế toán tài chính, hoặc có thể tách riêng biệt được nhưng lại bị coi nhẹ so với kế toán tài chính khá nhiều do tập quán lãnh đạo quản lý của các nhà quản trị mang nặng tính kinh nghiệm, phán đoán dựa vào bản thân xa rời thực tế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Dựa trên nền tảng cơ sở lý luận của chương 1, tác giả đã trình bày được thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn dưới 2 góc độ: kế toán tài chính và kế toán quản trị. Từ đó đi sâu phân tích thực trạng làm rõ nguyên nhân, những ưu điểm và hạn chế của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị, làm cơ sở đưa ra các giải pháp, góp phần hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn.

Chương 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN

3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN TRONG TƯƠNG LAI.

Định hướng chung: tiếp tục xây dựng và phát triển công ty TNHH Ngọc Sơn trở thành đơn vị kinh doanh, cung cấp vật liệu xây dựng và thiết bị nội thất uy tín, chất lượng, phục vụ nhu cầu xây dựng của dân cư và các nhà thầu xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và các tỉnh lân cận. Xây dựng hình ảnh, thương hiệu dựa trên ba tiêu chí là: chất lượng sản phẩm, giá cả, và tinh thần phục vụ phần đầu tới năm 2020 đưa công ty TNHH Ngọc Sơn về cơ bản trở thành một trong những nhà cung cấp vật liệu xây dựng và thiết bị nội thất lớn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Cụ thể:

Về con người: Xây dựng đội ngũ lãnh đạo, bản lĩnh, chuyên nghiệp, có tầm nhìn chiến lược, khả năng phán đoán trong kinh doanh, để đưa ra được các quyết định quản lý sáng suốt góp phần xây dựng và phát triển công ty không ngừng lớn mạnh.

Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng cho đội ngũ nhân viên, xây dựng văn hóa doanh nghiệp thân thiện và gần gũi, tạo điều kiện cơ sở vật chất và chính sách đãi ngộ nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm và hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.

Về tài chính: Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.

Về sản phẩm: tập trung cung cấp vật liệu xây dựng và thiết bị nội thất chất có lượng cao và giá cả hợp lý.

Về thị phần: Không ngừng mở rộng quy mô kinh doanh tìm kiếm bạn hàng trên địa bàn tỉnh và mở rộng sang các tỉnh lân cận, gia tăng thị phần và sức ảnh hưởng trên thị trường cung cấp vật liệu xây dựng và thiết bị nội thất.

3.2. YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN.

Yêu cầu hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Ngọc Sơn.

Thứ nhất: yêu cầu phù hợp

Hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh phải phù hợp với luật, chuẩn mực, chế độ và các văn bản hướng dẫn về kế toán do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Bên cạnh đó việc hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải bảo đảm phù hợp với đặc

điểm hoạt động kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty. Luật, chuẩn mực, chế độ kế toán và các văn bản hướng dẫn về kế toán ban hành, áp dụng đối với tất cả các doanh nghiệp trong nền kinh tế, tuy nhiên mỗi ngành, mỗi doanh nghiệp lại có những đặc điểm hoạt động kinh doanh và quản lý riêng, do đó việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải tính đến đặc thù của từng ngành nghề lĩnh vực kinh doanh và đặc điểm quản lý của mỗi doanh nghiệp

Thứ hai: Yêu cầu thống nhất

Việc hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng và hoàn thiện hệ thống kế toán của doanh nghiệp nói chung phải đảm bảo sự thống nhất từ khâu chỉ đạo quản lý đến khâu thực hiện. Để tạo được sự thống nhất này, trước hết công tác kế toán cần có sự thống nhất về nhiều mặt từ việc hạch toán ban đầu, cách vận dụng hệ thống tài khoản, cho đến việc tổ chức luân chuyển chứng từ, cách vận dụng hình thức ghi sổ kế toán... Ngoài ra, yêu cầu này cũng đòi hỏi giữa bộ phận kế toán với các đơn vị có liên quan của doanh nghiệp phải luôn có mối quan hệ chặt chẽ, tương tác lẫn nhau, thống nhất trong việc thực hiện, tính toán, kiểm tra đồng bộ các phương pháp hạch toán hàng tồn kho, trích khấu hao TSCĐ, tính giá vốn hàng bán, hạch toán các loại thuế...

Thứ ba: Yêu cầu tiết kiệm, hiệu quả

Việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp phải đảm bảo thực hiện một cách tiết kiệm, giảm sự chồng chéo và sai sót trong công việc, hạn chế sự thay đổi trong công tác kế toán cũng như quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Ngọc Sơn.

Tuân thủ các quy định trong hệ thống chính sách pháp luật về kế toán: luật, chuẩn mực, chế độ, và các văn bản hướng dẫn về kế toán. Đảm bảo nâng cao chất lượng công việc kế toán, hỗ trợ các nhà quản lý trong doanh nghiệp hướng tới mục tiêu cuối cùng là lợi nhuận.

Phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với yêu cầu quản lý doanh nghiệp.

Phù hợp với hình thức ghi sổ, các phương pháp kế toán đã áp dụng tại doanh nghiệp, cụ thể như: những quy định về ghi chép, luân chuyển, lưu trữ chứng từ, cách ghi sổ kế toán...

Phù hợp với trình độ, năng lực chuyên môn của các nhân viên, cán bộ kế toán trong doanh nghiệp, tận dụng tối đa cơ sở vật chất kỹ thuật tại doanh nghiệp và đặc biệt là khả năng áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kế toán cho doanh nghiệp trong điều kiện khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển như hiện nay.

3.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN.

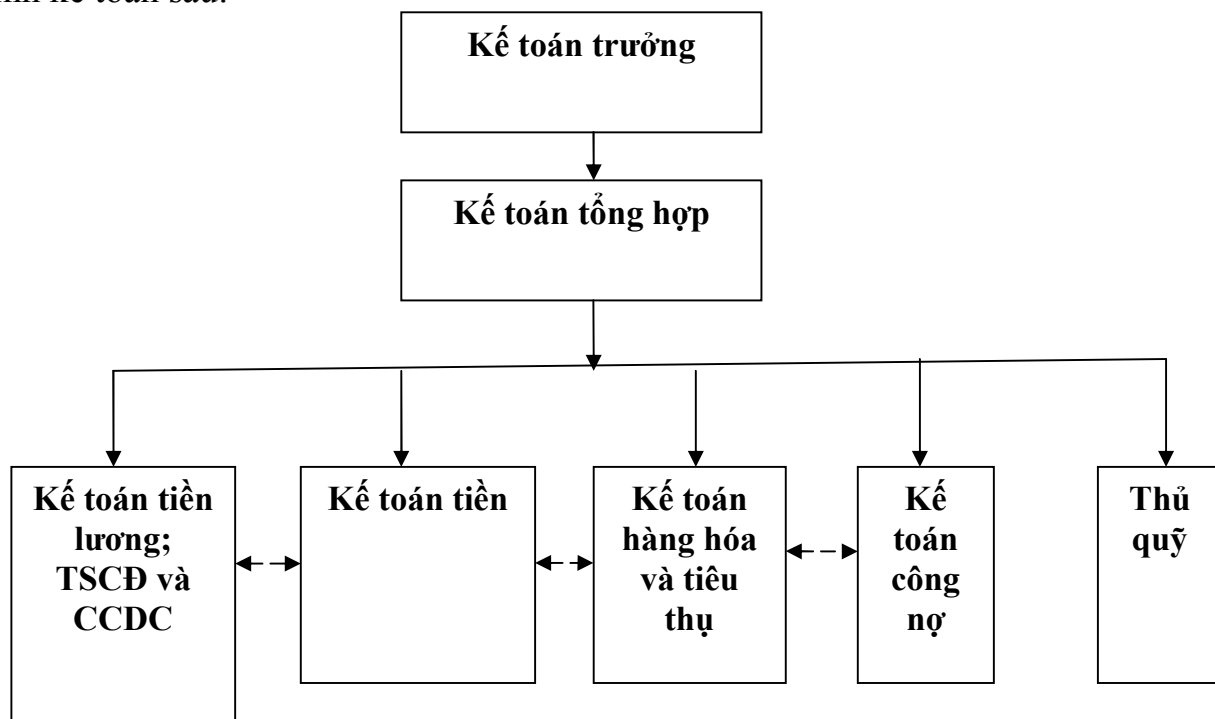
3.3.1. Giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn dưới góc độ kế toán tài chính.

Về hình thức và chế độ kế toán áp dụng

Với quy mô kinh doanh và trình độ chuyên môn nghiệp vụ như hiện nay thì công ty nên duy trì hình thức kế toán và chế độ kế toán đang áp dụng, tuy vậy cần xây dựng theo quy trình kiểm soát và kiểm tra nội bộ chặt chẽ hơn để hạn chế nhược điểm của hình thức kế toán mà công ty đang áp dụng. Ví dụ nên xây dựng quy trình kiểm soát chứng từ, sổ sách báo cáo kế toán một cách chặt chẽ hơn bằng việc tách rời vai trò kế toán tổng hợp và kế toán trưởng, để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra giám sát.

Về tổ chức bộ máy kế toán

Cần tách biệt rõ vai trò của kế toán tổng hợp và kế toán trưởng, công ty nên bố trí sắp xếp riêng một nhân viên kế toán phụ trách về kế toán tổng hợp và các phân hành kế toán chưa có người đảm nhận, nhằm giảm khối lượng công việc cho kế toán trưởng đồng thời phát huy tối đa vai trò kiểm tra giám sát của kế toán trưởng giúp hạn chế gian lận và sai sót trong công tác kế toán, bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời phục vụ yêu cầu quản lý. Công ty có thể tham khảo mô hình kế toán sau:



Sơ đồ: 3.1: Tổ chức bộ máy kế toán mẫu cho công ty TNHH Ngọc Sơn

Về hệ thống chứng từ kế toán

Cần quản lý chặt chẽ và tuân thủ quy định của pháp luật về kế toán về hóa đơn chứng từ đối với hoạt động bán lẻ đặc biệt đối với hoạt động bán lẻ khách hàng không có nhu cầu lấy hóa đơn, cần bảo quản cẩn thận đơn hàng bán tránh tình trạng mất mát, đến cuối ngày phải tập hợp lại và xuất hóa đơn cho toàn bộ số đơn hàng bán đó, tránh tình trạng gom đơn hàng bán phục vụ mục đích bán hóa đơn cho các đơn vị có nhu cầu, đây là việc làm vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu tới uy tín và thương hiệu của công ty đối với khách hàng và các đối tác kinh doanh.

Tại công ty TNHH Ngọc Sơn một số chứng từ ban đầu như: phiếu nhập kho, phiếu xuất kho... nhiều khi chưa được ghi chép cẩn thận và ký nhận đầy đủ. Việc lập chứng từ ban đầu rất quan trọng, liên quan tới việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau này. Vì vậy phòng kế toán nên có các biện pháp quản lý và kiểm tra chặt chẽ việc ghi chép các chứng từ kế toán ban đầu theo đúng quy định và đầy đủ nội dung để tạo điều kiện thuận lợi cho công việc hạch toán sau này. Các chứng từ ban đầu phải được kiểm tra sát sao về nội dung, tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ. Mặt khác chứng từ phải được lưu trữ một cách cẩn thận và khoa học tạo điều kiện thuận lợi cho việc đối chiếu số liệu sau này khi có sai sót xảy ra. Dưới đây là một số kiến nghị cụ thể:

Đối với chứng từ doanh thu: trường hợp các hợp đồng chia nhiều kỳ thì sau khi phát hành hóa đơn cần phải photo một bản hợp đồng đính kèm làm cơ sở để kiểm tra đối chiếu.

Đối với chứng từ chi phí : khi một nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới hai hoặc nhiều bộ phận kế toán thì chứng từ gốc được lưu giữ tại bộ phận kế toán có nghiệp vụ kinh tế phát sinh xảy ra trước, bộ phận phát sinh sau lưu bản photo, trong trường hợp không xác định được nghiệp vụ xảy ra trước ở đâu thì căn cứ vào giá trị của chi phí, bộ phận nào có giá trị chi phí lớn hơn thì lưu bản chính các bộ phận có giá trị chi phí nhỏ hơn chỉ lưu bản photo.

Về hệ thống tài khoản sử dụng

Hệ thống tài khoản chi tiết nói chung của doanh nghiệp và hệ thống tài khoản chi tiết về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên được mã hóa theo các con số để đảm bảo tính khoa học và hệ thống trong công tác kế toán tránh được những nhầm lẫn và sai sót trong quá trình hạch toán ví dụ: nhóm tài khoản doanh thu và chi phí nên được xây dựng như sau TK XXX.X.XX.XX.XXX với 3 số ban đầu là mã tài khoản cấp 1, 1 số tiếp theo là mã tài khoản cấp 2. 2 số tiếp theo XX là loại mặt hàng ví dụ 01 là sắt thép, 2 số tiếp theo XX là mã nhà sản xuất ví dụ 01 là Kyoei, 3 số tiếp theo XXX là chi tiết về sản phẩm ví dụ 001 là phi 6....

Một số mặt hàng có doanh thu và giá vốn thấp kế toán công ty vẫn nên theo dõi chi tiết doanh thu và chi phí theo từng mặt hàng, phản ánh vào tài khoản chi tiết của từng mặt hàng, tạo điều kiện thuận lợi nâng cao chất lượng thông tin kế toán cung cấp phục vụ yêu cầu quản trị công ty.

Về hệ thống sổ kế toán và báo cáo tài chính

Hệ thống sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp phải được xây dựng thống nhất với hệ thống tài khoản kế toán chi tiết và tài khoản kế toán tổng hợp sau khi đã được mã hóa bởi hệ thống các con số thay vì ký hiệu bằng chữ, số, và các ký tự đặc biệt như hiện nay

Cần nâng cao chất lượng kiểm tra, kiểm soát hệ thống sổ kế toán, thay vì việc kiểm tra, kiểm soát hệ thống sổ do một mình kế toán trưởng đảm nhận như hiện nay thì nên kế toán tổng hợp nên kiểm tra, kiểm soát trước sau đó kế toán trưởng mới tiến hành kiểm tra đối chiếu, nhằm nâng cao chất lượng thông tin kế toán trên sổ sách kế toán.

Về kế toán doanh thu

Đối với các nghiệp vụ bán hàng có kèm dịch vụ vận chuyển bốc dỡ kế toán cần ghi chép và phản ánh riêng doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và doanh thu vận chuyển bốc dỡ vào tài khoản 511.3.XX.XX.XXX để phản ánh đúng bản chất của giao dịch tăng tính chính xác cho số liệu kế toán.

Cụ thể:

Doanh thu bán hàng hạch toán

Nợ TK liên quan (111,112,131...): tổng giá thanh toán

Có TK 5111.XX.XX.XXX: Doanh thu bán hàng hóa

Có TK 3331: Thuế GTGT

Doanh thu vận chuyển hạch toán

Nợ TK liên quan (111,112,131...): tổng giá thanh toán

Có TK 5113.XX.XX.XXX: Doanh thu vận chuyển

Có TK 3331: Thuế GTGT

Đối với các mặt hàng có doanh thu thấp kế toán nên theo dõi riêng không nên gộp chung vào một tài khoản như hiện tại tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi phản ánh phân tích thông tin về doanh thu phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp

Về kế toán chi phí

Để khắc phục hạn chế về tính kịp thời trong việc cung cấp thông tin hạch toán về chi phí do phương pháp tính giá hàng tồn kho mà doanh nghiệp đang áp dụng gây ra. Doanh nghiệp cần chủ động theo dõi thông tin về hàng tồn kho một cách chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác trong quá trình nhập liệu vào phần mềm và tăng cường sự phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau của các nhân viên kế toán tạo điều kiện cho công tác tính giá hàng tồn kho tại thời điểm cuối kỳ diễn ra nhanh chóng và chính xác.

Cũng tương tự như phần hành kế toán doanh thu đối với các sản phẩm doanh thu phát sinh thấp doanh nghiệp nên hạch toán riêng giá vốn hàng bán theo từng mặt hàng thay vì gộp chung thành 1 mã 632KHAC như hiện nay nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi, phản ánh và phân tích thông tin về chi phí phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp

Do đặc tính của mặt hàng mà doanh nghiệp đang kinh doanh: đối với vật liệu xây dựng thông thường vòng quay hàng tồn kho lớn, giá cả thường có xu hướng tăng trong tương lai vì vậy việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với nhóm mặt hàng này là không cần thiết tuy vậy đối với nhóm thiết bị nội thất với đặc điểm: mẫu mã và công nghệ sản xuất của nhà cung cấp thường xuyên thay đổi vì vậy thế hệ sản phẩm sau thường đẹp, hiện đại và được cải tiến nhiều so với thế hệ trước, ngay lập tức sẽ trở thành nguyên nhân gây đến sự sụt giảm giá trị của các mặt hàng thuộc thế hệ trước. Vì vậy đối với nhóm mặt hàng này công ty TNHH Ngọc Sơn cần phải có biện pháp nhằm hạn chế thiệt hại do sự biến động về giá gây nên bằng cách tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định của pháp luật về kế toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập báo cáo tài chính, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải tính theo từng loại vật tư, hàng hóa sản phẩm tồn kho. Khi lập báo cáo tài chính căn cứ vào số lượng, giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của từng loại vật tư, hàng hóa để xác định khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập

Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2294).

Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2294)

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (số được bù đắp bằng dự phòng)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có các TK 152, 153, 155, 156.

Ví dụ: Ngày 31/12 Bệt BL5 (Nano - PK 2N nắp rời êm) tồn kho 15 bộ giá gốc 1.752.740 đồng/1 bộ, giá trị thuần có thể thực hiện được là 1.650.000 đồng/ 1 bộ. kế toán phải tiến hành trích khấu hao như sau:

$$\begin{aligned} & \text{Số khấu hao cần trích lập kỳ này} \\ & = 15 * (1.752.740 - 1.650.000) = 1.541.100 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Số khấu hao còn lại cuối kỳ là: 0 do doanh nghiệp không tiến hành trích khấu hao

Vậy số khấu hao cần trích lập thêm kỳ này là 1.541.100 đồng

Kế toán tiến hành hạch toán

Nợ TK	632	1.541.100
Có TK	2294	1.541.100

3.3.2. Giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn dưới góc độ kế toán quản trị.

Về tổ chức bộ máy kế toán

Do quy mô doanh nghiệp nhỏ, trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán còn nhiều hạn chế, để tiết kiệm chi phí công ty nên tổ chức bộ máy kế toán kết hợp giữa kế toán tài chính với kế toán quản trị. Tuy vậy cần có sự phân công nhiệm vụ chi tiết, rõ ràng và cụ thể đối với từng nhân viên kế toán: từng bộ phận trong bộ máy kế toán phải thực hiện những nội dung công việc kế toán tương ứng với từng phần hành kế toán nói chung, trong đó bao gồm những công việc của kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Về kế toán doanh thu

Kế toán tại công ty cần xây dựng dự toán doanh thu của tất cả các mặt hàng mà Công ty đang kinh doanh dựa trên tình hình tiêu thụ của các kỳ trước, các nhân tố và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới doanh thu tiêu thụ trong kỳ này để đưa ra con số dự toán về doanh thu trong kỳ. Việc xây dựng dự toán tiêu thụ phải đảm bảo chi tiết và đơn vị có khả năng thực hiện được. Cuối kỳ kế toán cần xác định doanh thu thực hiện và tiến hành đánh giá kết quả thực hiện doanh thu so với dự toán ban đầu để thấy được mức độ hoàn thành kế hoạch và chỉ ra những nguyên nhân ảnh hưởng tới việc thực hiện kế hoạch.

Báo cáo phân tích doanh thu tại Công ty TNHH Ngọc Sơn có thể lập theo

Bảng 3.1 Báo cáo phân tích doanh thu**BÁO CÁO PHÂN TÍCH DOANH THU**

THÁNG 06/2017

ĐVT: ĐỒNG

ST T	MẶT HÀNG	MÃ HÀNG	DOANH THU DỰ TOÁN		DOANH THU THỰC HIỆN		SO SÁNH		GIẢI THÍCH
			TRỊ GIÁ	TỶ LỆ	TRỊ GIÁ	TỶ LỆ	CL	%	
1	2	3	4	5	6	7	8=6-4	9=8/4*100	10
1	Xi măng Duyên Hà PC 30	XMD HPC30			354.125.000	9,13			
...			
11	Thép cuộn Kyoei Φ 6	THEP Kyoei TCΦ6			826.375.000	21,30			
...			
14	Thép gân Kyoei Φ 10	THEP Kyoei TGΦ1 0			165.241.000	4,26			
...			
...			
...			
...			
TỔNG					3.880.000.000	100,00			

Ngoài ra kế toán của công ty cần phải xây dựng hệ thống báo cáo quản trị về doanh thu bao gồm: báo cáo doanh thu theo nhóm mặt hàng, báo cáo doanh thu theo phương thức bán,... Và sử dụng các chỉ số tài chính phân tích doanh

thu để thấy được nguyên nhân và bản chất của sự biến động doanh thu trong kỳ từ đó có các quyết định quản lý phù hợp.

Về kế toán chi phí

Công ty cần tiến hành hoàn thiện về công tác phân loại chi phí: hiện nay công ty đang phân loại chi phí theo nội dung và công dụng kinh tế của chi phí (theo chế độ quy định để trình bày trên báo cáo tài chính) mà không phân loại chi phí theo quan điểm của kế toán quản trị. Khiến cho nhà quản trị gặp khó khăn trong việc ra quyết định kinh tế

Để có được thông tin là cơ sở tổng hợp, lập các báo cáo sử dụng cho hoạt động quản trị đòi hỏi công ty phải phân biệt rõ ràng và nhận diện được cách phân loại chi phí. Trên mỗi góc độ nhà quản trị cần có thông tin khác nhau về chi phí sản xuất kinh doanh. Việc đa dạng hóa phân loại chi phí sản xuất kinh doanh trong công ty là cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu của kế toán chi phí phục vụ nhà quản trị doanh nghiệp

Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí: để đáp ứng yêu cầu lập kế hoạch, kiểm soát và chủ động điều tiết chi phí cho phù hợp với yêu cầu của nhà quản trị cần phải tiến hành phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí. Nếu nhà quản trị muốn có thông tin tối ưu để đưa ra quyết định sáng suốt trong quá trình sản xuất kinh doanh. Theo cách phân loại này toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh được chia thành biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp. Phần chênh lệch giữa doanh thu và biến phí được gọi là lãi trên biến phí (số dư đảm phí). Bằng cách phân loại này cho nhà quản trị thấy được định phí là một đại lượng tương đối ổn định do đó muốn tối đa hóa lợi nhuận cần tối đa hóa lãi trên biến phí, đây là cơ sở quan trọng cho việc xem xét và đưa ra các quyết định liên quan đến chi phí – khối lượng – lợi nhuận và giá cả. Mặt khác theo cách phân loại chi phí này nhà quản trị có thể xác định được độ lớn đòn bẩy kinh doanh, doanh nghiệp nào có kết cấu chi phí với định phí cao sẽ có nhiều cơ hội đem lại lợi nhuận cao nhưng đồng thời đi liền với rủi ro kinh doanh lớn. Với đòn bẩy kinh doanh lớn, công ty có thể đạt được tỷ lệ cao hơn về lợi nhuận so với một tỷ lệ tăng thấp hơn nhiều về doanh thu. Do đó công ty cần thiết kế một kết cấu chi phí phù hợp với chiến lược phát triển của doanh nghiệp và thái độ của nhà quản trị về rủi ro kinh doanh.

Từ phân tích trên ta có thể phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí theo bảng phân loại sau:

Bảng 3.2: Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí

ST T	Khoản mục chi phí	TK	Biến phí	Định phí	Chi phí hỗn hợp	Ghi chú
1	Gía vốn hàng bán	632	x			
2	Chi phí bán hàng	641			x	
	Chi phí nhân viên bán hàng	6411		x		
	Chi phí vật liệu bao bì	6412			x	
	Chi phí dụng cụ đồ dung	6413		x		
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	6414		x		
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	6417			x	
	Chi phí bằng tiền khác	6418		x		
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	642			x	
	Chi phí nhân viên quản lý	6421		x		
	Chi phí vật liệu quản lý'	6422		x		
	Chi phí đồ dùng văn phòng	6423		x		
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	6424		x		
	Thuế phí, lệ phí	6425			x	
	Chi phí dự phòng	6426		x		
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	6427			x	
	Chi phí bằng tiền khác	6428		x		

Từ cách phân loại chi phí trên, công ty sẽ xây dựng báo cáo chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp theo từng yếu tố cấu thành chi phí, chia thành biến phí, định phí. Từ đó kế toán quản trị doanh nghiệp sẽ thiết lập được sổ chi tiết kết quả bán hàng của từng loại hàng hóa và của tất cả các mặt hàng. Như vậy nếu trong thời gian ngắn hạn, để đầu tư mang lại lợi ích cao nhất, công ty có thể đầu tư cho mặt hàng có lãi trên biến phí là cao nhất

Cũng từ cách phân loại này công ty sẽ xác định được đòn bẩy kinh doanh của mỗi mặt hàng

$DB = \text{Lãi trên biến phí} / \text{Lợi nhuận}$

VỀ KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngoài việc tiến hành xác định kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp, Công ty TNHH Ngọc Sơn nên tiến hành hoạt động xác định kết quả kinh doanh của từng loại sản phẩm hàng hóa. Để tiến hành xác định được kết quả kinh doanh của từng loại hàng hóa trước tiên doanh nghiệp cần phải lựa chọn được tiêu thức phù hợp để phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng

mặt hàng. Doanh nghiệp có thể sử dụng chỉ tiêu doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng làm tiêu thức để phân bổ các khoản chi phí chung này

$$\text{Chi phí phân bổ cho hàng hóa } i = \frac{\text{Doanh thu của hàng hóa } i}{\text{Doanh thu của toàn doanh nghiệp}} * \text{Tổng chi phí cần phân bổ}$$

Sau đó xác định kết quả kinh doanh hàng hóa i theo công thức sau:

$$\text{Lợi nhuận hàng hóa } i \text{ mang lại} = \text{Doanh thu bán hàng hóa } i \text{ trong kỳ} - \text{Giá vốn hàng hóa } i - \text{Chi phí bán hàng phân bổ cho } i - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho } i$$

Ví dụ để xác định kết quả kinh doanh cho thép cuộn Kyoei Φ 6 ta làm như sau:

Doanh thu trong kỳ của thép cuộn Kyoei Φ 6	826.375.000
Doanh thu thuần của thép cuộn Kyoei Φ 6	824.139.120
Giá vốn	791.173.555

$$\begin{aligned} \text{Chi phí bán hàng phân bổ cho thép cuộn Kyoei } \Phi 6 &= \frac{826.375.000}{3.880.000.000} * 135.491.889 = 28.857.502 \\ \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho thép cuộn Kyoei } \Phi 6 &= \frac{69.126.833}{3.880.000.000} * 135.491.889 = 2.413.950 \end{aligned}$$

Ta tính được kết quả kinh doanh cho thép cuộn Kyoei Φ 6 như sau:

Kết quả kinh doanh trước thuế của thép cuộn Kyoei Φ 6 = 1.694.112,51
Phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận để ra quyết định kinh doanh

Việc phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận giúp doanh nghiệp đưa ra được các quyết định trong sản xuất, kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận như: lựa chọn sản phẩm bán và số lượng hàng bán, giá bán, định mức chi phí.

Thông qua phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, doanh nghiệp có thể xác định điểm hòa vốn để đưa ra quyết định kinh doanh hiệu quả chính xác

Điểm hòa vốn có thể xác định thông qua chỉ tiêu số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ hoặc doanh thu tiêu thụ bằng phương trình hòa vốn

Theo phương pháp tính trực tiếp lợi nhuận của doanh nghiệp được xác định như sau:

$$\text{Lợi nhuận} = \text{Doanh thu} - \text{Tổng biến phí} - \text{Tổng định phí}$$

Tại điểm hòa vốn doanh nghiệp không có lãi và lỗ cho nên:

$$\text{Doanh thu} - \text{Tổng biến phí} = 0$$

Từ biểu thức hòa vốn ta có thể tính số lượng sản phẩm tiêu thụ hòa vốn và doanh thu hòa vốn

$$\text{Sản lượng hòa vốn} = \frac{\text{Định phí}}{\text{Đơn giá bán} - \text{Biến phí đơn vị}}$$

$$\text{Doanh thu hòa vốn} = \text{Sản lượng hòa vốn} \times \text{Đơn giá bán}$$

Công ty TNHH Ngọc Sơn là đơn vị kinh doanh nhiều mặt hàng khác nhau nên định phí khó có thể tính riêng cho từng loại hàng hóa. Vì vậy để xác định được doanh thu và sản lượng hòa vốn thì công ty có thể thực hiện như sau:

Đầu tiên phải xác định tỷ lệ kết cấu của các mặt hàng tiêu thụ. Tỷ lệ này là tỷ lệ phần trăm của các mặt hàng trong tổng số các mặt hàng tiêu thụ. Tỷ lệ này có thể xác định dựa vào số lượng hiện vật các đơn vị mặt hàng hoặc dựa vào doanh thu. Tuy nhiên đối với các mặt hàng không tương đồng về chất lượng và quy cách như của công ty thì nên lựa chọn tiêu thức là doanh thu. Khi đó tỷ lệ kết cấu doanh thu được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ kết cấu doanh thu của từng mặt hàng} = \frac{\text{Doanh thu của từng mặt hàng}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 100\%$$

Tiếp theo cần xác định tỷ suất lãi trên biến phí bình quân các mặt hàng:

$$\text{Tỷ suất lãi trên biến phí bình quân các mặt hàng} = \frac{\text{Tổng lãi trên biến phí}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 100\%$$

Sau đó sẽ tính toán doanh thu hòa vốn chung

$$\text{Doanh thu hòa vốn chung} = \frac{\text{Tổng định phí}}{\text{Tỷ suất lãi trên biến phí bình quân các mặt hàng}}$$

Cuối cùng là xác định doanh thu hòa vốn và sản lượng hòa vốn cho các mặt hàng

$$\text{Doanh thu hòa vốn từng mặt hàng} = \text{Doanh thu hòa vốn chung} \times \text{Tỷ lệ kết cấu doanh thu của từng mặt hàng}$$

$$\text{Sản lượng hòa vốn từng mặt hàng} = \frac{\text{Doanh thu hòa vốn từng mặt hàng}}{\text{Giá bán từng mặt hàng}}$$

3.4. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC SƠN.

3.4.1. Về phía nhà nước và các cơ quan chức năng.

Cơ quan quản lý nhà nước phải tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản về luật, chuẩn mực, chế độ và các thông tư nghị định hướng dẫn đồng bộ, kịp thời và bao quát về kế toán, mang tính chiến lược lâu dài, đề hướng dẫn và quản lý công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Khi nghiên cứu và đưa vào thực thi các chính sách, chế độ kế toán thì phải đưa ra các chính sách dài hơi, mang tính chất bao quát hết các nghiệp vụ kinh tế tài chính, tránh tình trạng thay đổi liên tục dẫn đến doanh nghiệp chưa kịp thích nghi với quy định cũ đã phải đào tạo cập nhật quy định mới gây tốn kém chi phí và lúng túng cho các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

Tính đến nay Bộ Tài Chính đã nghiên cứu và ban hành 26 chuẩn mực kế toán. Trong thời gian tới, Bộ Tài Chính cần tiếp tục soạn thảo hoàn chỉnh hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam trên cơ sở tham khảo chuẩn mực kế toán quốc tế, kinh nghiệm của các nước khác và tiếp thu ý kiến rộng rãi của các chuyên gia kế toán trong và ngoài nước.

Nhà nước cần tiếp tục cải cách, hoàn thiện và phát triển các tổ chức nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Khuyến khích phát triển và tăng cường các hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính kế toán. Tạo môi trường thuận lợi cho cán bộ kế toán trao đổi nghề nghiệp, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời là cầu nối để kế toán Việt Nam dần hội nhập với khu vực và thế giới. Đối với đội ngũ kế toán viên hiện tại nhà nước cần bổ sung kiến thức cho đội ngũ này thông qua nhiều hình thức như: đào tạo ngắn hạn, tổ chức các lớp học bồi dưỡng, phổ biến các nội dung kế toán mới. Đồng thời nhà nước cần định hướng cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp đưa những nội dung giảng dạy cần thiết gắn liền giữa lý luận và thực tiễn để đào tạo ra nguồn nhân lực tốt cung cấp cho các doanh nghiệp

3.4.2. Về phía công ty .

Công ty cần nhận thức hơn nữa vai trò của hệ thống thông tin kế toán trong quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc biệt là hệ thống về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Bộ máy kế toán cần được hoàn thiện tương xứng bằng việc đầu tư tuyển dụng các nhân viên có trình độ chuyên môn, bố trí sắp xếp công việc hợp lý phù hợp theo mô hình tổ chức kinh doanh của công ty mình, tổ chức đào tạo tập huấn về chế độ kế toán, bồi dưỡng kiến thức về kế toán tài chính, về sử dụng máy vi tính, về chuẩn mực đạo đức hành nghề cho cán bộ kế toán để nâng cao hiệu quả kế toán nói chung và kế

toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, kết hợp bộ phận kế toán tài chính và kế toán quản trị trong cùng một bộ máy kế toán. Trên cơ sở đó, bộ phận kế toán quản trị sử dụng nguồn thông tin đầu vào chủ yếu từ kế toán tài chính để thu thập, xử lý và lượng hóa thông tin theo chức năng riêng của mình. Bên cạnh đó để công ty luôn giữ vững được thị phần nhằm phát triển bền vững công ty cần:

Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật như hệ thống máy tính hiện đại, nâng cấp phần mềm kế toán cho đơn vị mình, ứng dụng cho mọi công nghệ tiên tiến nhất để nâng cao hiệu quả công việc.

Cần chú trọng tới việc bồi dưỡng nhân lực, tuyển chọn và đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ, có khả năng xử lý công việc nhanh và hiệu quả. Nghiên cứu xây dựng và hòa thiện các chính sách, cơ chế lương thưởng của Công ty phù hợp, tạo điều kiện, môi trường làm việc tốt để khuyến khích cán bộ làm hiệu quả hơn và gắn kết lâu dài tránh tình trạng chảy máu chất xám. Khuyến khích người lao động mạnh dạn áp dụng, cải tiến sáng kiến trong công tác; Hoàn thiện đổi mới phong cách giao tiếp với khách hàng, thực hiện các quy tắc ứng xử và văn hóa doanh nghiệp đảm bảo hiệu quả kinh doanh của đơn vị gắn kết với lợi ích của khách hàng, nhân viên và lợi ích chung của toàn xã hội.

Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nói chung và bộ máy kế toán chặt chẽ, chuyên môn hóa cao hơn. Hiện nay, kế toán quản trị tại công ty vẫn chưa được quan tâm đúng mức do lãnh đạo công ty và toàn bộ nhân viên trong công ty thiếu sự hiểu biết và luôn xem nhẹ vai trò của kế toán quản trị. Do đó, cần tổ chức bộ máy kế toán theo hướng kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị vừa để tiết kiệm chi phí vừa có thể phát huy tối đa hiệu quả của kế toán quản trị, tuy nhiên trong mô hình kế toán kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị phải có sự phân công nhiệm vụ gắn với trách nhiệm một cách rõ ràng cho từng có nhân cụ thể tạo tính chủ động và nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện công việc của các nhân viên.

Quan tâm tới khách hàng bằng cách nâng cao chất lượng hàng hóa và chất lượng phục vụ, tư vấn và hỗ trợ cho khách hàng khi cần thiết, để có được niềm tin và sự trung thành của khách hàng. Tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Dựa trên cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở chương 1 và đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở chương 2, phương hướng phát triển của công ty trong những năm tới, chương 3 tác giả đã đưa ra một số giả đã đưa ra được một số giải pháp và điều kiện thực hiện giải pháp nhằm hoàn thiện công các kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Ngọc Sơn.

KẾT LUẬN

Thông tin về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò hết sức quan trọng trong hệ thống thông tin quản lý của doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cùng với thời gian tìm hiểu thực tế kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn em đã chọn đề tài: “Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn” làm đề tài khoá luận tốt nghiệp

Luận văn đã thực hiện được các nội dung sau:

Làm rõ cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị

Tìm hiểu, phân tích và đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty TNHH Ngọc Sơn từ đó đánh giá được ưu nhược điểm dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị. Tìm hiểu được nguyên nhân của những tồn tại đó.

Đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán và kế toán quản trị, các điều kiện để thực hiện các giải pháp đó xuất phát từ phía các cơ quan nhà nước và từ phía doanh nghiệp

Nhìn chung luận văn đã đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của mục tiêu đề ra. Tuy nhiên do thời gian và điều kiện nghiên cứu có hạn, nhận thức của tác giả còn một số hạn chế nhất định, vì vậy luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả mong nhận được những ý kiến đóng góp, sự chỉ dẫn của các thầy cô giáo, bạn bè, đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn thầy giáo TS. Nguyễn Mạnh Thiều, ban lãnh đạo cùng toàn thể các anh chị phòng kế toán công ty TNHH Ngọc Sơn đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành luận văn này

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

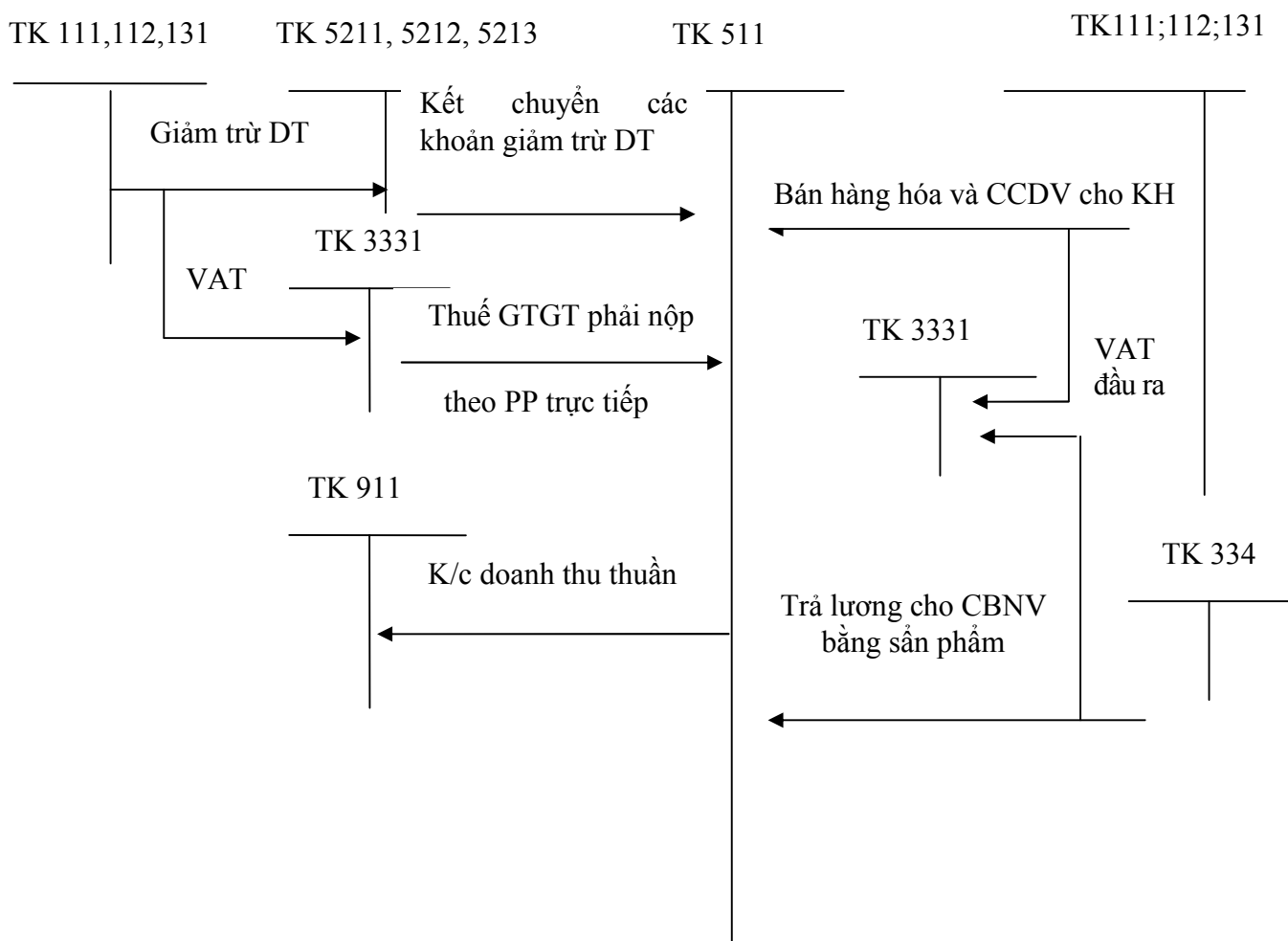
- | STT | TÀI LIỆU THAM KHẢO |
|-----|--|
| 1 | Bộ tài chính (2008), Nội dung và hướng dẫn 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam, nhà xuất bản Lao Động Xã Hội, Hà Nội |
| 2 | Bộ tài chính (2014), thông tư 200/2014/TT -BTC ban hành ngày 22/12/2014 về chế độ kế toán doanh nghiệp |
| 3 | GS.TS NGô Thế Chi và TS Trương Thị Thủy (2007), giáo trình kế toán tài chính, nhà xuất bản tài chính |
| 4 | GS.TS NGô Thế Chi và TS Trương Thị Thủy (2010), giáo trình chuẩn mực kế toán quốc tế |
| 5 | PGS.TS Võ Văn Nhị (2010), 261 sơ đồ kế toán doanh nghiệp, nhà xuất bản lao động |
| 6 | PGS.TS Võ Văn Nhị (2011), hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp, nhà xuất thống kê |
| 7 | PGS.TS Đoàn Xuân Tiên (2009), giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp, nhà xuất bản tài chính |
| 8 | Vũ Thị Huyền (2016), luận văn thạc sĩ: “Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Thương Mại Cầu Giấy” , Học Viện Tài Chính |
| 9 | Trần Thị Thanh Tâm (2016), luận văn thạc sĩ: “Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Xăng Dầu Nghệ An” , Học Viện Tài Chính |
| 10 | Lê Thị Dương (2016), luận văn thạc sĩ: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Dược Phẩm Bắc Ninh” , Học Viện Tài Chính |
| 11 | Chứng từ, sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn |

DANH MỤC PHỤ LỤC

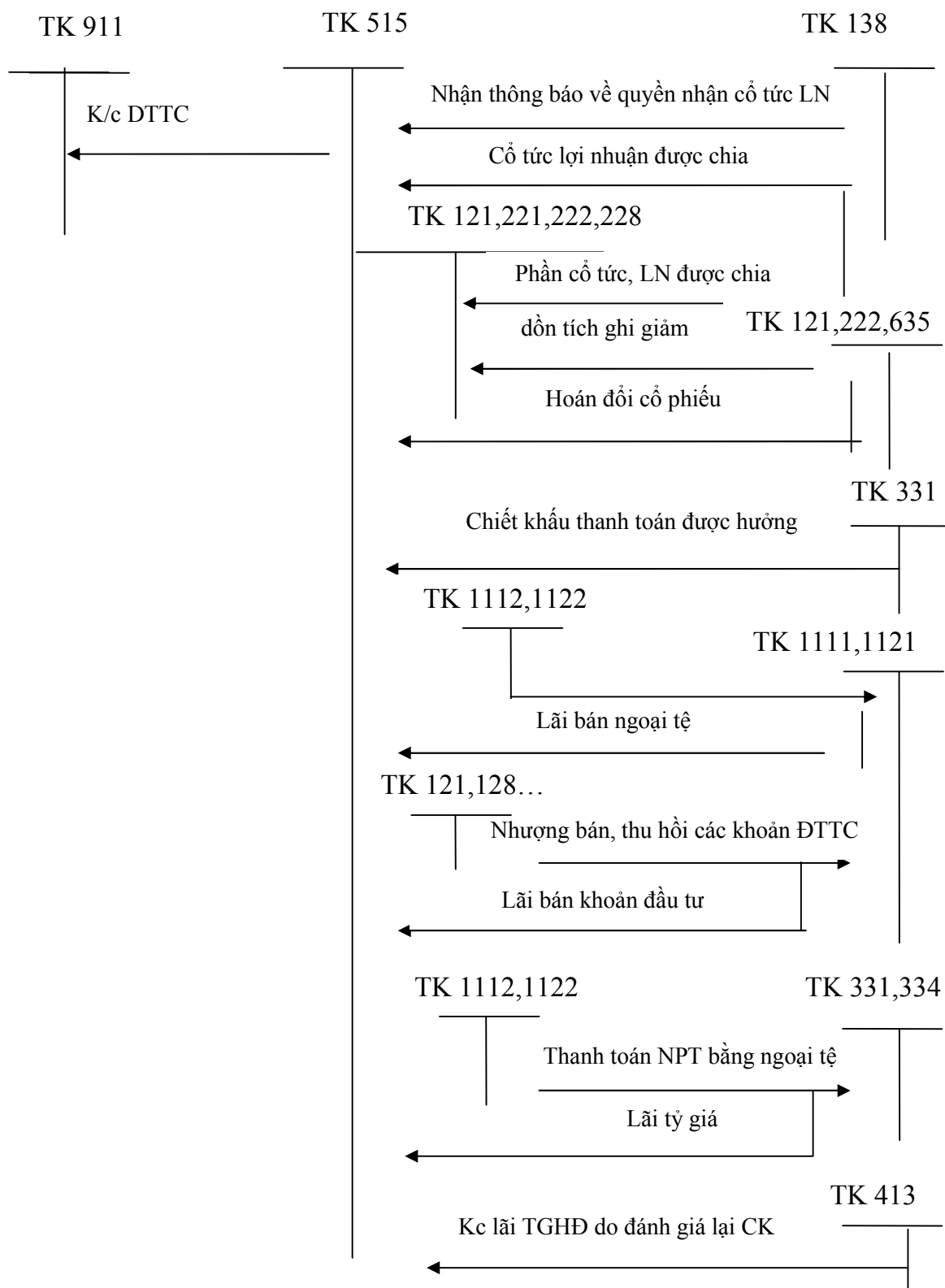
Phụ lục 1.1: sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu.....	89
Phụ lục 1.2: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	90
Phụ lục 1.3: sơ đồ kế toán thu nhập khác.....	91
Phụ lục 1.4: kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên..	92
Phụ lục 1.5: kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	93
Phụ lục 1.6: kế toán chi phí tài chính.....	94
Phụ lục 1.7: kế toán chi phí bán hàng.....	95
Phụ lục 1.8: kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.	96
Phụ lục 1.9: kế toán chi phí khác.....	97
Phụ lục 1.10: kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.	98
Phụ lục 1.11: kế toán xác định kết quả kinh doanh.	99
Phụ lục 2.1 Hóa đơn bán hàng số HĐ000662.....	100
Phụ lục 2.2. Sổ chi tiết Doanh thu bán hàng thép cuộn Kyoeyi Φ 6.....	101
Phụ lục 2.3. Sổ chi tiết chiết khấu thương mại thép cuộn Kyoeyi Φ 6.....	102
Phụ lục 2.4. Sổ nhật Ký chung.....	103
Phụ lục 2.5. Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng.....	110
Phụ lục 2.6. Sổ cái tài khoản 511.....	111
Phụ lục 2.7. Sổ cái tài khoản 521.....	113
Phụ lục 2.8. Sổ cái tài khoản 515.....	115
Phụ lục 2.9: Phiếu xuất kho số P XK050.....	116
Phụ lục 2.10: Sổ chi tiết tài khoản 632THEPKyoeyiTCΦ6.....	117
Phụ lục 2.11. Sổ cái tài khoản 632.....	118
Phụ lục 2.12: Sổ cái tài khoản 635.....	120
Phụ lục 2.13. Bảng tính và phân bổ tiền lương, các khoản trích theo lương.....	121
Phụ lục 2.14. Bảng tính và phân bổ khấu hao.....	122
Phụ lục 2.15. Sổ chi tiết tài khoản 6411.....	123
Phụ lục 2.16. Sổ cái tài khoản 641.....	124
Phụ lục 2.17. Sổ chi tiết tài khoản 6421.....	126
Phụ lục 2.18. Sổ cái tài khoản 642.....	127

Phụ lục 2.19. Sổ chi tiết tài khoản 821	129
Phụ lục 2.20. Sổ cái tài khoản 821	130
Phụ lục 2.21. Sổ cái tài khoản 911	131
Phụ lục 2.22. Báo cáo doanh thu tiêu thụ theo mặt hàng	133
Phụ lục 2.23. Báo cáo chi phí toàn doanh nghiệp	134

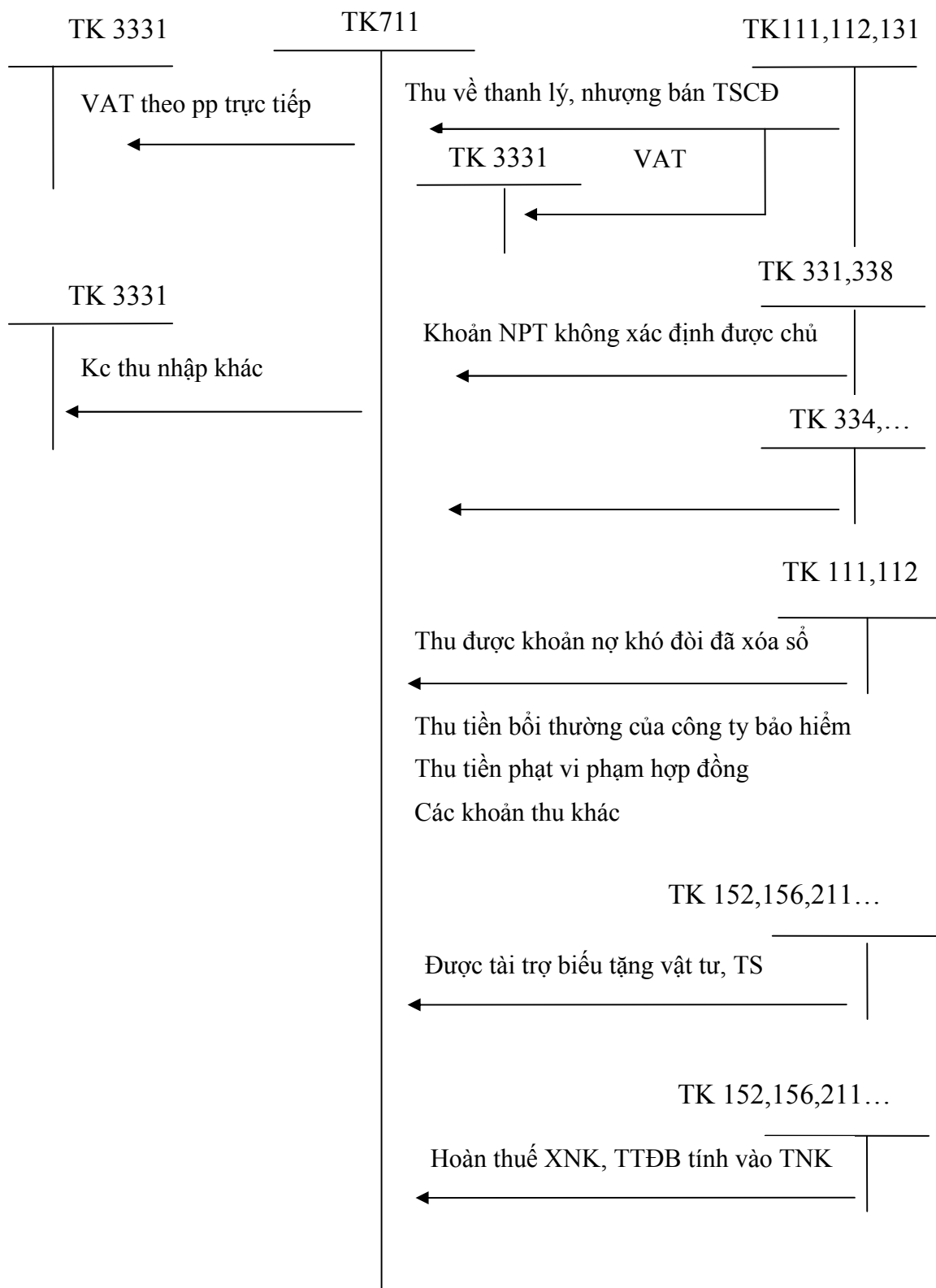
Phụ lục 1.1: sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu



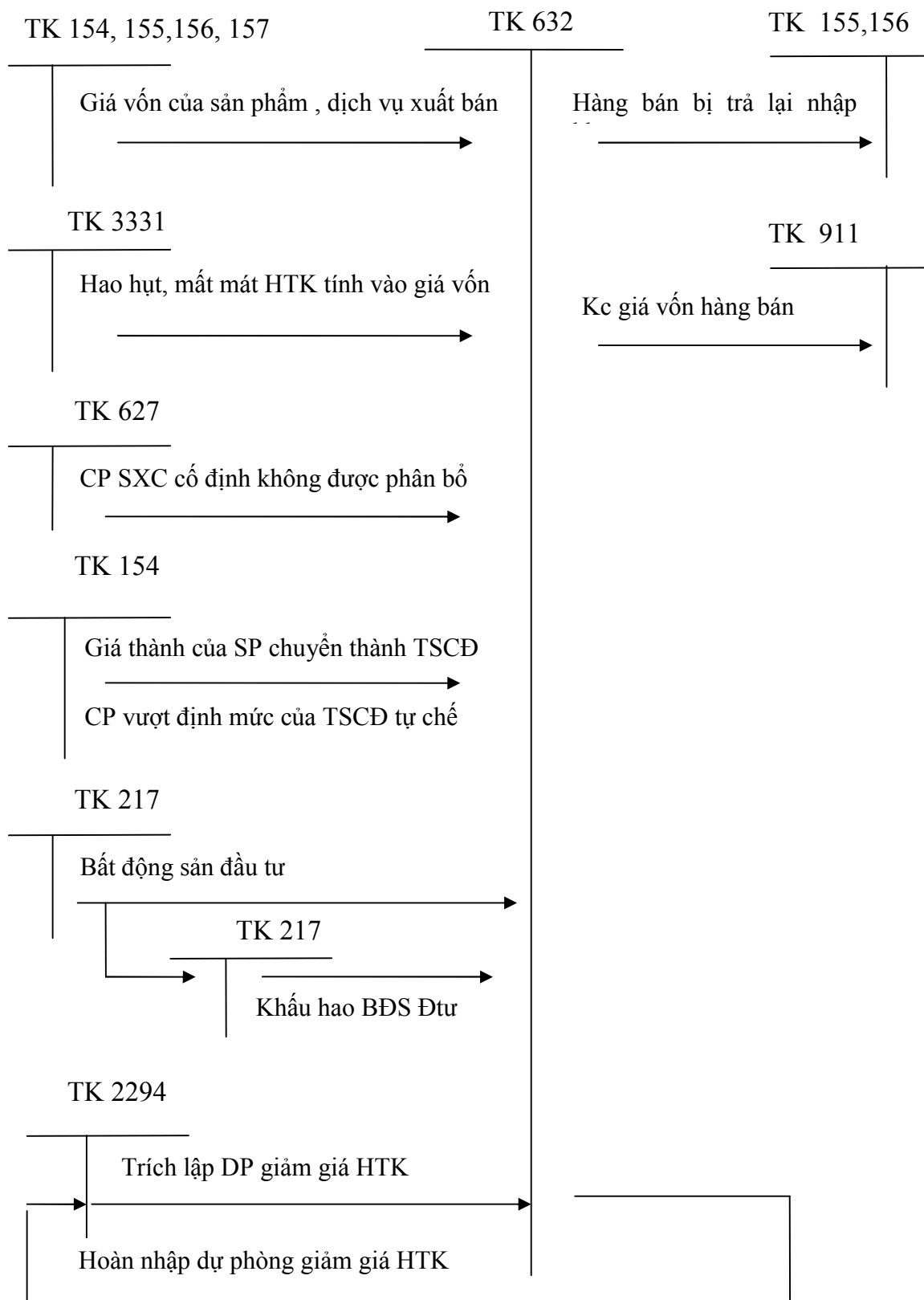
Phụ lục 1.2: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính



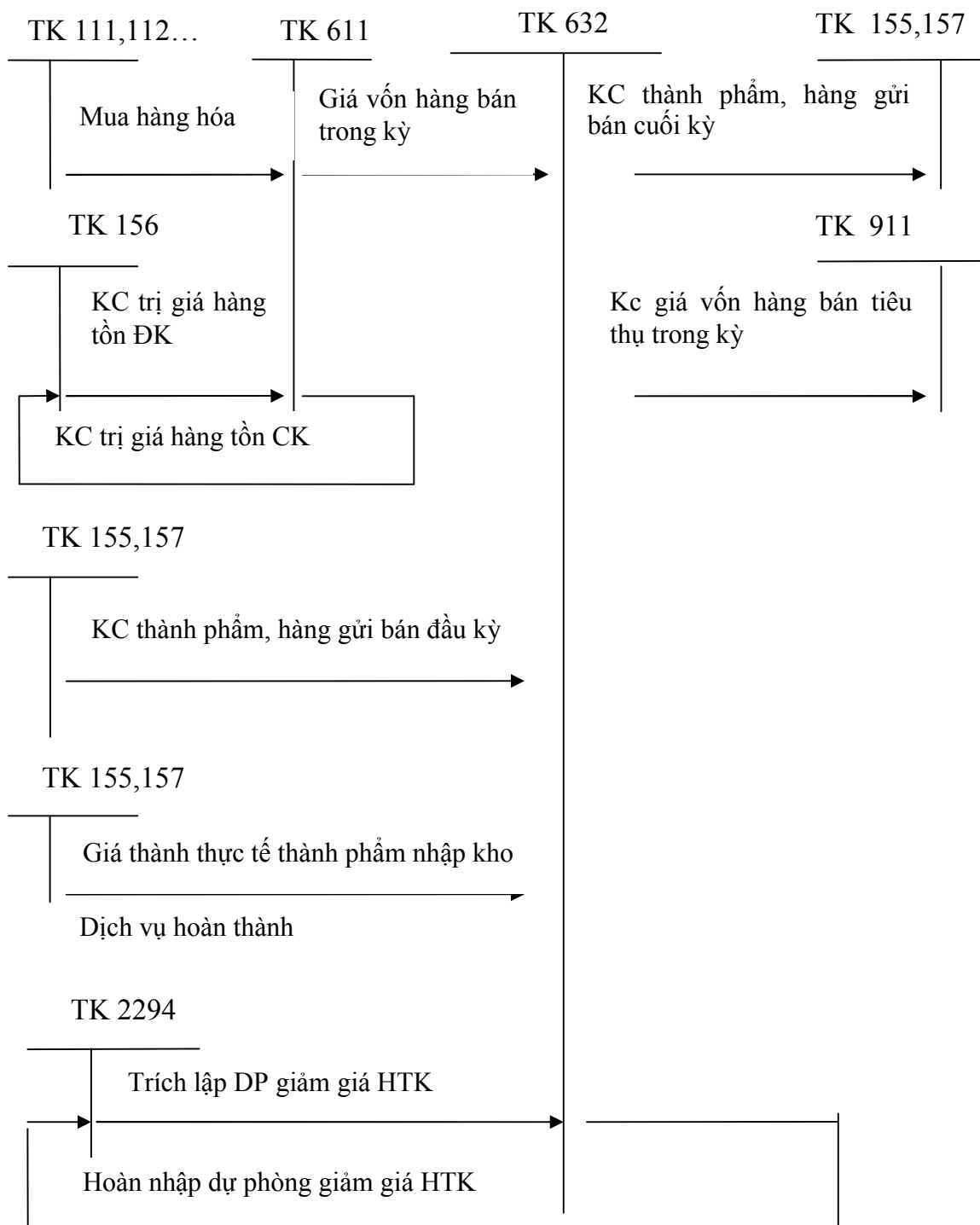
Phụ lục 1.3: Sơ đồ kế toán thu nhập khác



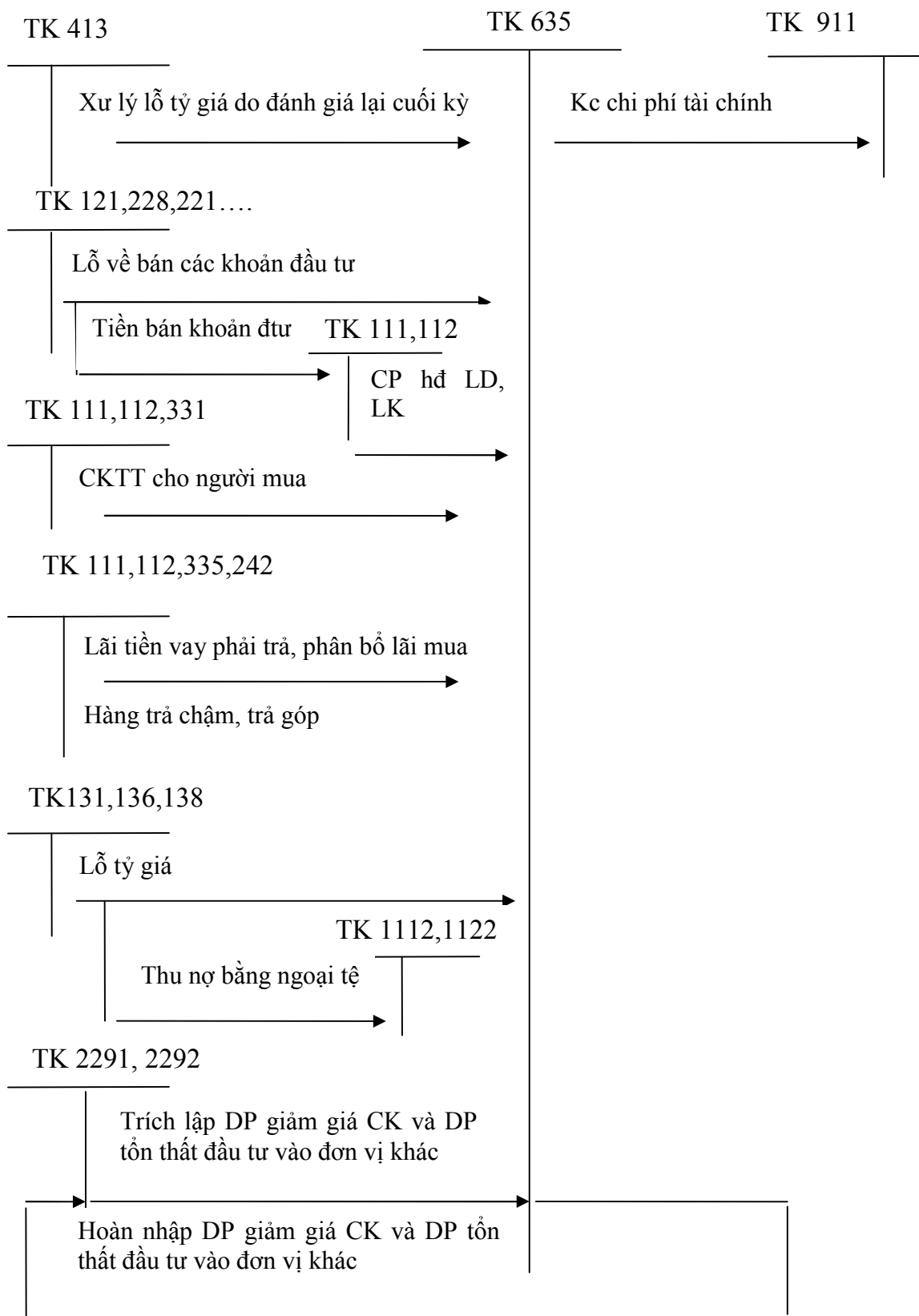
Phụ lục 1.4: kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



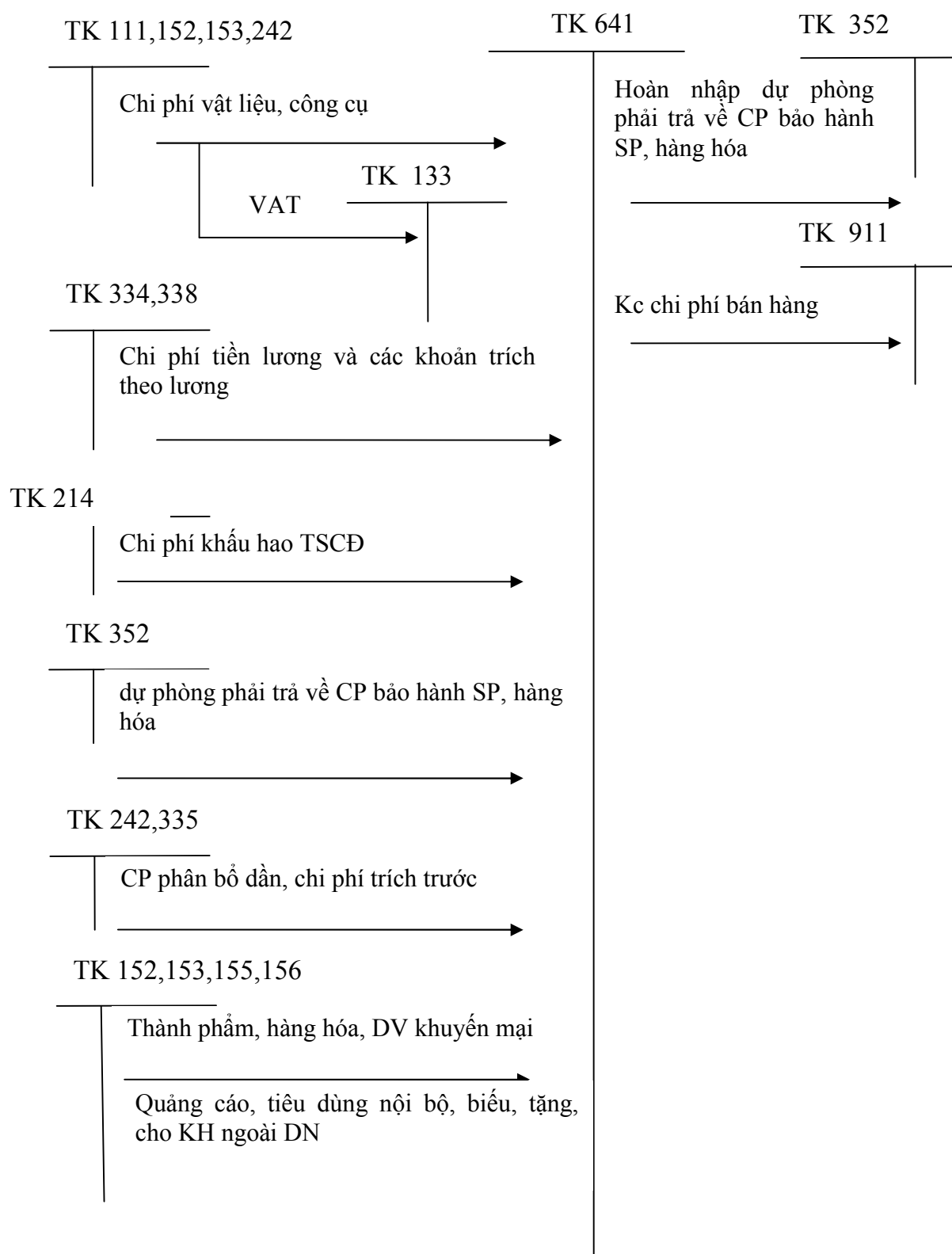
Phụ lục 1.5: kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



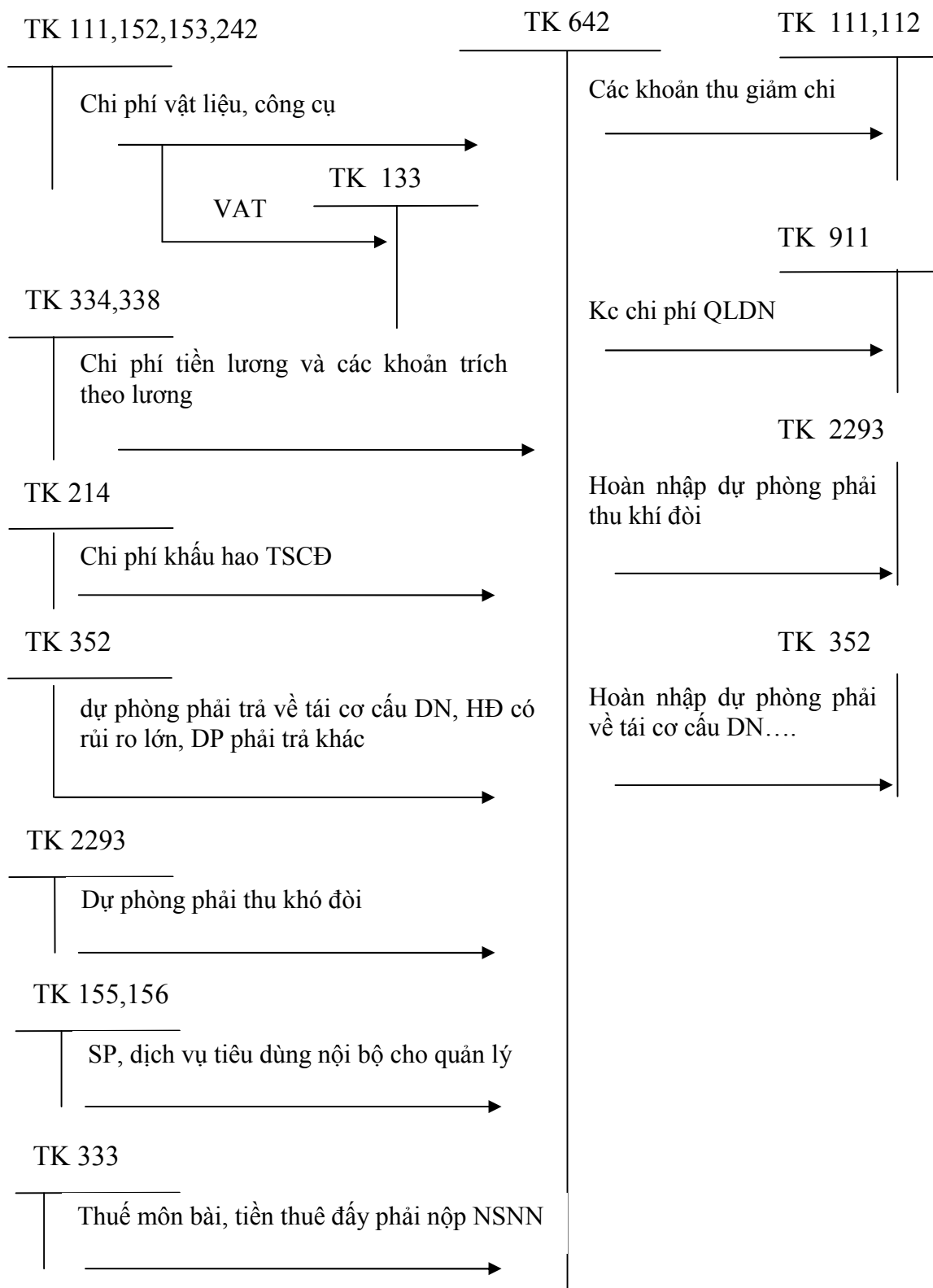
Phụ lục 1.6: kế toán chi phí tài chính



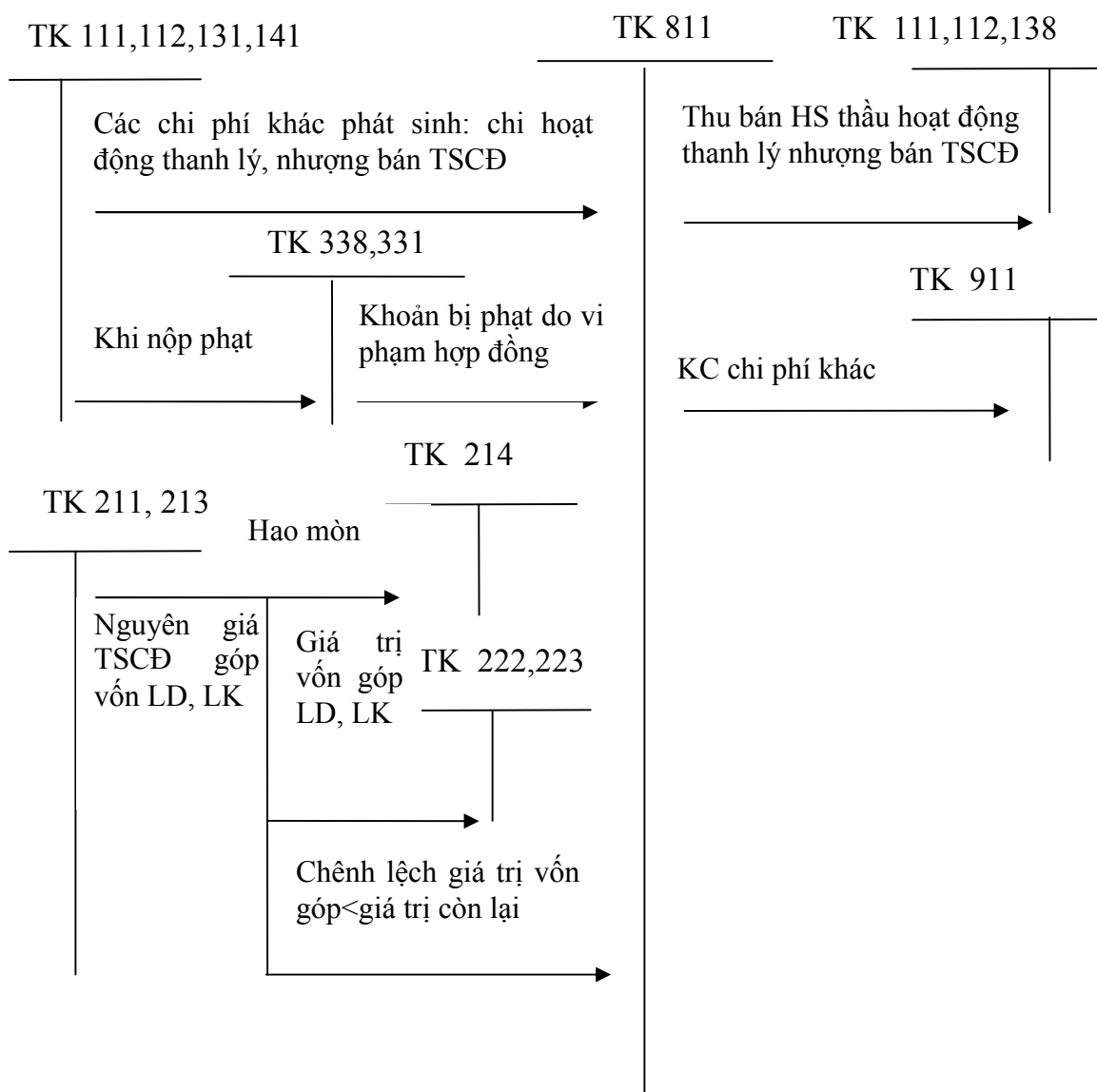
Phụ lục 1.7: kế toán chi phí bán hàng



Phụ lục 1.8: kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

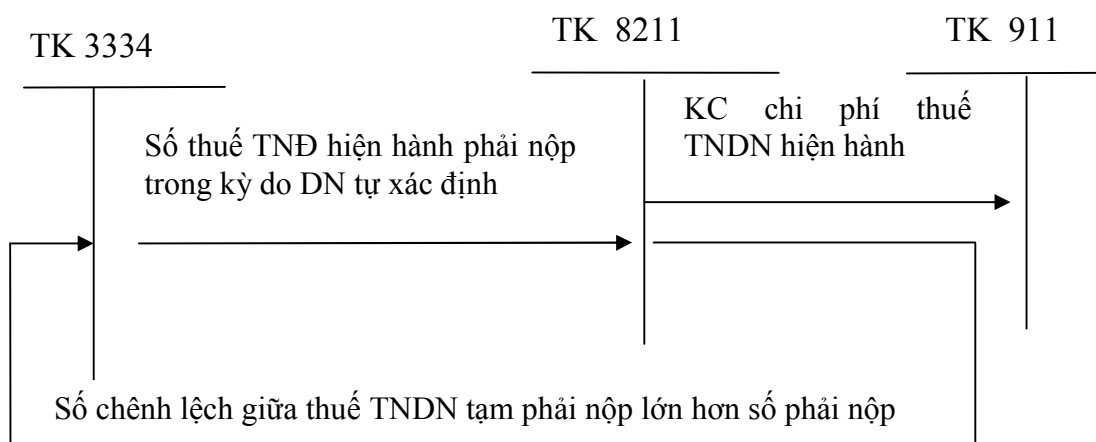


Phụ lục 1.9: kế toán chi phí khác

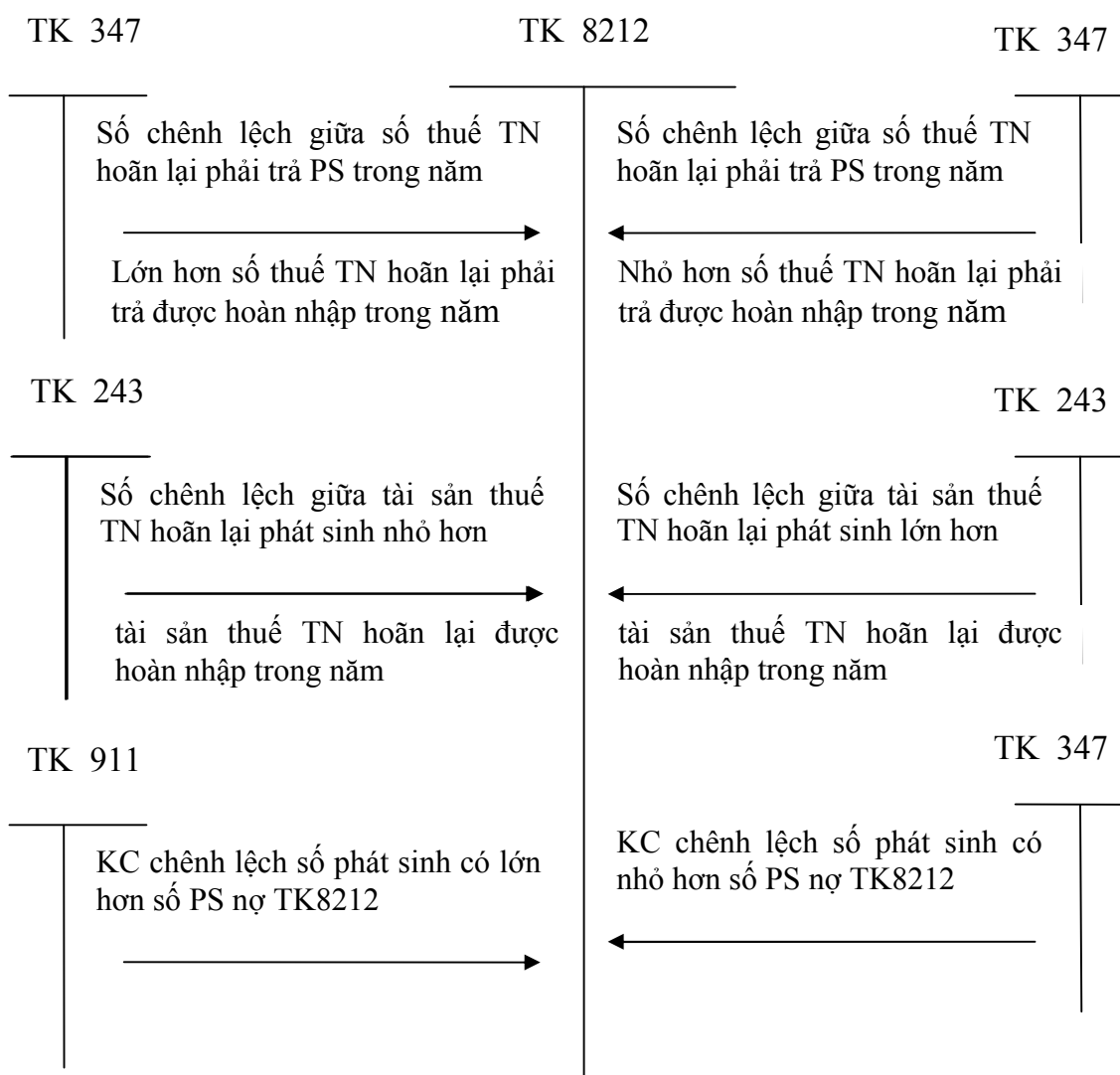


Phụ lục 1.10: kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

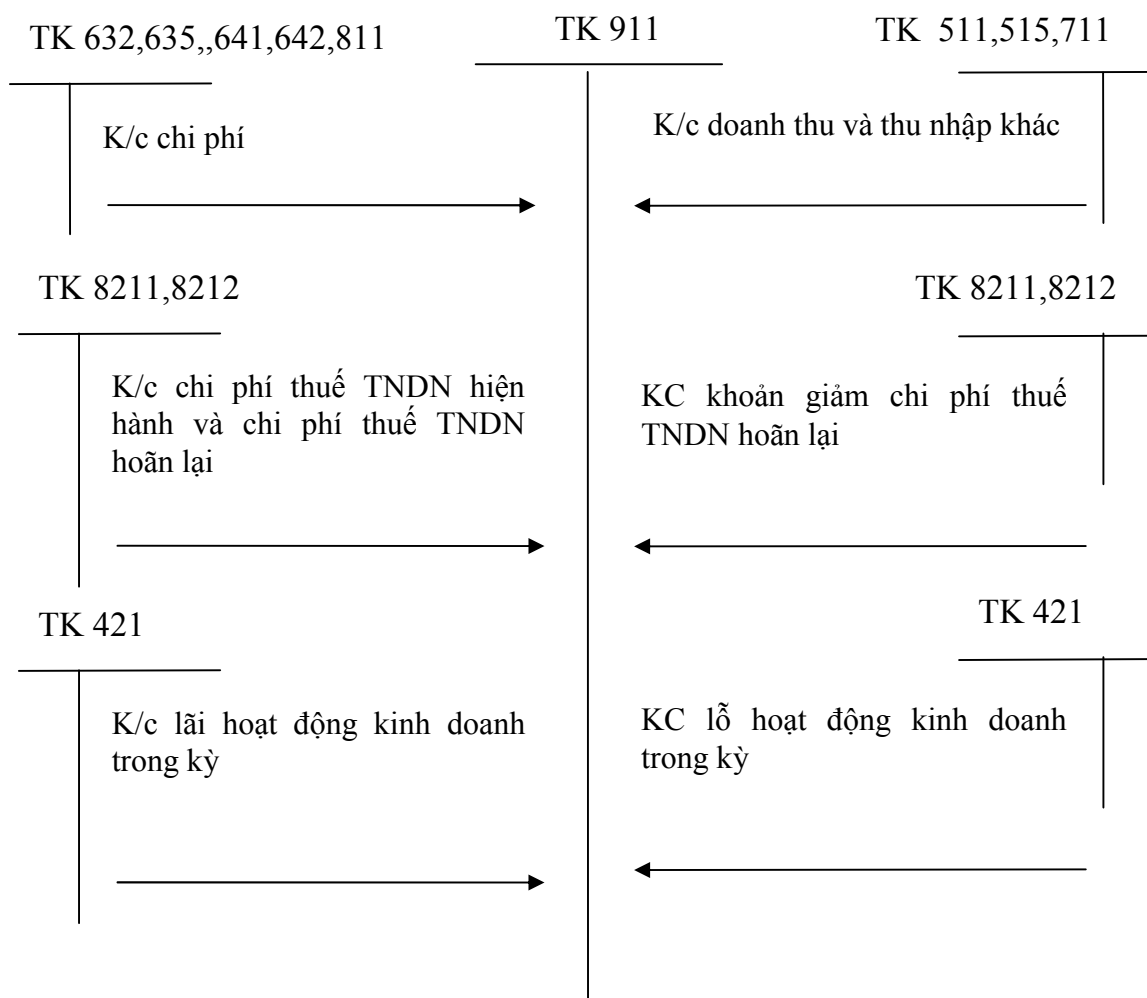
1. Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành



2. Kế toán thuế TNDN hoãn lại



Phụ lục 1.11: kế toán xác định kết quả kinh



Phụ lục 2.1. Hóa đơn bán hàng số HD000662

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Mẫu số: 01/GTKTT3/001	
Liên 3: nội bộ				Ký hiệu: NS/13P	
Ngày 06 tháng 06 năm 2017				Số: 000662	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Ngọc Sơn					
Mã số thuế: 2700275532					
Địa chỉ: Số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành, Thành phố Ninh Bình					
Điện thoại: 0303.890.081					
Số tài khoản:					
Họ và tên người mua hàng: Đặng Văn Lợi					
Tên đơn vị: cửa hàng vật liệu xây dựng Thành Lợi Thị Trấn Yên Thịnh, Yên Mô Ninh Bình					
Mã số thuế: 2700580705					
Địa chỉ: Thị Trấn Yên Thịnh, Yên Mô Ninh Bình					
Hình thức thanh toán: chuyển khoản					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 2X1
1	Thép cuộn Kyoiei Φ 6	Kg	15.000	13.288	199.320.000
2	Thép gân Kyoiei Φ 10	Kg	10.000	13.211	132.110.000
3	Xi măng Duyên Hà PC 30	Kg	20.000	880	17.600.000
	Chiết khấu thương mại 0,3%				1.047.090
Cộng tiền hàng					347.982.910
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		34.798.291
Tổng cộng tiền thanh toán:					382.781.201
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm tám một nghìn, hai trăm linh một đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Giám đốc	
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, đóng dấu, họ tên)</i>	

Phụ lục 2.2. Sổ chi tiết bán hàng thép cuộn Kyoegi phi 6

Đơn vị: Công Ty TNHH Ngọc Sơn

Đại chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành
Thành phố Ninh Bình

Mẫu số S35 - DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

TK: 5111THEPKyoegiTCΦ6

Tên: Thép cuộn phi 6

Từ 01/06/2017 đến 30/06/2017

(Đvt đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	SH	NT			SL	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
.....
06/06	HĐ000662	06/06	Doanh thu thép cuộn Kyoegi Φ 6 bán cho CH VLXD Thành Lợi	131THANHLOI	15.000	13.288	199.320.000	19.872.204	597.960
.....
10/06	HĐ000698	10/06	Doanh thu thép cuộn Kyoegi Φ 6 bán cho DNTN Trọng Nghĩa	131TRONGNGHIA	16.000	13.290	212.640.000	21.200.208	637.920
.....
15/06	HĐ000699	15/06	Doanh thu bán Xi măng DH PC30 cho NV Chính	131NVCHINH	5.000	13.515	67.575.000	6.757.500	0
.....
			Cộng số phát sinh				826.375.000	47.829.912	2.235.880
			Doanh thu thuần				824.139.120		
			Giá vốn hàng bán				791.173.555		
			Lãi gộp				32.965.565		

Sổ này có Trang, đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày mở sổ.....

Ngày..... tháng..... Năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2.3. Sổ chi tiết chiết khấu thương mại thép cuộn Kyoiei phi 6

Đơn vị: Công Ty TNHH Ngọc Sơn
Đại chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành
 Thành phố Ninh Bình

Mẫu số: S38-DN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC
 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5211THEPKyoeiTCΦ6
Đối tượng: Thép cuộn Kyoiei phi 6

Từ 01/06/2017 đến 30/06/2017

(Đvt: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		0	
			Số phát sinh trong kỳ			
06/06	HĐ000662	06/06	Chiết khấu thương mại HĐ000662	131THANHLOI	597.960	
10/06	HĐ000698	10/06	Chiết khấu thương mại HĐ000698	131TRONGNGHIA	637.920	
30/06	PKC01	30/06	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu thép Kyoiei cuộn Φ 6	5111 THEPKyoeiTCΦ6		2.235.880
			Cộng số phát sinh		2.235.880	2.235.880
			Số dư cuối kỳ		0	

Sổ này có Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ.....

Ngày..... tháng..... Năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2.4. Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công Ty TNHH Ngọc Sơn

Mẫu số: S03a-DN

Đại chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành Thành phố Ninh Bình

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC của Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Từ 01/06/2017 đến 30/06/2017

(Đvt: đồng)

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	ST TD	TKĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
.....
06/06	PXK050	06/06	Giá vốn thép cuộn Kyoiei Φ 6 bán cho CH VLXD Thành Lợi			632THEPKyoieiTCΦ6	194.813.514	
06/06	PXK050	06/06	Giá vốn thép cuộn Kyoiei Φ 6 bán cho CH VLXD Thành Lợi			156THEPKyoieiTCΦ6		194.813.514
06/06	HĐ000662	06/06	Doanh thu thép cuộn Kyoiei Φ 6 bán cho CH VLXD Thành Lợi			131THANHLOI	199.320.000	
06/06	HĐ000662	06/06	Doanh thu thép cuộn Kyoiei Φ 6 bán cho CH VLXD Thành Lợi			5111THEPKyoieiTCΦ6		199.320.000
06/06	HĐ000662	06/06	Thuế GTGT đầu ra phải nộp			131THANHLOI	19.932.000	
06/06	HĐ000662	06/06	Thuế GTGT đầu ra phải nộp			3331		19.932.000
06/06	PXK050	06/06	Giá vốn thép gân Kyoiei Φ 10 bán cho CH VLXD Thành Lợi			632THEPKyoieiTGΦ10	129.390.000	
06/06	PXK050	06/06	Giá vốn thép gân Kyoiei Φ 10 bán cho CH VLXD Thành Lợi			156THEPKyoieiTGΦ10		129.390.000

06/06	HĐ000662	06/06	Doanh thu thép gân Kyoei Φ 10 bán cho CH VLXD Thành Lợi			131THANHLOI	132.110.000	
06/06	HĐ000662	06/06	Doanh thu thép gân Kyoei Φ 10 bán cho CH VLXD Thành Lợi			5111THEPKyoeiTGΦ10		132.110.000
06/06	HĐ000662	06/06	Thuế GTGT đầu ra phải nộp			131THANHLOI	13.211.000	
06/06	HĐ000662	06/06	Thuế GTGT đầu ra phải nộp			3331		13.211.000
06/06	PXK050	06/06	Giá vốn xi măng Duyên Hà PC30 bán cho CH VLXD Thành Lợi			632XMDHPC30	16.584.049	
06/06	PXK050	06/06	Giá vốn xi măng Duyên Hà PC30 bán cho CH VLXD Thành Lợi			156XMDHPC30		16.584.049
06/06	HĐ000662	06/06	Doanh thu xi măng DH PC30 bán cho CH VLXD Thành Lợi			131THANHLOI	17.600.000	
06/06	HĐ000662	06/06	Doanh thu xi măng DH PC30 bán cho CH VLXD Thành Lợi			5111XMDHPC30		17.600.000
06/06	HĐ000662	06/06	Thuế GTGT đầu ra phải nộp			131THANHLOI	1.760.000	
06/06	HĐ000662	06/06	Thuế GTGT đầu ra phải nộp			3331		1.760.000
06/06	HĐ000662	06/06	Chiết khấu thương mại HĐ000662			5211THEPKyoeiTCΦ6	597.960	
06/06	HĐ000662	06/06	Chiết khấu thương mại HĐ000662			131THANHLOI		597.960
06/06	HĐ000662	06/06	Thuế GTGT đầu ra phải nộp			3331	59.796	
06/06	HĐ000662	06/06	Thuế GTGT đầu ra phải nộp			131THANHLOI		59.796
06/06	HĐ000662	06/06	Chiết khấu thương mại HĐ000662			5211THEPKyoeiTGΦ10	396.330	
06/06	HĐ000662	06/06	Chiết khấu thương mại HĐ000662			131THANHLOI		396.330
06/06	HĐ000662	06/06	Thuế GTGT chiết khấu thương mại HĐ000662			3331	39.633	

06/06	HĐ000662	06/06	Thuế GTGT chiết khấu thương mại HĐ000662			131THANHLOI		39.633
06/06	HĐ000662	06/06	Chiết khấu thương mại HĐ000662			5211XMDHPC30	52.800	
06/06	HĐ000662	06/06	Chiết khấu thương mại HĐ000662			131THANHLOI		52.800
06/06	HĐ000662	06/06	Thuế GTGT chiết khấu thương mại HĐ000662			3331	5.280	
06/06	HĐ000662	06/06	Thuế GTGT chiết khấu thương mại HĐ000662			131THANHLOI		5.280
.....
10/06	PXK068	10/06	Giá vốn thép cuộn Kyoiei Φ 6 bán cho DNTN Trọng Nghĩa			632THEPKyoieiTCΦ6	207.801.081	
10/06	PXK068	10/06	Giá vốn thép cuộn Kyoiei Φ 6 bán cho DNTN Trọng Nghĩa			156THEPKyoieiTCΦ6		207.801.081
10/06	HĐ000698	10/06	Doanh thu thép cuộn Kyoiei Φ 6 bán cho DNTN Trọng Nghĩa			131TRONGNGHIA	212.640.000	
10/06	HĐ000698	10/06	Doanh thu thép cuộn Kyoiei Φ 6 bán cho DNTN Trọng Nghĩa			5111THEPKyoieiTCΦ6		212.640.000
10/06	HĐ000698	10/06	Thuế GTGT đầu ra phải nộp			131TRONGNGHIA	21.264.000	
10/06	HĐ000698	10/06	Thuế GTGT đầu ra phải nộp			3331		21.264.000
10/06	HĐ000698	10/06	Chiết khấu thương mại HĐ000698			5211THEPKyoieiTCΦ6	637.920	
10/06	HĐ000698	10/06	Chiết khấu thương mại HĐ000698			131TRONGNGHIA		637.920
10/06	HĐ000698	10/06	Thuế GTGT chiết khấu thương mại hóa đơn HĐ000698			131THANHLOI	63.792	
10/06	HĐ000698	10/06	Thuế GTGT chiết khấu thương mại hóa đơn HĐ000698			131TRONGNGHIA		63.792

.....
15/06	PXK086	15/06	Giá vốn thép cuộn Kyoiei Φ 6 bán cho Nguyễn Văn Chính			632THEPKyoieiTCΦ6	64.937.838	
15/06	PXK086	15/06	Giá vốn thép cuộn Kyoiei Φ 6 bán cho Nguyễn Văn Chính			156THEPKyoieiTCΦ6		64.937.838
15/06	HĐ000698	15/06	Doanh thu bán Xi măng DH PC30 cho NV Chính			131NVCHINH	67.575.000	
15/06	HĐ000699	15/06	Doanh thu bán Xi măng DH PC30 cho NV Chính			5111THEPKyoieiTCΦ6		67.575.000
15/06	HĐ000700	15/06	Thuế GTGT đầu ra phải nộp			131NVCHINH	6.757.500	
15/06	HĐ000700	15/06	Thuế GTGT đầu ra phải nộp			131THANHLOI		6.757.500
15/06	PT098	15/06	Ông Nguyễn Văn Chính thanh toán tiền hàng			111	74.332.500	
15/06	PT098	15/06	Ông Nguyễn Văn Chính thanh toán tiền hàng			131NVCHINH		74.332.500
.....
25/06	BC065	25/06	CH VLXD Thành Lợi Thanh toán tiền hàng theo HĐ000662			112	348.331.940	
25/06	BC065	25/06	CH VLXD Thành Lợi Thanh toán tiền hàng theo HĐ000662			131THANHLOI		348.331.940
25/06	BC065	25/06	Chiết khấu thanh toán cho CH VLXD Thành Lợi			635	698.060	
25/06	BC065	25/06	Chiết khấu thanh toán cho CH VLXD Thành Lợi			131THANHLOI		698.060
.....
27/06	BN034	27/06	Thanh toán lãi vay KUNN12			635	5.625.000	

27/06	BN034	27/06	Thanh toán lãi vay KUNN12			112		5.625.000
.....
29/06	BC072	29/06	Lãi tiền gửi thanh toán và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn			112	1.275.000	
29/06	BC072	29/06	Lãi tiền gửi thanh toán và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn			515		1.275.000
29/06	BN039	29/06	Thanh toán lãi vay KUNN 15			635	2.360.000	
29/06	BN039	29/06	Thanh toán lãi vay KUNN 15			112		2.360.000
.....
30/06	BTPBTLT6	30/06	Tiền lương nhân viên quản lý			6421	49.400.000	
30/06	BTPBTLT6	30/06	Tiền lương nhân viên quản lý			334		49.400.000
30/06	BTPBTLT6	30/06	Phụ cấp nhân viên quản lý			6421	2.600.000	
30/06	BTPBTLT6	30/06	Phụ cấp nhân viên quản lý			334		2.600.000
30/06	BTPBTLT6	30/06	Khoản trích theo lương nhân viên quản lý			6421	11.856.000	
30/06	BTPBTLT6	30/06	Khoản trích theo lương nhân viên quản lý			338		11.856.000
30/06	BTPBTLT6	30/06	Tiền lương nhân viên bán hàng			6411	89.700.000	
30/06	BTPBTLT6	30/06	Tiền lương nhân viên bán hàng			334		89.700.000
30/06	BTPBTLT6	30/06	Phụ cấp nhân viên bán hàng			6411	1.100.000	
30/06	BTPBTLT6	30/06	Phụ cấp nhân viên bán hàng			334		1.100.000
30/06	BTPBTLT6	30/06	Khoản trích theo lương nhân viên bán hàng			6411	21.528.000	
30/06	BTPBTLT6	30/06	Khoản trích theo lương nhân viên bán hàng			338		21.528.000
30/06	BPBKHT6	30/06	Trích khấu hao tài sản cố định bộ phận quản lý			6424	5.270.833	
30/06	BPBKHT6	30/06	Trích khấu hao tài sản cố định bộ phận quản lý			214		5.270.833

30/06	BPBKHT6	30/06	Trích khấu hao tài sản cố định bộ phận bán hàng			6414	9.013.889	
30/06	BPBKHT6	30/06	Trích khấu hao tài sản cố định bộ phận bán hàng			214		9.013.889
.....
30/06	PKC01	30/06	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu			511	7.825.580	
30/06	PKC01	30/06	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu			521(.....)		7.825.580
30/06	PKC01	30/06	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu thép Kyoei cuộn Φ 6			5111 THEPKyoeiTCΦ6	2.235.880	
30/06	PKC01	30/06	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu thép Kyoei cuộn Φ 6			5211THEPKyoeiTCΦ6		2.235.880
30/06	PKC02	30/06	Kết chuyển doanh thu thuần			511	3.869.938.540	
30/06	PKC02	30/06	Kết chuyển doanh thu thuần			911		3.869.938.540
30/06	PKC03	30/06	Doanh thu tài chính			515	5.600.000	
30/06	PKC03	30/06	Doanh thu tài chính			911		5.600.000
30/06	PKC04	30/06	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911	2.628.826.445	
30/06	PKC04	30/06	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632		2.628.826.445
30/06	PKC04	30/06	Kết chuyển giá vốn hàng bán thép Kyoei cuộn Φ 6			911	791.173.555	
30/06	PKC04	30/06	Kết chuyển giá vốn hàng bán thép Kyoei cuộn Φ 6			632THEPKyoeiTCΦ6		791.173.555
30/06	PKC05	30/06	Kết chuyển chi phí tài chính			911	10.485.000	
30/06	PKC05	30/06	Kết chuyển chi phí tài chính			635		10.485.000
30/06	PKC06	30/06	Kết chuyển chi phí bán hàng			911	21.663.889	
30/06	PKC06	30/06	Kết chuyển chi phí bán hàng			641		21.663.889
30/06	PKC06	30/06	Kết chuyển chi phí nhân viên bán hàng			911	113.828.000	
30/06	PKC06	30/06	Kết chuyển chi phí nhân viên bán hàng			6411		113.828.000
30/06	PKC07	30/06	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			911	6.770.833	

30/06	PKC07	30/06	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			642		6.770.833
30/06	PKC07	30/06	Kết chuyển chi phí nhân viên quản lý			911	62.356.000	
30/06	PKC07	30/06	Kết chuyển chi phí nhân viên quản lý			6421		62.356.000
30/06	PK	30/06	Chi phí thuế TNDN			821	48.086.964	
30/06	PK	30/06	Chi phí thuế TNDN			3334		48.086.964
30/06	PKC08	30/06	Kết chuyển thuế TNDN			911	48.086.964	
30/06	PKC08	30/06	Kết chuyển thuế TNDN			821		48.086.964
30/06	PKC09	30/06	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế			911	192.347.854	
30/06	PKC09	30/06	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế			421		192.347.854
			Cộng chuyển sang trang sau				49.641.474.388	49.641.474.388

Sổ này có Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... Năm.....
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2.5. Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng.

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Doanh thu bán hàng			Các khoản giảm trừ	
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
1	Thép cuộn Kyohei Φ 6	Kg	826.375.000	2.235.880
2	Thép gân Kyohei Φ 10	Kg	165.241.000	1.125.630
3	Xi măng Duyên Hà PC 30	Kg	354.125.000	106.238
4
....
	Cộng				3.880.000.000	10.061.460

Phụ lục 2.6: Sổ cái tài khoản 511

Đơn vị: Công ty TNHH Ngọc Sơn

Đại chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành

Thành phố Ninh Bình

Mẫu số: S03b - DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

SỔ CÁI DOANH THU BÁN HÀNG

TK: 511

Từ 01/06/2017 đến 30/06/2017

(Đvt: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STTD		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu tháng					0
			Số phát sinh trong tháng					
.....
06/06	HĐ000662	06/06	Doanh thu thép cuộn Kyoiei Φ 6 bán cho CH VLXD Thành Lợi			131THANHLOI		199.320.000
.....
06/06	HĐ000662	06/06	Doanh thu thép gân Kyoiei Φ 10 bán cho CH VLXD Thành Lợi			131THANHLOI		132.110.000
.....
06/06	HĐ000662	06/06	Doanh thu xi măng DH PC30 bán cho CH VLXD Thành Lợi			131THANHLOI		17.600.000
.....
30/06	PKC01	30/06	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu			511	7.825.580	

.....
30/06	PKC01	30/06	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu thép Kyoeyi cuộn Φ 6			511 THEPKyoeyiTCΦ6	2.235.880	
.....
30/06	PKC02	30/06	Kết chuyển doanh thu thuần			511	3.869.938.540	
.....
			Cộng số phát sinh tháng				3.880.000.000	3.880.000.000
			Số dư cuối tháng					0
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Sổ này có Trang, đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày mở sổ.....

Ngày..... tháng..... Năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2.7. Sổ cái tài khoản 521

Đơn vị: Công ty TNHH Ngọc Sơn

Đại chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành
Thành phố Ninh Bình

Mẫu số: S03b - DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

TK: 521

Từ 01/06/2017 đến 30/06/2017

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STTD		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu tháng				0	
			Số phát sinh trong tháng					
.....
06/06	HĐ000662	06/06	Chiết khấu thương mại HĐ000662			131THANHLOI	597.960
.....
06/06	HĐ000662	06/06	Chiết khấu thương mại HĐ000662			131THANHLOI	396.330
.....
06/06	HĐ000662	06/06	Chiết khấu thương mại HĐ000662			131THANHLOI	52.800
.....
10/06	HĐ000698	10/06	Chiết khấu thương mại HĐ000698			131TRONGNGHIA	637.920
.....

30/06	PKC01	30/06	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu			511	7.825.580
.....
30/06	PKC01	30/06	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu thép Kyoei cuộn Φ 6			5111 THEPKyoeiTCΦ6	2.235.880
.....
.....
			Cộng số phát sinh tháng				10.061.460	10.061.460
			Số dư cuối tháng				0	
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Sổ này có Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ.....

Ngày..... tháng..... Năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2.8. Sổ cái tài khoản 515

Đơn vị: Công ty TNHH Ngọc Sơn				Mẫu số: S03b - DN				
Đại chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành Thành phố Ninh Bình				(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)				
SỔ CÁI DOANH THU TÀI CHÍNH								
Tài khoản:				515				
Đối tượng:				Từ 01/06/2017 đến 30/06/2017				
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ'	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STTD		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu tháng				0	
			Số phát sinh trong tháng					
							
29/06	BC072	29/06	Lãi tiền gửi thanh toán và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn			112		1.275.000
							
30/06	PKC03	30/06	Doanh thu tài chính			911	5.600.000	
							
			Cộng số phát sinh tháng				5.600.000	5.600.000
			Số dư cuối tháng					0
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Sổ này có Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... Năm.....

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2.9: Phiếu xuất kho số P XK050**Mẫu số: 02 - VT****Đơn vị:** Công ty TNHH Ngọc Sơn**Địa chỉ:** Số 297, đường Trần Hưng Đạo,
phường Đông Thành, TP NB(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 06 tháng 06 Năm 2017

Nợ: 632

Số: P XK050

Có: 156

Họ và tên người nhận hàng: Trương Hùng Anh. **Địa chỉ (bộ phận):** nhân viên phòng kinh doanh**Lý do xuất kho:** chuyển bán cho của hàng VLXD Thành Lợi**Xuất tại kho:** công ty. **Địa điểm:** 299 -301 đường Trần Hưng Đạo, Phường Đông Thành. TP NB

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				yêu cầu	thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép cuộn Kyoei Φ 6	THEPKyoeiT CΦ6	Kg	15.000	15.000	12.988	194.813.514
2	Thép gân Kyoei Φ 10	THEPKyoeiT GΦ10	Kg	10.000	10.000	12.939	129.390.000
3	Xi măng Duyên Hà PC30	XMDHPC30	Kg	20.000	20.000	829	16.584.049
Cộng							340.787.563

Tổng số tiền (viết bằng chữ): ba trăm bốn mươi triệu, bảy trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi ba đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 06 tháng 06 năm 2017

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)**Người nhận hàng**
(Ký, họ tên)**Thủ kho**
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên)

Phụ lục 2.10: Sổ chi tiết tài khoản 632THEPKyoeiTCΦ6**Đơn vị:** Công Ty TNHH Ngọc Sơn**Đại chỉ:** số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành
Thành phố Ninh Bình**Mẫu số:** S38-DN(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC
của Bộ Tài Chính**SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN****Tài khoản:**

632THEPKyoeiTCΦ6

Đối tượng:

Thép cuộn Kyoei phi 6

Từ 01/06/2017 đến 30/06/2017

(Đvt: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		0	
			Số phát sinh trong kỳ			
06/06	PXK050	06/06	Giá vốn thép cuộn Kyoei Φ 6 bán cho CH VLXD Thành Lợi	156THEPKyoeiTCΦ6	194.813.514	...
...
10/06	PXK068	10/06	Giá vốn thép cuộn Kyoei Φ 6 bán cho DNTN Trọng Nghĩa	156THEPKyoeiTCΦ6	207.801.081	...
...
15/06	PXK086	15/06	Giá vốn thép cuộn Kyoei Φ 6 bán cho Nguyễn Văn Chính	156THEPKyoeiTCΦ6	64.937.838	...
...
30/06	PKC04	30/06	Kết chuyển giá vốn hàng bán thép Kyoei cuộn Φ 6	911	791.173.555
...
			Cộng số phát sinh		791.173.555	791.173.555
			Số dư cuối kỳ		0	

Sổ này có Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ.....

Ngày..... tháng..... Năm.....

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2.11: Sổ cái tài khoản 632

Đơn vị: Công ty TNHH Ngọc Sơn			Mẫu số: S03b - DN					
Đại chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành			(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC					
Thành phố Ninh Bình			ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)					
SỔ CÁI GIÁ VỐN HÀNG BÁN								
Tài khoản:			632					
Đối tượng:			Từ 01/06/2017 đến 30/06/2017					
			<i>Đvt: đồng</i>					
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Tran g số	ST TD		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu tháng				0	
			Số phát sinh trong tháng					
06/06	PXK050	06/06	Giá vốn thép cuộn Kyoiei Φ 6 bán cho CH VLXD Thành Lợi			156THEPKyoieiTCΦ6	194.813.514	...
...
06/06	PXK050	06/06	Giá vốn thép gân Kyoiei Φ 10 bán cho CH VLXD Thành Lợi			156THEPKyoieiTGΦ10	129.390.000	...
....
06/06	PXK050	06/06	Giá vốn xi măng Duyên Hà PC30 bán cho CH VLXD Thành Lợi			156XMDHPC30	16.584.049	...
....
10/06	PXK068	10/06	Giá vốn thép cuộn Kyoiei Φ 6 bán cho DNTN Trọng Nghĩa			156THEPKyoieiTCΦ6	207.801.081	...
...

15/06	PXK086	15/06	Giá vốn thép cuộn Kyoeyi Φ 6 bán cho Nguyễn Văn Chính			156THEPKyoeyiTCΦ6	64.937.838	...
.....
30/06	PKC04	30/06	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911	...	2.628.826.445
.....
30/06	PKC04	30/06	Kết chuyển giá vốn hàng bán thép Kyoeyi cuộn Φ 6			911	...	791.173.555
20/04
			Cộng số phát sinh tháng				3.420.000.000	3.420.000.000
			Số dư cuối tháng				0	
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Sổ này có Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ.....

Ngày..... tháng..... Năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2.12: Sổ cái tài khoản 635**Đơn vị:** Công ty TNHH Ngọc Sơn**Đại chỉ:** số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành
Thành phố Ninh Bình**Mẫu số: S03b - DN**(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**SỔ CÁI CHI PHÍ TÀI CHÍNH****Tài khoản:**

635

Đối tượng:

Từ 01/06/2017 đến 30/06/2017

Dvt: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STTD		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu tháng				0	
			Số phát sinh trong tháng					
....
25/06	BC065	25/06	Chiết khấu thanh toán cho CH VLXD Thành Lợi			131THANHLOI	698.060	
...
27/06	BN034	27/06	Thanh toán lãi vay KUNN12			112	5.625.000	

29/06	BN039	29/06	Thanh toán lãi vay KUNN 15			112	2.360.000	
30/06	PKC05	30/06	Kết chuyển chi phí tài chính			911		10.485.000
		
			Cộng số phát sinh tháng				10.485.000	10.485.000
			Số dư cuối tháng				0	
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Sổ này có Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ.....

Ngày..... tháng..... Năm.....

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2.13. Bảng tính và phân bổ tiền lương, các khoản trích theo lương

Đơn vị: Công Ty TNHH Ngọc Sơn					Mẫu số 11 - LĐTL						
Địa chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành					(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC						
Thành phố Ninh Bình					ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)						
BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG, CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG											
Tháng 06 Năm 2017 Đvt: đồng											
ST T	Ghi có TK	TK 334- Phải trả người lao động			TK 338 - Phải trả, phải nộp khác					TK 335	Tổng cộng
		Lương cơ bản	Các khoản khác	Cộng có TK 334	KPCĐ TK 3382	BHXH 3383	BHYT TK 3384	BHTN TK 3386	Cộng có TK 338		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	TK 641- Chi phí bán hàng	89.700.000	2.600.000	92.300.000	1.794.000	16.146.000	2.691.000	897.000	21.528.000	0	113.828.000
2	TK 642 - Chi phí QLDN	49.400.000	1.100.000	50.500.000	988.000	8.892.000	1.482.000	494.000	11.856.000	0	62.356.000
3	TK 334 - Phải trả người lao động			0	0	11.128.000	4.868.500	1.391.000	17.387.500	0	17.387.500
4	TK 338 - Phải trả, phải nộp khác			0	0	0	0	0	0	0	0
	Cộng	139.100.000	3.700.000	142.800.000	2.782.000	36.166.000	9.041.500	2.782.000	50.771.500	0	193.571.500
Ngày tháng năm 2017											
Người lập bảng						Kế toán trưởng					
(Ký, họ tên)						(Ký, họ tên)					

Phụ lục 2.14. Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

Đơn vị: Công Ty TNHH Ngọc Sơn

Địa chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành

Thành phố Ninh Bình

Mẫu số 06 - TSCĐ

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 06 Năm 2017

Đvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ KH % hoặc thời gian sử dụng	Toàn DN / Nơi SD		TK 641 Chi phí bán hàng	TK 642 - Chi phí QLDN
			NG	Số KH		
A	B	1	2	3	4	5
1	I. Số khấu hao trích tháng trước		3.705.000.000	14.284.722	9.013.889	5.270.833
2	II. Số KHTSCĐ tăng trong tháng		0	0	0	0
3	III. Số KHTSCĐ giảm trong tháng		0	0	0	0
4	IV. Số khấu hao trích tháng này		3.705.000.000	14.284.722	9.013.889	5.270.833

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Người lập bảng

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Phụ lục 2.15. Sổ chi tiết tài khoản 6411

Đơn vị: Công Ty TNHH Ngọc Sơn

Đại chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành
Thành phố Ninh Bình

Mẫu số: S38-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC
của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản:

6411

Đối tượng:

Chi phí nhân viên bán hàng

Từ 01/06/2017 đến 30/06/2017

(Đvt: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		0	
			Số phát sinh trong kỳ			
...
30/06	BTPBTLT6	30/06	Tiền lương nhân viên bán hàng	334	89.700.000	
...
30/06	BTPBTLT6	30/06	Phụ cấp nhân viên bán hàng	334	1.100.000	
...
30/06	BTPBTLT6	30/06	Khoản trích theo lương nhân viên bán hàng	338	21.528.000	
...
30/06	PKC06	30/06	Kết chuyển chi phí nhân viên bán hàng	911		113.828.000
...
			Cộng số phát sinh		113.828.000	113.828.000
			Số dư cuối kỳ		0	

Sổ này có Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ.....

Ngày..... tháng..... Năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2.16. Sổ cái tài khoản 641

<p>Đơn vị: Công ty TNHH Ngọc Sơn Địa chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành Thành phố Ninh Bình</p>	<p>Mẫu số: S03b - DN (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)</p>
SỔ CÁI CHI PHÍ BÁN HÀNG	
<p>Tài khoản: 641 Đối tượng: Chi phí bán hàng</p>	
<p>Từ 01/06/2017 đến 30/06/2017</p>	
<p><i>Đvt: đồng</i></p>	

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ'	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STTD		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu tháng				0	
			Số phát sinh trong tháng					
...
30/06	BTPBTLT6	30/06	Tiền lương nhân viên bán hàng			334	89.700.000	
...
30/06	BTPBTLT6	30/06	Phụ cấp nhân viên bán hàng			334	1.100.000	
...
30/06	BTPBTLT6	30/06	Khoản trích theo lương nhân viên bán hàng			338	21.528.000	
...
30/06	BPBKHT6	30/06	Trích khấu hao tài sản cố định bộ phận bán hàng			214	9.013.889	
...
30/06	PKC06	30/06	Kết chuyển chi phí bán hàng			911		21.663.889
...
30/06	PKC06	30/06	Kết chuyển chi phí nhân viên bán hàng			911		113.828.000

...
			Cộng số phát sinh tháng				135.491.889	135.491.889
			Số dư cuối tháng				0	
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Sổ này có Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ.....

Ngày..... tháng..... Năm.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2.17. Sổ chi tiết tài khoản 6421

Đơn vị: Công Ty TNHH Ngọc Sơn

Đại chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành
Thành phố Ninh Bình

Mẫu số: S38-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC
của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản:

6421

Đối tượng:

Chi phí nhân viên quản lý

Từ 01/06/2017 đến 30/06/2017

(Đvt: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		0	
			Số phát sinh trong kỳ			
...
30/06	BTPBTLT6	30/06	Tiền lương nhân viên quản lý	334	49.400.000	
...
30/06	BTPBTLT6	30/06	Phụ cấp nhân viên quản lý	334	2.600.000	
...
30/06	BTPBTLT6	30/06	Khoản trích theo lương nhân viên quản lý	338	11.856.000	
...
30/06	PKC07	30/06	Kết chuyển chi phí nhân viên quản lý	911		62.356.000
...
			Cộng số phát sinh		62.356.000	62.356.000
			Số dư cuối kỳ		0	

Sổ này có Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ.....

Ngày..... tháng..... Năm.....

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2.18. Sổ cái tài khoản 642**Đơn vị:** Công ty TNHH Ngọc Sơn**Đại chỉ:** số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành
Thành phố Ninh Bình**Mẫu số: S03b - DN**(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**SỔ CÁI CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP****Tài khoản:**

642

Đối tượng:

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ 01/06/2017 đến 30/06/2017

(Đvt: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STTD		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu tháng				0	
			Số phát sinh trong tháng					
30/06	BTPBTLT6	30/06	Tiền lương nhân viên quản lý			334	49.400.000
30/06	BTPBTLT6	30/06	Phụ cấp nhân viên quản lý			334	2.600.000
30/06	BTPBTLT6	30/06	Khoản trích theo lương nhân viên quản lý			338	11.856.000
30/06	BPBKHT6	30/06	Trích khấu hao tài sản cố định bộ phận quản lý			214	5.270.833
30/06	PKC07	30/06	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			911	6.770.833
30/06	PKC07	30/06	Kết chuyển chi phí nhân viên quản lý			911	62.356.000

.....
			Cộng số phát sinh tháng				69.126.833	69.126.833
			Số dư cuối tháng				0	
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Sổ này có Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ.....

Ngày..... tháng..... Năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2.19 Sổ chi tiết tài khoản 8211

Đơn vị: Công Ty TNHH Ngọc Sơn **Mẫu số: S38-DN**
Đại chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC
 Thành phố Ninh Bình của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 8211
Đối tượng: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
 Từ 01/06/2017 đến 30/06/2017

(Đvt: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		0	
			Số phát sinh trong kỳ			
.....
30/06	PK	30/06	Chi phí thuế TNDN	3334	48.086.964
.....
30/06	PKC08	30/06	Kết chuyển thuế TNDN	911	48.086.964
.....
			Cộng số phát sinh		48.086.964	48.086.964
			Số dư cuối kỳ		0	

Sổ này có Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ.....

Ngày..... tháng..... Năm.....

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2.20 Sổ cái tài khoản 821

Đơn vị: Công ty TNHH Ngọc Sơn

Đại chỉ: số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành

Thành phố Ninh Bình

Mẫu số: S03b - DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI CHI PHÍ THUẾ TNDN

Tài khoản: 821

Đối tượng: Chi phí thuế TNDN

Từ 01/06/2017 đến 30/06/2017

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STTD		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu tháng				0	
			Số phát sinh trong tháng					
.....
30/06	PK	30/06	Chi phí thuế TNDN			3334	48.086.964
.....
30/06	PKC08	30/06	Kết chuyển thuế TNDN			911	48.086.964
.....
			Cộng số phát sinh tháng				48.086.964	48.086.964
			Số dư cuối tháng				0	
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Sổ này có Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ.....

Ngày..... tháng..... Năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2.21 Sổ cái tài khoản 911**Đơn vị:** Công ty TNHH Ngọc Sơn**Đại chỉ:** số 297, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành

Thành phố Ninh Bình

Mẫu số: S03b - DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**Tài khoản:** 911**Đối tượng:** Xác định kết quả kinh doanh

Từ 01/06/2017 đến 30/06/2017

Đvt: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STTD		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu tháng					
			Số phát sinh trong tháng					
.....
30/06	PKC02	30/06	Kết chuyển doanh thu thuần			511	3.869.938.540
.....
30/06	PKC03	30/06	Doanh thu tài chính			515	5.600.000
30/06	PKC04	30/06	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	2.628.826.445
.....
30/06	PKC04	30/06	Kết chuyển giá vốn hàng bán thép Kyoiei cuộn Φ 6			632THEPKyoieiTCΦ6	791.173.555
.....
30/06	PKC05	30/06	Kết chuyển chi phí tài chính			635	10.485.000
.....
30/06	PKC06	30/06	Kết chuyển chi phí bán hàng			641	21.663.889
.....

30/06	PKC06	30/06	Kết chuyển chi phí nhân viên bán hàng			6411	113.828.000
.....
30/06	PKC07	30/06	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			642	6.770.833
.....
30/06	PKC07	30/06	Kết chuyển chi phí nhân viên quản lý			6421	62.356.000
.....
30/06	PKC08	30/06	Kết chuyển thuế TNDN			821	48.086.964
.....
30/06	PKC09	30/06	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế			421	192.347.854
.....
			Cộng số phát sinh tháng				3.875.538.540	3.875.538.540
			Số dư cuối tháng					0
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Sổ này có Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... Năm.....

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2.22 Báo cáo doanh thu tiêu thụ theo mặt hàng

BÁO CÁO DOANH THU TIÊU THỤ THEO MẶT HÀNG
THÁNG 06/2017

DVT: đồng

STT	MẶT HÀNG	MÃ HÀNG	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	DOANH THU		CÁC KHOẢN GIẢM DOANH THU		DOANH THU THUẦN	
					SỐ TIỀN	TỶ LỆ (%)	SỐ TIỀN	TỶ LỆ (%)	SỐ TIỀN	TỶ LỆ (%)
1	Xi măng Duyên Hà PC 30	XMDHPC30	...	829,20	354.125.000	9,13	106.238	1,06	354.018.763	9,15
...
11	Thép cuộn Kyoiei Φ 6	THEPKyoieiTCΦ6	...	12.987,57	826.375.000	21,30	2.235.880	22,22	824.139.120	21,30
...
14	Thép gân Kyoiei Φ 10	THEPKyoieiTGΦ10	...	12.939,00	165.241.000	4,26	1.125.630	11,19	164.115.370	4,24
...
...
...
...
...
TỔNG					3.880.000.000	100	10.061.460	100,00	3.869.938.540	100

Phụ lục 2.23 Báo cáo chi phí toàn doanh nghiệp.

BÁO CÁO CHI PHÍ TOÀN DOANH NGHIỆP

THÁNG 06/2017

ĐVT: đồng

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)
1	Giá vốn hàng bán	3.420.000.000	94,08
	Xi măng Duyên Hà PC 30	343.327.396	10,04

	Thép cuộn Kyoiei Φ 6	791.173.555	23,13

	Thép gân Kyoiei Φ 10	151.552.370	4,43

2	Chi phí tài chính	10.485.000	0,29
3	Chi phí bán hàng	135.491.889	3,73
	Chi phí nhân viên	113.828.000	84,01
	Chi phí khấu hao	9.013.889	6,65
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.650.000	9,34
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	69.126.833	1,90
	Chi phí nhân viên	62.356.000	90,21
	Chi phí khấu hao	5.270.833	7,62
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.500.000	2,17
5	Chi phí khác	0	0,00
	Tổng	3.635.103.722	100,00

Hà nội, ngày 06 tháng 11 năm 2017

BẢN GIẢI TRÌNH
CÁC ĐIỂM BỔ SUNG SỬA CHỮA LUẬN VĂN THẠC SỸ
THEO GÓP Ý CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM LUẬN VĂN THẠC SỸ

Cao học viên: **Đào Thị Hồng Vân.**

Đề tài luận văn:

“Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Ngọc Sơn”.

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60.34.03.01

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Mạnh Thiều.

Trên cơ sở góp ý của Hội đồng chấm luận văn thạc sỹ, dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn khoa học, học viên đã sửa chữa, bổ sung các góp ý như sau:

1. Về nội dung

Bổ sung minh chứng về thực trạng kế toán xác định kết quả kinh doanh (chương 2):

Học viên đã bổ sung thực trạng quy trình kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh trong kỳ cùng các minh chứng cụ thể là các phiếu kết chuyển cuối kỳ: phiếu kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu; phiếu kết chuyển doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính; phiếu kết chuyển chi phí giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp; phiếu kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chuẩn hóa phụ lục 2.14:

Học viên đã chuẩn hóa về mẫu biểu, và thời gian trong phụ lục 2.14, thay đổi thông tin về thời gian trong phụ lục 2.14 từ tháng 12 năm 2016 thành tháng 06 năm 2017.

Luận giải, làm rõ các giải pháp đề xuất ở chương 3:

Học viên đã luận giải chi tiết giải pháp ghi chép và phản ánh riêng doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và doanh thu vận chuyển bốc dỡ

Doanh thu bán hàng hạch toán

Nợ TK liên quan (111,112,131...): tổng giá thanh toán

Có TK 5111.XX.XX.XXX: Doanh thu bán hàng hóa

Có TK 3331: Thuế GTGT

Doanh thu vận chuyển hạch toán

Nợ TK liên quan (111,112,131...): tổng giá thanh toán

Có TK 5113.XX.XX.XXX: Doanh thu vận chuyển

Có TK 3331: Thuế GTGT

Bổ nội dung: “kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho trước khi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển thành công ty cổ phần” trong phần giải pháp về chi phí.

Bổ sung các minh chứng về kế toán quản trị ở chương 2:

Học viên đã bổ sung báo cáo chi phí toàn doanh nghiệp theo **Phụ lục 2.23 báo cáo chi phí toàn doanh nghiệp**.

Bổ phần kinh nghiệm ở chương 1:

Học viên đã bổ nội dung mục 1.5. Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Bổ sung các thông tin về doanh nghiệp: quy mô, lĩnh vực hoạt động:

Học viên đã bổ sung thông tin:

Lĩnh vực hoạt động: kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng & thiết bị nội thất

Đặc điểm lĩnh vực kinh doanh: nhạy cảm cao với chu kỳ kinh tế; quan hệ mật thiết với ngành xây dựng và bất động sản.

Quy mô: hiện nay vốn điều lệ của công ty là 8.000.000.000 đồng; Tổng nhân sự toàn công ty là 30 người, cụ thể như sau:

PHÒNG BAN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG
Phòng Giám Đốc	Giám Đốc	1
Phòng Hành Chính	Trưởng Phòng	1
	Nhân Viên	1
Phòng Kế Toán	Kế Toán Trưởng	1
	Kế Toán Viên	5
Phòng Kỹ Thuật	Trưởng Phòng	1
	Nhân Viên	2
Phòng Kinh Doanh	Trưởng Phòng	1
Showroom	Nhân Viên	5
	Bốc Vác & Lái Xe	12
TỔNG		30

2. Về hình thức

Học viên đã chỉnh sửa việc trình bày chữ số trong luận văn theo đúng quy định: sau số hàng nghìn, hàng triệu là dấu chấm

Học viên đã sửa chữa một số lỗi sai chính tả và sai sót đánh máy

3. Các vấn đề góp ý khác, tác giả xin bảo lưu ý kiến:

Trên đây là các nội dung học viên đã tiếp thu và hoàn chỉnh luận văn sau khi có ý kiến của Hội Đồng chấm luận văn.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

HỌC VIÊN

TS. NGUYỄN MẠNH THIỀU

ĐÀO THỊ HỒNG VÂN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS. TS: NGHIÊM THỊ THÀ